

BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO

BỘ LAO ĐỘNG – THƯƠNG BINH VÀ XÃ HỘI

TRƯỜNG ĐẠI HỌC LAO ĐỘNG - XÃ HỘI

HOÀNG VĂN ĐẠI

**HOẠT ĐỘNG CÔNG TÁC XÃ HỘI TRONG
HỖ TRỢ GIẢM NGHÈO TẠI HUYỆN MƯỜNG LÁT
TỈNH THANH HÓA**

LUẬN VĂN THẠC SĨ CÔNG TÁC XÃ HỘI

HÀ NỘI - 2021

BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO

BỘ LAO ĐỘNG – THƯƠNG BINH VÀ XÃ HỘI

TRƯỜNG ĐẠI HỌC LAO ĐỘNG - XÃ HỘI

HOÀNG VĂN ĐẠI

**HOẠT ĐỘNG CÔNG TÁC XÃ HỘI TRONG
HỖ TRỢ GIẢM NGHÈO TẠI HUYỆN MUỜNG LÁT
TỈNH THANH HÓA**

Chuyên ngành: Công tác xã hội

Mã số: 8760101

LUẬN VĂN THẠC SĨ CÔNG TÁC XÃ HỘI

NGƯỜI HƯỚNG DẪN KHOA HỌC: TS.CHU THỊ HUYỀN YẾN

HÀ NỘI – 2021

LỜI CAM ĐOAN

Tôi xin cam đoan: Luận văn này là công trình nghiên cứu khoa học độc lập và thực tiễn của cá nhân tôi tại địa bàn tôi lựa chọn, huyện Mường Lát tỉnh Thanh Hóa, được thực hiện dưới sự hướng dẫn khoa học của TS. Chu Thị Huyền Yến.

Các số liệu, những kết luận nghiên cứu được trình bày trong luận văn này hoàn toàn trung thực và những việc, số liệu đã và đang diễn ra thực tế tại địa bàn nghiên cứu.

Tôi xin chịu trách nhiệm về nghiên cứu của mình.

HỌC VIÊN

Hoàng Văn Đại

LỜI CẢM ƠN

Trong quá trình nghiên cứu phục vụ cho luận văn tốt nghiệp “*Hoạt động Công tác xã hội trong hỗ trợ giảm nghèo tại huyện Mường Lát, tỉnh Thanh Hóa*” tôi đã nhận được sự giúp đỡ rất nhiệt tình, sự quan tâm, giúp đỡ tận tâm của thầy cô, bạn bè, gia đình, đồng nghiệp Sở Lao động Thương binh và Xã hội tỉnh Thanh Hóa.

Tôi xin gửi lời cảm ơn sâu sắc nhất đến TS. Chu Thị Huyền Yến, người đã tận tình hướng dẫn, luôn quan tâm, lắng nghe ý kiến cũng như truyền đạt cho tôi những kiến thức bổ ích về nội dung và kinh nghiệm nghiên cứu để tôi có thể hoàn thành luận văn này một cách khoa học.

Tôi xin gửi lời cảm ơn chân thành đến Ban giám hiệu nhà trường, Khoa Sau đại học, Khoa Công tác xã hội và tất cả các thầy giáo các trường có liên quan. Đặc biệt là thầy cô Trường Đại học Lao động xã hội đã trang bị kiến thức và tạo điều kiện thuận lợi cho tôi trong thời gian học tập, nghiên cứu và thực hiện luận văn tại trường.

Tôi trân trọng cảm ơn Lãnh đạo các ban ngành và Lãnh đạo, cán bộ Phòng Lao động - Thương binh và Ủy ban nhân dân huyện Mường Lát, cán bộ chính sách xã, thị trấn huyện Mường Lát đã giúp đỡ và tạo mọi điều kiện thuận lợi để tôi hoàn thành việc thu thập số liệu, tiếp cận với nhân dân, các hộ nghèo, cận nghèo để phục vụ cho nội dung luận văn này.

Xin trân trọng cảm ơn./.

Hà Nội, tháng 10 năm 2021

HỌC VIÊN

Hoàng Văn Đại

MỤC LỤC

LỜI CAM ĐOAN	
LỜI CẢM ƠN	
MỤC LỤC	I
DANH MỤC BẢNG	V
DANH MỤC BIỂU ĐỒ	VI
PHẦN MỞ ĐẦU	1
CHƯƠNG 1: CƠ SỞ LÝ LUẬN VỀ CÔNG TÁC XÃ HỘI TRONG HỖ TRỢ GIẢM NGHÈO	13
1.1. Lý luận về nghèo và giảm nghèo	13
1.1.1. Khái niệm nghèo.....	13
1.1.2. Khái niệm chuẩn nghèo.....	14
1.1.3. Khái niệm giảm nghèo và công tác giảm nghèo.....	15
1.1.4. Khái niệm người nghèo.....	16
1.1.5. Đặc điểm của người nghèo.....	16
1.1.6. Nhu cầu của người nghèo.....	18
1.2. Lý luận về hoạt động công tác xã hội trong hỗ trợ giảm nghèo	19
1.2.1. Khái niệm công tác xã hội.....	19
1.2.2 Khái niệm hoạt động công tác xã hội trong hỗ trợ giảm nghèo.....	21
1.2.3. Vai trò của công tác xã hội trong hoạt động giảm nghèo.....	21
1.2.4. Nội dung các hoạt động công tác xã hội trong hỗ trợ giảm nghèo.....	22
1.3. Các yếu tố ảnh hưởng đến hoạt động công tác xã hội trong hỗ trợ giảm nghèo	30
1.3.1. Yếu tố thuộc về người nghèo.....	30
1.3.2. Yếu tố thuộc về cán bộ chính sách với vai trò là nhân viên công tác xã hội.....	31

1.3.3. Yếu tố thuộc về cơ chế chính sách.....	32
1.4. Quan điểm của Đảng, Nhà nước và hệ thống chính sách về giảm nghèo.....	33
1.4.1. Chủ trương về giảm nghèo.....	35
1.4.2. Một số văn bản do Chính phủ, Bộ Lao động, Thương binh và Xã hội và các Bộ, Ngành liên quan ban hành hỗ trợ giải quyết nghèo đói	36
1.4.3. Một số chương trình giảm nghèo	39
CHƯƠNG 2: THỰC TRẠNG HOẠT ĐỘNG CÔNG TÁC XÃ HỘI TRONG HỖ TRỢ GIẢM NGHÈO TẠI HUYỆN MƯỜNG LÁT, TỈNH THANH HÓA	43
2.1 Mô tả địa bàn và khách thể nghiên cứu	43
2.1.1. Mô tả địa bàn nghiên cứu.....	43
2.1.2. Mô tả khách thể nghiên cứu người nghèo sinh sống trong phạm vi không gian nghiên cứu.....	44
2.2. Đánh giá thực trạng hoạt động công tác xã hội trong hỗ trợ giảm nghèo tại huyện Mường Lát.....	50
2.2.1. Hoạt động hỗ trợ tuyên truyền nâng cao nhận thức về giảm nghèo.....	51
2.2.2. Thực trạng các hoạt động hỗ trợ dạy nghề và tạo việc làm cho người nghèo	61
2.2.3. Thực trạng các hoạt động hỗ trợ tài chính, vốn cho người nghèo	69
2.2.4. Thực trạng các hoạt động vận động nguồn lực trong hỗ trợ giảm nghèo tại huyện Mường Lát.....	82
2.3. Các yếu tố ảnh hưởng đến hoạt động công tác xã hội trong hỗ trợ giảm nghèo tại huyện Mường Lát	89
2.3.1. Yếu tố chính sách và pháp luật	89
2.3.2. Yếu tố năng lực, nhận thức và thái độ của chính quyền và cán bộ chính sách tại địa phương.....	90

2.3.3. Yếu tố nhận thức của người nghèo ảnh hưởng đến các hoạt động công tác xã hội trong hỗ trợ giảm nghèo tại huyện Mường Lát	94
TIỂU KẾT CHƯƠNG 2	98
CHƯƠNG 3: CÁC GIẢI PHÁP NHẪM NÂNG CAO HOẠT ĐỘNG CÔNG TÁC XÃ HỘI TRONG HỖ TRỢ GIẢM NGHÈO TẠI HUYỆN MƯỜNG LÁT	99
1.1. Giải pháp chung	99
1.2 Các giải pháp cụ thể	104
1.2.1. Giải pháp nhằm nâng cao các hoạt động kết nối, tuyên truyền nâng cao nhận thức trong hỗ trợ giảm nghèo tại huyện Mường Lát.....	104
1.2.2. Giải pháp nhằm nâng cao các hoạt động vận động nguồn lực trong hỗ trợ giảm nghèo tại huyện Mường Lát	105
1.2.3. Giải pháp nhằm nâng cao hoạt động kết nối cộng đồng trong hỗ trợ giảm nghèo tại huyện Mường Lát.....	106
TIỂU KẾT CHƯƠNG 3	108
KẾT LUẬN - KHUYẾN NGHỊ	109
DANH MỤC TÀI LIỆU THAM KHẢO	112
PHỤ LỤC	114

DANH MỤC CÁC CHỮ VIẾT TẮT

STT	Chữ viết tắt	Nội dung
1	BHYT	Bảo hiểm y tế
2	CSGN	Chính sách giảm nghèo
3	CTXH	Công tác xã hội
4	KT	Kinh tế
5	KT-XH	Kinh tế - xã hội
6	LĐ	Lao động
7	PTCĐ	Phát triển cộng đồng
8	SX	Sản xuất
9	XĐGN	Xóa đói giảm nghèo
10	XH	Xã hội
11	CHDCND	Cộng hòa dân chủ nhân dân Lào

DANH MỤC BẢNG

Bảng 2.1. Số liệu hộ nghèo 9 xã, thị trấn trong nghiên cứu	45
Bảng 2.2. Số liệu hộ tự nhiên 8 xã, 1 thị trấn thuộc huyện Mường Lát	45
Bảng 2.3. Nghề nghiệp hiện nay của các hộ gia đình nghèo	46
Bảng 2.4. Số lượng thành viên trong gia đình các hộ nghèo	47
tại huyện Mường Lát	47
Bảng 2.5. Trình độ học vấn của người nghèo tại huyện Mường Lát	48
Bảng 2.6. Thông tin cán bộ chính sách xã, thị trấn được phỏng vấn sâu.....	49
Bảng 2.7. Các yếu tố về nhận thức của cán bộ và người dân trong đánh giá nguồn lực hỗ trợ giảm nghèo	60
Bảng 2.8. Kết quả khảo sát đánh giá đối tượng là hộ nghèo đã qua đào tạo nghề.....	63
Bảng 2.9. Đánh giá việc vay vốn ngân hàng của các hộ nghèo	69
Bảng 2.10. Nguồn thông tin vay vốn.....	71
Bảng 2.11. Số liệu thực hiện chính sách ưu đãi tín dụng và các chương trình hỗ trợ giảm nghèo huyện Mường Lát trong các năm gần đây	72
Bảng 2.12. Tỷ lệ vay của các hộ nghèo theo chính sách của nhà nước để giải quyết việc làm tại huyện Mường Lát.....	76
Bảng 2.13. Mức độ hài lòng của người nghèo được vay vốn theo chính sách của nhà nước tại huyện Mường Lát.....	77
Bảng 2.14. Đánh giá của hộ nghèo về việc đáp ứng nhu cầu của các chính sách vay vốn tại huyện Mường Lát	81
Bảng 2.15. Đánh giá sự quan tâm của các cấp chính quyền tới công tác hỗ trợ hộ nghèo tại huyện Mường Lát.....	91
Bảng 2.16. Thống kê số lần làm việc của cán bộ chính sách xã với hộ nghèo, đang trong quá trình làm hồ sơ vay vốn tại huyện Mường Lát	92
Bảng 2.17. Nguyên nhân dẫn đến nghèo của nhóm hộ điều tra	96

DANH MỤC BIỂU ĐỒ

Biểu đồ 2.1: Số lượng hộ nghèo được tuyên truyền về giảm nghèo.....	51
Biểu đồ 2.2: Phương tiện tuyên truyền mà người dân biết đến vấn đề giảm nghèo	52
Biểu đồ 2.3. Đánh giá hiệu quả hoạt động tuyên truyền về giảm nghèo	54
Biểu đồ 2.4. Đánh giá các hoạt động của cán bộ chính sách trong hoạt động tuyên truyền.....	57
Biểu đồ 2.5. Số lượng người nghèo được hỗ trợ đào tạo nghề và tạo việc làm	61
Biểu đồ 2.6. Tỷ lệ tìm được việc làm sau khi được đào tạo của người nghèo	64
Biểu đồ 2.7. Đánh giá mức độ tuyên truyền về vai trò của đào tạo nghề cho hộ nghèo tại địa phương.....	65
Biểu đồ 2.8. Đánh giá các hoạt động của cán bộ chính sách trong hoạt động hỗ trợ đào tạo nghề và kết nối việc làm	67
Biểu đồ 2.9. Thực tế sử dụng vốn vay của hộ nghèo.....	70
Biểu đồ 2.10. Thu nhập bình quân của người nghèo tại huyện Mường Lát...	75
Biểu đồ 2.11. Đánh giá của người nghèo về hiệu quả hoạt động hỗ trợ tài chính.....	79
Biểu đồ 2.12: Đánh giá các hoạt động của cán bộ chính sách trong việc hỗ trợ tài chính.....	80
Biểu đồ 2.13. Những khó khăn, vướng mắc của người nghèo trong quá trình học nghề và tìm việc làm	86

PHẦN MỞ ĐẦU

1. Lý do chọn đề tài

Trong điều kiện nền kinh tế văn hóa xã hội của đất nước thời kỳ quá độ lên chủ nghĩa xã hội còn thấp do đất nước trải qua các cuộc kháng chiến giành lại độc lập tự do cho dân tộc, sau khi trở lại hòa bình xây dựng đất nước vấn đề đảm bảo an sinh xã hội trong đó có xóa đói giảm nghèo luôn được Đảng, Nhà nước ta xác định là mục tiêu phát triển hàng đầu. Theo như nhận định của chủ quan lẫn khách quan, nghèo đói chính là một rào cản lớn trong thực hiện tiến bộ xã hội và con đường đi lên chủ nghĩa xã hội, là nguyên nhân của tình trạng thất học, dịch bệnh, ô nhiễm môi trường, sự gia tăng các loại tệ nạn xã hội và bất ổn định An ninh chính trị trên thế giới, đặc biệt đất nước ta đang một lúc thực hiện song song hai nhiệm vụ kép, vừa là phát triển vừa là chống dịch Covid-19 như hiện nay. Trong giai đoạn hiện nay, cùng với việc thực hiện chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới, chương trình mục tiêu quốc gia giảm nghèo bền vững đang được Đảng và Nhà nước quan tâm, lãnh đạo, chỉ đạo triển khai thực hiện thông qua các chủ trương, chính sách và chương trình hành động cụ thể. Trên cơ sở đó, các địa phương cũng đã ban hành nhiều văn bản, chính sách hỗ trợ hộ nghèo, phù hợp với đặc điểm tình hình của địa phương, từng vùng miền của địa giới hành chính, đầu tư xây dựng kết cấu hạ tầng, hỗ trợ phát triển sản xuất, xây dựng các công trình thiết yếu phục vụ sản xuất và đời sống. Có thể khẳng định rằng, chính sách hỗ trợ giảm nghèo đã thể hiện quan điểm, tính nhân văn sâu sắc của Đảng và Nhà nước, trong đó có vùng đồng bào dân tộc thiểu số sống ở vùng đặc biệt khó khăn, vùng sâu vùng xa, vùng biên giới. Công tác giảm nghèo là mục tiêu, nhiệm vụ hết sức cần thiết và cấp bách để giúp cho đồng bào có cuộc sống tốt hơn với phương châm “không ai bị bỏ lại phía sau” theo quan điểm của Đảng và Nhà nước, "miền núi tiến kịp miền xuôi".

Tuy nhiên, công tác giảm nghèo vẫn chưa thực sự mang tính bền vững ở vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi, vùng sâu, vùng xa, do các hộ nghèo, hộ cận nghèo vùng đồng bào dân tộc thiểu số chủ yếu sống ở vùng núi cao, có điều kiện tự nhiên khắc nghiệt, thường xuyên chịu ảnh hưởng trực tiếp

của thiên tai, dịch bệnh, trình độ nhận thức và khả năng tiếp cận khoa học còn nhiều hạn chế, các hủ tục tập quán còn nặng nề, lạc hậu để lại nhiều hậu quả nghiêm trọng trong đời sống nhân dân các dân tộc. Mặc dù Nhà nước đã ban hành nhiều cơ chế chính sách giảm nghèo và việc thực thi những chính sách này đã tác động lớn đến đời sống của vùng đồng bào dân tộc thiểu số nhưng đa phần chính sách hướng tới sự trợ cấp nhiều hơn là sự hỗ trợ, phát huy nội lực. Không ít cộng đồng đã quen dựa vào sự hỗ trợ của Nhà nước, mang tư tưởng, tâm lý trông chờ, ỷ lại vào sự trợ giúp từ bên ngoài hoặc chưa có cơ hội và khả năng tiếp cận với các nguồn lực xã hội nên không thể khơi dậy tiềm năng sẵn có của đồng bào dân tộc thiểu số để đồng bào tự lực vươn lên. Kết quả là có những hộ thoát nghèo nhưng không định hướng được sản xuất bền vững nên lại rơi vào cận nghèo và tái nghèo.

Để đạt được mục tiêu giảm nghèo ở vùng đồng bào dân tộc thiểu số, bên cạnh việc ban hành các chính sách và triển khai thực hiện phù hợp với từng địa phương thì cần phải phát huy nội lực cộng đồng của đồng bào dân tộc để giảm nghèo bằng "cần câu và cách thức câu cá" chứ không phải "cho cá". Xét đến cùng hỗ trợ nội lực là nhân tố có ý nghĩa quyết định vì chính nhân tố đó bảo đảm có thể tiếp thu và sử dụng có hiệu quả các nguồn ngoại lực, kết hợp nội lực với ngoại lực thành nguồn lực tổng hợp to lớn cho phát triển. Vì vậy, đồng bào dân tộc thiểu số phải tự nâng cao khả năng của mình trong nhận thức, trong lao động, sản xuất để vượt qua khó khăn, vươn lên thoát nghèo, làm giàu cho bản thân, gia đình và xã hội.

Mường Lát tỉnh Thanh Hóa là huyện vùng cao biên giới được chia tách từ huyện Quan Hóa cũ từ tháng 11 năm 1996. Huyện nằm ở phía Tây tỉnh Thanh Hóa và cách trung tâm Thành phố Thanh Hóa gần 300 km, giáp ranh với huyện Xốp Pâu và Viêng Xay Nước cộng hòa dân chủ Nhân dân Lào. Đây là huyện vùng cao có tỉ lệ hộ nghèo cao nhất toàn tỉnh, tỉ lệ hộ nghèo huyện Mường Lát gấp 13 lần bình quân chung toàn tỉnh. Trong những năm qua các hoạt động hỗ trợ cho người nghèo tại địa phương đã được Đảng và Nhà nước quan tâm, triển khai trên nhiều phương diện đa chiều, tỉ lệ hộ nghèo, hộ cận nghèo của huyện đã giảm từ 71,4% đầu kỳ xuống còn 43,3%

tuy nhiên do địa hình và khoảng cách xã hội nên các hoạt động trợ giúp người dân chưa đạt được nhiều hiệu quả, tính bền vững chưa cao.

Bên cạnh đó về mặt lý luận trên địa bàn huyện Mường Lát những năm qua chưa có nghiên cứu nào liên quan đến vấn đề nghèo, giảm nghèo. Trong lĩnh vực công tác xã hội với người nghèo, vấn đề giảm nghèo cũng chưa có nghiên cứu nào cụ thể. Việc áp dụng vận dụng công tác xã hội trong hỗ trợ giảm nghèo chưa có, chưa có nhân viên công tác xã hội độc lập, hiện tại 100% là cán bộ kiêm nhiệm. Do đó về cơ bản công tác giảm nghèo chủ yếu thực hiện theo các chương trình, dự án chung của Chính phủ, của tỉnh, mà chưa có nghiên cứu ở địa phương để đưa ra các phương án, giải pháp cụ thể nhằm thúc đẩy phát triển kinh tế, xã hội góp phần giảm nghèo bền vững tại địa phương.

Xuất phát từ thực tế đó, tôi chọn vấn đề: *“Hoạt động công tác xã hội trong hỗ trợ giảm nghèo tại huyện Mường Lát tỉnh Thanh Hóa”* làm đề tài luận văn với mục đích tìm hiểu các hoạt động của công tác xã hội trong hỗ trợ giảm nghèo tại huyện Mường Lát tỉnh Thanh Hóa trong thời kỳ đổi mới.

2. Tình hình nghiên cứu liên quan đến đề tài

Từ những năm đầu của thập niên 90, vấn đề nghèo đói và giảm nghèo đã được quan tâm cả trên phương diện nghiên cứu lý luận, nhận thức và triển khai hành động trong thực tiễn.

Tác phẩm *“Vấn đề nghèo ở Việt Nam”* của tác giả Bùi Thế Giang đã đưa ra những vấn đề chung nhất về tình hình nghèo đói ở Việt Nam những năm của thế kỷ 19, những tác động của nghèo đói lên đời sống dân cư và an sinh của xã hội. Những khía cạnh, những vấn đề của nghèo đói.[9]

Trong cuốn sách *“Phụ nữ nghèo nông thôn trong điều kiện kinh tế thị trường”* tác giả Đỗ Thị Bình đã nêu lên các quan niệm về phân hóa giàu nghèo và tình trạng đói nghèo ở nước ta và trên thế giới; đánh giá thực trạng đời sống, các khó khăn và yêu cầu của phụ nữ nghèo nông thôn; đưa ra các khuyến nghị khoa học làm cơ sở cho việc hoạch định chính sách xóa đói giảm nghèo, giúp phụ nữ nghèo nông thôn vươn lên.[2]

Nghiên cứu về “*Vấn đề xóa đói, giảm nghèo ở nông thôn nước ta hiện nay*” của tác giả Nguyễn Thị Hằng đã đánh giá được tình hình nghèo đói của nông thôn Việt Nam sau 3 năm dỡ bỏ cấm vận, nền kinh tế có bước chuyển động đầu tiên nhưng tỷ lệ hộ nghèo ở nông thôn Việt Nam vẫn còn cao. Qua đi sâu nghiên cứu tình hình nghèo đói ở nông thôn, tác giả đã chỉ ra những khó khăn cũng như những biện pháp thực hiện xóa đói giảm nghèo trong điều kiện hiện tại.[5]

Tác giả Lê Xuân Bá Trong tác phẩm “*Nghèo đói và xóa đói, giảm nghèo ở Việt Nam*” đã phản ánh tổng quan về nghèo đói trên thế giới; đưa ra các phương pháp đánh giá về nghèo đói hiện nay, nghèo đói ở Việt Nam và nghiên cứu thực tiễn về nghèo đói ở tỉnh Quảng Bình; qua đó đưa ra một số quan điểm, giải pháp chung về xóa đói giảm nghèo ở Việt Nam.[1] “*Xóa đói, giảm nghèo vùng dân tộc thiểu số; phương pháp tiếp cận*” Công trình nghiên cứu của Liên hiệp các hội khoa học và kỹ thuật Việt Nam đánh giá hiệu quả công tác xóa đói giảm nghèo tại một số vùng dân tộc thiểu số cũng như một số cách tiếp cận trước đó. Dựa trên tình hình thực tế và hiệu quả cũng như mô hình đã áp dụng trong thời gian trước đó tác giả đã đưa ra một số phương pháp tiếp cận mới để công tác xóa đói giảm nghèo đạt hiệu quả.[1]

Tác phẩm “*Vấn đề giảm nghèo trong nền kinh tế thị trường ở Việt Nam hiện nay*” của tác giả Trần Thị Hằng đã đánh giá tình hình thực hiện công tác xóa đói giảm nghèo ở Việt Nam. Đồng thời cũng chỉ ra được tầm quan trọng của công tác xóa đói giảm nghèo trong nền kinh tế thị trường.[6]

Về mặt văn hoá của nhóm người nghèo thì có cuốn sách “*Văn hóa của nhóm người nghèo Việt Nam. Thực trạng và giải pháp*” Tác giả Lương Hồng Quang đã cho rằng nghèo khổ và văn hoá của nhóm nghèo có liên quan tới các vấn đề thuộc phạm trù văn hoá của nhóm nghèo đóng khung trong một khu vực, nó phụ thuộc vào bối cảnh lịch sử. Nghiên cứu về văn hoá của nhóm nghèo tác giả chủ yếu phải dựa vào tiêu chí thu nhập bình quân, nhưng tác giả tập trung nghiên cứu tâm lý, lối sống, cách tiếp cận của họ đối với xã hội. Tác giả thấy rằng những người nghèo có trình độ văn hoá thấp hoặc mù chữ, họ thường cảm thấy cô lập, tự ti, bị tước đoạt những cái mà người khác có được,

khi được trợ cấp xã hội thì dường như họ lại trông chờ ỉ lại. Tác giả cũng đưa ra được những giải pháp khoa học có tính khả thi, tuy nhiên các giải pháp đó chủ yếu là dựa vào nguồn ngân sách Nhà nước chứ chưa tập trung phát huy được tổng lực của toàn xã hội, sự tự lực của người nghèo bởi nâng cao trình độ văn hoá cho người nghèo cần phải có một thời gian dài. Tác giả cho rằng, muốn xoá được tận gốc của cái nghèo và có tính bền vững thì phải nâng cao văn hoá cho người nghèo vì khi con người có tri thức thì họ tiếp cận được với thế giới bên ngoài và tiếp thu khoa học kỹ thuật nhanh đặc biệt là trong việc sản xuất kinh doanh.[15]

“Đói nghèo và bất bình đẳng ở Việt Nam” Bài viết này của World Bank đánh giá dựa trên các yếu tố về khí hậu, nông nghiệp và không gian để đánh giá tình hình nghèo đói và sự bất bình đẳng ở Việt Nam.[18]

“Cuộc chiến chống nghèo đói thực trạng và giải pháp” tác giả Nguyễn Hải Hữu cho rằng tín dụng ưu đãi là biện pháp tỏ ra có tác dụng mạnh trong việc trợ giúp hộ nghèo đặc biệt là nhóm nghèo nhất. Tuy nhiên, lưu tâm về vấn đề bền vững của các hoạt động tín dụng ưu đãi này, theo tác giả, cần phải thay đổi cơ chế, từng bước chuyển dần từ cơ chế ưu đãi, bao cấp (lãi suất thấp, không phải thế chấp) sang cơ chế thương mại, gắn tín dụng với tiết kiệm, hạn chế rủi ro cho người nghèo và nhất là cung cấp tín dụng kịp thời. Tác giả cũng đề xuất lộ trình nâng dần lãi suất theo cơ chế thị trường. Đối với các xã quá khó khăn có thể áp dụng lãi suất ưu đãi thêm một thời gian, đối với vùng có điều kiện phát triển hơn thì chuyển sang cho vay hộ nghèo với lãi suất thương mại, khuyến khích hộ nghèo kết hợp vay vốn với tiết kiệm, trợ giúp đào tạo, chuyển giao công nghệ.[7]

Một tác phẩm khác của tác giả Nguyễn Hải Hữu là *“Định hướng tiếp cận giải quyết vấn đề về nghèo đói ở nước ta”* đã một lần nữa tác giả khẳng định nghèo đói là vấn đề toàn cầu không một quốc gia nào giải quyết triệt để được. Tác giả khẳng định những thành tựu của Việt Nam trong lĩnh vực xóa đói, giảm nghèo là một thành công không nhỏ trong quá trình phát triển kinh tế - xã hội làm cho bộ mặt các xã nghèo, xã đặc biệt khó khăn đã có sự thay đổi đáng kể, nhất là về kết cấu hạ tầng và phát triển sản xuất; đời sống của đại

đa số người dân được nâng cao, đặc biệt là nhóm hộ nghèo, đồng bào dân tộc ở miền núi, phụ nữ (thu nhập tăng 21%, đời sống được cải thiện không chỉ trên khía cạnh ăn, mặc mà còn khía cạnh sức khỏe, đi lại, học hành,...); tạo được sự đồng thuận cao hơn giữa các tầng lớp dân cư, các nhóm xã hội.[8]

Trong sách chuyên khảo “*Chính sách xóa đói giảm nghèo - Thực trạng và giải pháp*” của tác giả Lê Quốc Lý chủ biên: Đã nêu một số lý luận về xóa đói, giảm nghèo; những chủ trương, đường lối của Đảng và chính sách của Nhà nước về xóa đói, giảm nghèo; thực trạng đói nghèo ở Việt Nam; chính sách xóa đói, giảm nghèo ở Việt Nam giai đoạn 2001-2010; một số chương trình xóa đói giảm nghèo điển hình của Việt Nam thời gian qua; đánh giá tổng quát thực hiện chính sách xóa đói, giảm nghèo của Việt Nam giai đoạn 2001-2010; định hướng và mục tiêu xóa đói, giảm nghèo ở Việt Nam trong thời gian tới; một số cơ chế nhằm thực hiện có hiệu quả chính sách xóa đói, giảm nghèo ở Việt Nam; giải pháp xóa đói, giảm nghèo ở Việt Nam thời gian tới. Đây là cuốn sách bổ sung luận cứ cho công tác hoạch định chính sách xóa đói, giảm nghèo, bổ sung tư liệu cho công tác đào tạo, nghiên cứu về chính sách xóa đói, giảm nghèo ở Việt Nam.[11]

“*Báo cáo giảm nghèo ở Việt Nam- Thành tựu và thách thức*” do nhóm nghiên cứu thuộc Viện Khoa học Xã hội Việt Nam (VIASS) thực hiện đã trình bày tóm tắt các kết quả chính, đúc kết từ các nghiên cứu khác nhau được thực hiện trong giai đoạn 2008-2010 theo nhiều chủ đề như: Động thái nghèo, nghèo ở nhóm đồng bào DTTS, nghèo ở nông thôn, bất bình đẳng, an sinh xã hội...[19]

“*Báo cáo tổng quan các nghiên cứu về giảm nghèo ở Việt Nam*” được thực hiện do nhóm chuyên gia Viện Nghiên cứu và Tư vấn phát triển (RCD) do Bộ Lao động thương binh và xã hội chủ trì đã nghiên cứu tổng quan khoảng 70 nghiên cứu khác nhau về giảm nghèo, đánh giá những thành tựu đạt được cũng như những hạn chế, bất cập kể từ khi xây dựng chính sách cho đến khi tổ chức thực hiện; trên cơ sở đó nêu ra khuyến nghị mang tầm vĩ mô phục vụ cho hoạt động giám sát của Quốc hội, từ đó có biện pháp điều chỉnh chính sách giảm nghèo cho phù hợp với điều kiện thực tiễn.[20]

Đề tài luận án Tiến sĩ kinh tế “*Giải pháp xóa đói giảm nghèo nhằm phát triển kinh tế xã hội ở các tỉnh Tây Bắc Việt Nam*” của Nguyễn Thị Nhung đã phân tích thực tiễn về xóa đói giảm nghèo ở nước ta trong quá trình phát triển kinh tế xã hội ở Việt Nam và các tỉnh Tây Bắc, đánh giá những thành tựu, hạn chế về xóa đói giảm nghèo ở Việt Nam và Tây Bắc; đưa ra quan điểm, phương hướng và một số giải pháp cơ bản để thực hiện xóa đói giảm nghèo nhằm phát triển kinh tế xã hội ở các tỉnh Tây Bắc.[13]

Đề tài luận văn Thạc sĩ quản lý kinh tế “*Giảm nghèo bền vững trên địa bàn tỉnh Hà Giang*” của Phạm Ngọc Dũng đã nghiên cứu những vấn đề lý luận chung về giảm nghèo bền vững; phân tích, đánh giá hoạt động giảm nghèo bền vững trên địa bàn tỉnh Hà Giang từ năm 2005 đến năm 2013; trên cơ sở đó Luận văn đã đề xuất một số giải pháp thực hiện giảm nghèo bền vững trên địa bàn tỉnh Hà Giang đến năm 2020.[4]

Đề tài luận văn Thạc sĩ Kinh tế “*Giảm nghèo bền vững trên địa bàn huyện Như Thanh Tỉnh Thanh Hóa*” của Tác giả Lại Thế Quảng đã nghiên cứu đến các vấn đề lý luận về giảm nghèo và giảm nghèo bền vững tại một huyện khá tương đồng với nghiên cứu về giảm nghèo khu vực miền núi Thanh Hóa, các giải pháp để người nghèo tiếp cận được với xã hội. Trên cơ sở đó Luận văn đã đề xuất một số *Giải pháp tuyên truyền nâng cao nhận thức và quyết tâm thoát nghèo cho người nghèo, hộ nghèo trên địa bàn huyện Như Thanh đến năm 2020*. [21]

Tóm lại, các công trình nghiên cứu và bài viết trong nước được nêu ở trên đã đề cập đến giảm nghèo dưới nhiều góc độ và khía cạnh khác nhau cả về lý luận và thực tiễn. Tuy nhiên, các công trình nghiên cứu ít đề cập đến các hoạt động của công tác xã hội trong hỗ trợ giảm nghèo, đây là một vấn đề mới, một khía cạnh mới cần nghiên cứu để đáp ứng yêu cầu của chương trình xóa đói giảm nghèo hiện nay. Luận văn này sẽ nhận diện rõ hơn công tác xã hội trong việc thực hiện hỗ trợ giảm nghèo và đưa ra thực trạng, những yếu tố ảnh hưởng và các giải pháp nhằm thúc đẩy nâng cao các hoạt động của công tác xã hội trong hỗ trợ giảm nghèo tại huyện Mường Lát tỉnh Thanh Hóa trong thời kỳ đất nước đổi mới hiện nay.

3. Mục đích, nhiệm vụ nghiên cứu

3.1 Mục đích nghiên cứu

- Đánh giá thực trạng hoạt động công tác xã hội trong hỗ trợ giảm nghèo tại huyện Mường Lát;

- Phân tích các yếu tố ảnh hưởng đến hoạt động công tác xã hội trong hỗ trợ giảm nghèo tại huyện Mường Lát.

- Từ đó đề tài đưa ra các giải pháp nhằm nâng cao hiệu quả các hoạt động công tác xã hội trong hỗ trợ giảm nghèo tại huyện Mường Lát, tỉnh Thanh Hóa.

3.2 Nhiệm vụ nghiên cứu

- Hệ thống hóa các vấn đề lý luận về hoạt động công tác xã hội trong hỗ trợ giảm nghèo tại huyện Mường Lát;

- Triển khai thu thập thông tin nhằm đánh giá thực trạng hỗ trợ giảm nghèo tại huyện Mường Lát, tỉnh Thanh Hóa.

- Phân tích các yếu tố ảnh hưởng đến hoạt động công tác xã hội trong hỗ trợ giảm nghèo tại huyện Mường Lát.

- Đề xuất các giải pháp nhằm nâng cao hiệu quả của các hoạt động công tác xã hội trong hỗ trợ giảm nghèo tại huyện Mường Lát.

4. Đối tượng, khách thể nghiên cứu

4.1 Đối tượng nghiên cứu

Hoạt động công tác xã hội trong hỗ trợ giảm nghèo.

4.2 Khách thể nghiên cứu

- Người nghèo sống trên địa bàn huyện Mường Lát, tỉnh Thanh Hóa

- Chính quyền địa phương (Cán bộ xã, thị trấn thuộc huyện Mường Lát, tỉnh Thanh Hóa).

4.3. Phạm vi nghiên cứu

4.3.1. Phạm vi nghiên cứu về nội dung

Đề tài tập trung phân tích các hoạt động trong hỗ trợ giảm nghèo. Cụ thể các hoạt động đó là:

- Hoạt động tuyên truyền nâng cao nhận thức

- Hoạt động hỗ trợ dạy nghề, tạo việc làm

- Hoạt động hỗ trợ vay vốn
- Hoạt động hỗ trợ kết nối nguồn lực, cộng đồng

4.3.2 Phạm vi về không gian

Đề tài tiến hành khảo sát các xã, thị trấn của huyện Mường Lát tỉnh Thanh Hóa để có cơ sở đánh giá thực tiễn toàn huyện.

4.3.3. Phạm vi về thời gian

Năm 2019 - 2021

5. Ý nghĩa lý luận, ý nghĩa thực tiễn của đề tài

5.1. Ý nghĩa lý luận

Đề tài góp phần làm rõ hơn những lý luận của công tác xã hội khi ứng dụng vào nghiên cứu một vấn đề cụ thể. Đề tài vận dụng những kiến thức chuyên ngành về công tác xã hội cũng như hệ thống các lý thuyết để tìm hiểu, nghiên cứu một nhóm đối tượng cụ thể. Từ đó góp phần làm sáng tỏ các hoạt động, vị trí của ngành công tác xã hội trong các lĩnh vực của đời sống.

Nghiên cứu tìm hiểu và phân tích phương thức hoạt động của các hoạt động trợ giúp, đồng thời vận dụng các phương pháp và kỹ năng can thiệp trong công tác xã hội được ứng dụng trong quá trình nghiên cứu, hiểu biết sâu sắc hơn về các phương pháp, kỹ năng, các hoạt động công tác xã hội đã được học và thực hành trong quá trình học.

5.2. Ý nghĩa thực tiễn

Tác giả hy vọng qua nghiên cứu này sẽ giúp người đọc hiểu rõ hơn nữa về các hoạt động của công tác xã hội trong hỗ trợ giảm nghèo thông qua hoạt động tại địa phương. Cung cấp thêm một số cách thức làm việc để giúp những người đang thực hiện các hoạt động của người làm nhân viên xã hội tại địa phương trong lĩnh vực giảm nghèo phát huy được các hoạt động của mình.

Đề tài sẽ góp phần giúp các nhà chuyên môn xây dựng, bổ sung, hoàn thiện các chính sách, chương trình hoạt động giảm nghèo một cách sâu rộng, có hiệu quả. Tác giả cũng hy vọng đề tài sẽ trở thành một tài liệu tham khảo hữu ích cho chính quyền địa phương thực hiện công tác giảm nghèo trong thời gian tới.

6 . Phương pháp nghiên cứu

6.1. Phương pháp nghiên cứu tài liệu thứ cấp

Sưu tầm, tổng hợp, phân tích những tài liệu liên quan đến đề tài trên cơ sở đó xây dựng cơ sở lý luận cho đề tài. Phân tích, tổng hợp, hệ thống hóa, khái quát hóa các tài liệu sẵn có từ các nguồn tài liệu chính thức, từ các công trình nghiên cứu của các tác giả đã nghiên cứu trước đây, các bài viết của huyện trong các thời kỳ, sách báo, internet,.. từ các báo cáo của cơ quan chức năng huyện Mường Lát tỉnh Thanh Hóa về các vấn đề có liên quan đến giảm nghèo và giảm nghèo bền vững trong huyện qua các năm, các chương trình. Việc nghiên cứu các tài liệu thứ cấp này giúp hiểu và nắm được các đặc điểm về cách làm ăn, canh tác và phát triển, thực trạng đời sống của nhân dân các dân tộc thiểu số trong huyện, từ đó, xác định nhu cầu của từng dân tộc, hướng phát triển chung của huyện, nhất là nhu cầu được hỗ trợ về giảm nghèo.

Nghiên cứu tài liệu thứ cấp, sử dụng nguồn từ các báo cáo liên quan đến tình hình thực hiện giảm nghèo tại địa bàn nghiên cứu.

Phương pháp phân tích tài liệu giúp đề tài nghiên cứu có một hệ thống cơ sở lý luận vững chắc, làm nền tảng để đi sâu vào nghiên cứu thực trạng thực hiện giảm nghèo trên địa bàn nghiên cứu.

6.2. Phương pháp phỏng vấn bằng bảng hỏi

Phương pháp phỏng vấn bằng bảng hỏi giúp thu thập thông tin của các nhóm đối tượng trong một khu vực nhất định ở một khoảng không gian và thời gian nhất định.

Đối với nghiên cứu này, phương pháp phỏng vấn bằng bảng hỏi giúp nghiên cứu có được đánh giá cụ thể nhất về các hoạt động của công tác xã hội trong việc thực hiện giảm nghèo.

Số lượng mẫu nghiên cứu là 120 người nghèo (Chủ hộ) ở 8 xã, thị trấn; (xã Mường Lý 16 mẫu; các xã, thị trấn còn lại mỗi đơn vị 13 mẫu.)

Nội dung bảng hỏi: Các câu hỏi nhằm thu thập thông tin chung và đánh giá việc thực hiện chính sách giảm nghèo trên địa bàn nghiên cứu và đánh giá các hoạt động của công tác xã hội trong hỗ trợ giảm nghèo.

6.3. Phương pháp phỏng vấn sâu

- Phương pháp này thông qua quá trình giao tiếp bằng lời nói trực tiếp để thu thập được những thông tin theo mục đích đặt ra.

- *Số lượng người phỏng vấn:*

+ 10 đại diện hộ nghèo

+ 05 cán bộ chính sách (Cán bộ chính sách xã, thị trấn, cán bộ chính sách huyện)

- *Nội dung phỏng vấn sâu:*

+ Phỏng vấn hộ nghèo: Phỏng vấn này giúp cho người nghiên cứu tìm rõ nguyên nhân của hộ dẫn đến nghèo, thu thập thông tin dựa trên giao tiếp bằng lời, chuẩn bị các câu hỏi trước để đặt câu hỏi đúng trọng tâm, thu thập thông tin của tiểu sử hộ nghèo, nhu cầu mong muốn của họ hay những khó khăn vướng mắc mà họ thường gặp phải. Đồng thời đánh giá được những cốt lõi trọng tâm của vấn đề nghiên cứu, giúp người nghiên cứu hiểu được bản chất vấn đề để đưa ra các giải pháp tối ưu nhất đáp ứng được nhu cầu nguyện vọng người nghèo và phù hợp với bản thân của họ.

+ Đối với cấp độ lãnh đạo, quản lý: Tiến hành phỏng vấn 1 mẫu (lãnh đạo hoặc chuyên viên phòng LĐTBXH huyện hoặc chuyên viên ngân hàng chính sách; Phỏng vấn nhằm tìm hiểu quan điểm chỉ đạo của huyện trong việc triển khai các chương trình, chính sách giảm nghèo trên địa bàn huyện, thực trạng đào tạo, tập huấn nâng cao nghiệp vụ về áp dụng các hoạt động công tác xã hội trong việc thực hiện triển khai chính sách giảm nghèo.

- Đối với cấp độ cán bộ công chức chuyên môn thực hiện nhiệm vụ: Tiến hành phỏng vấn 4 công chức văn hóa xã hội của xã, thị trấn. Nhằm tìm hiểu các hoạt động của cán bộ chính sách là gì trong việc thực hiện các chính sách giảm nghèo, ai là người thực hiện các hoạt động của một nhân viên công tác xã hội trong khi tại các xã chưa có nhân viên công tác xã hội chính thức, các hoạt động của công tác xã hội được thực hiện như thế nào, có những hiệu quả và hạn chế gì.

6.4. Phương pháp quan sát

Phương pháp quan sát được tiến hành theo một số tuyến và điểm trên địa bàn huyện Mường Lát nhằm đánh giá thực trạng đời sống của người nghèo và tình hình thực hiện giảm nghèo của huyện.

Đối với người nghèo, tác giả thực hiện quan sát nơi ở, hoàn cảnh sống, cách họ giao tiếp, phong tục tập quán có liên quan đến đời sống các dân tộc trong sản xuất, tiếp nhận những chương trình hỗ trợ giảm nghèo của chính quyền địa phương.

Đối với cán bộ chính sách địa phương, tác giả thực hiện quan sát việc họ tiếp xúc với người nghèo, từ thái độ, cử chỉ cho đến cách họ tuyên truyền các chính sách, chương trình hỗ trợ của chính quyền tới các hộ gia đình nghèo. Qua đó đánh giá xem họ đã thực hiện được những các hoạt động của công tác xã hội chưa, nếu có thì đã thực hiện ở mức độ nào, phương pháp tiếp cận ra sao.

6.5. Phương pháp xử lý dữ liệu.

Đối với dữ liệu định tính của phỏng vấn sâu tác giả dùng phương pháp tổng hợp, phân tích...

Sử dụng công cụ hỏi trực tiếp, bảng hỏi đã thu thập thông tin, phần mềm excel để vẽ biểu đồ.

Sử dụng phần mềm xử lý dữ liệu SPSS...

7. Kết cấu luận văn

Luận văn gồm 3 phần: Ngoài phần mở đầu và phần kết luận thì phần nội dung được kết cấu thành 3 chương:

Chương 1. Cơ sở lý luận về công tác xã hội trong việc hỗ trợ giảm nghèo

Chương 2. Thực trạng các hoạt động công tác xã hội trong việc hỗ trợ giảm nghèo tại huyện Mường Lát tỉnh Thanh Hóa

Chương 3. Các giải pháp nhằm nâng cao hoạt động của công tác xã hội trong hỗ trợ giảm nghèo tại huyện Mường Lát, tỉnh Thanh Hóa

CHƯƠNG 1

CƠ SỞ LÝ LUẬN VỀ CÔNG TÁC XÃ HỘI TRONG HỖ TRỢ GIẢM NGHÈO

1.1. Lý luận về nghèo và giảm nghèo

1.1.1. Khái niệm nghèo

Theo Tổ chức Liên hợp quốc (UN) tháng 6/2008: “Nghèo là thiếu năng lực tối thiểu để tham gia hiệu quả vào các hoạt động xã hội. Nghèo có nghĩa là không có đủ ăn, đủ mặc, không được đi học, không được khám chữa bệnh, không có đất đai để trồng trọt hoặc không có nghề nghiệp để nuôi sống bản thân, không được tiếp cận tín dụng. Nghèo cũng có nghĩa là không an toàn, không có quyền, và bị loại trừ, dễ bị bạo hành, phải sống trong các điều kiện rủi ro, không tiếp cận được nước sạch và công trình vệ sinh”.

Vấn đề nghèo đa chiều có thể đo bằng tiêu chí thu nhập và các tiêu chí phi thu nhập. Sự thiếu hụt cơ hội, đi kèm với tình trạng suy dinh dưỡng, thất học, bệnh tật, bất hạnh và tuyệt vọng là những nội dung được quan tâm trong khái niệm nghèo đa chiều. Thiếu đi sự tham gia và tiếng nói về kinh tế, xã hội hay chính trị sẽ đẩy các cá nhân đến tình trạng bị loại trừ, không được thụ hưởng các lợi ích phát triển kinh tế - xã hội và do vậy bị tước đi các quyền con người cơ bản (UN, 2012: 5).

Tuy nhiên, chuẩn nghèo đa chiều có thể là một chỉ số không liên quan đến mức thu nhập mà bao gồm các khía cạnh khác liên quan đến sự thiếu hụt các dịch vụ xã hội cơ bản (Oxfam và ActionAid, 2010: 11). Chỉ số nghèo đa chiều (Multidimensional Poverty Index) của quốc tế, với ba chiều cạnh chính là: y-tế, giáo dục và điều kiện sống, hiện là một thước đo quan trọng nhằm bổ sung cho phương pháp đo lường nghèo truyền thống dựa trên thu nhập.

Các khái niệm trên cho thấy sự thống nhất cao của các quốc gia, các nhà chính trị và các học giả với quan điểm nghèo là một hiện tượng đa chiều, cần được chú ý nhìn nhận là *sự thiếu hụt hoặc không được thỏa mãn các nhu cầu cơ bản của con người*. Nghèo đa chiều là tình trạng con người không được đáp ứng ở mức tối thiểu các nhu cầu cơ bản trong cuộc sống.

1.1.2. Khái niệm chuẩn nghèo

Theo Quyết định Số 59/2015/QĐ-TTg của Thủ Tướng Chính phủ ngày 19/11/2015 về việc ban hành chuẩn nghèo tiếp cận đa chiều áp dụng cho giai đoạn 2016 - 2020 quy định như sau:

Điều 1. Các tiêu chí tiếp cận đo lường nghèo đa chiều áp dụng cho giai đoạn 2016 - 2020

Các tiêu chí về thu nhập

Chuẩn nghèo: 700.000 đồng/người/tháng ở khu vực nông thôn và 900.000 đồng/người/tháng ở khu vực thành thị.

Tiêu chí mức độ thiếu hụt tiếp cận dịch vụ xã hội cơ bản:

+ *Các dịch vụ xã hội cơ bản* (05 dịch vụ): y tế; giáo dục; nhà ở; nước sạch và vệ sinh; thông tin;

+ *Các chỉ số đo lường mức độ thiếu hụt các dịch vụ xã hội cơ bản* (10 chỉ số): tiếp cận các dịch vụ y tế; bảo hiểm y tế; trình độ giáo dục của người lớn; tình trạng đi học của trẻ em; chất lượng nhà ở; diện tích nhà ở bình quân đầu người; nguồn nước sinh hoạt; hố xí/nhà tiêu hợp vệ sinh; sử dụng dịch vụ viễn thông; tài sản phục vụ tiếp cận thông tin.

Điều 2. Chuẩn hộ nghèo áp dụng cho giai đoạn 2016-2020

1. Hộ nghèo

Khu vực nông thôn: là hộ đáp ứng một trong hai tiêu chí sau:

- Có thu nhập bình quân đầu người/tháng từ đủ 700.000 đồng trở xuống;

- Có thu nhập bình quân đầu người/tháng trên 700.000 đồng đến đồng và thiếu hụt từ 03 chỉ số đo lường mức độ thiếu hụt tiếp cận các dịch vụ xã hội cơ bản trở lên.

Khu vực thành thị: là hộ đáp ứng một trong hai tiêu chí sau:

- Có thu nhập bình quân đầu người/tháng từ đủ 900.000 đồng trở xuống;

- Có thu nhập bình quân đầu người/tháng trên 900.000 đồng đến 1.300.000 đồng và thiếu hụt từ 03 chỉ số đo lường mức độ thiếu hụt tiếp cận các dịch vụ xã hội cơ bản trở lên.

1.1.3. Khái niệm giảm nghèo và công tác giảm nghèo

Giảm nghèo là làm cho một bộ phận dân cư nghèo nâng cao mức sống, từng bước thoát khỏi tình trạng nghèo. Điều này được thể hiện ở tỷ lệ phần trăm và số lượng nghèo giảm xuống. Nói cách khác, giảm nghèo là quá trình chuyển bộ phận dân cư lên mức sống cao hơn. Ở khía cạnh khác, giảm nghèo là chuyển từ tình trạng có ít điều kiện lựa chọn sang tình trạng có đầy đủ điều kiện lựa chọn hơn để cải thiện đời sống mọi mặt của mỗi người.

Giảm nghèo là cách thức vận dụng các nguồn lực, vật lực của Nhà nước, của xã hội để triển khai thực hiện các chương trình, dự án nhằm tác động tới các đối tượng cụ thể như người nghèo, hộ nghèo hay xã nghèo với mục đích giúp họ nâng cao chất lượng cuộc sống, cải thiện khó khăn, tạo cơ hội cho họ về thu nhập, tiếp cận các dịch vụ xã hội, đảm bảo các nhu cầu cơ bản của con người.

Công tác giảm nghèo là sự huy động nhiều nguồn lực dưới sự chỉ đạo của Đảng và Nhà nước để tập trung vào ba mặt:

- Giúp người nghèo tăng khả năng tiếp cận các dịch vụ công cộng, nhất là y tế, giáo dục, dạy nghề, nhà ở, nước sinh hoạt,...

- Hỗ trợ phát triển sản xuất thông qua các chính sách về đảm bảo đất sản xuất, tín dụng ưu đãi, khuyến nông – lâm – ngư nghiệp, phát triển ngành nghề,...

- Phát triển kết cấu hạ tầng thiết yếu cho các xã, thôn, bản đặc biệt khó khăn (điện, đường, trường học, trạm y tế,...) nhằm giúp người nghèo, vùng nghèo vượt qua khó khăn và vươn lên thoát nghèo.

Như vậy theo cách hiểu của tác giả thì khái niệm công tác giảm nghèo được hiểu là các chương trình, chính sách, cơ chế giúp người nghèo tăng khả năng tiếp cận các dịch vụ công, hỗ trợ về sản xuất, phát triển kết cấu hạ tầng cho các xã, thôn nghèo nhằm giúp người nghèo vượt qua khó khăn và vươn lên thoát nghèo.

1.1.4. Khái niệm người nghèo

Là tình trạng một bộ phận dân cư chỉ có điều kiện thoả mãn một phần của nhu cầu tối thiểu cơ bản của cuộc sống và có mức sống thấp hơn mức sống trung bình của cộng đồng xét trên mọi phương diện.

Cách xác định hộ nghèo được tính toán dựa trên phương pháp chi phí cho các nhu cầu tối thiểu của con người (đo bằng chi tiêu cho lương thực thực phẩm đáp ứng nhu cầu năng lượng tối thiểu cần thiết để duy trì sinh hoạt bình thường của con người và nhu cầu chi tiêu phi lương thực, thực phẩm) tiếp cận theo hướng về thu nhập: người nghèo là những người có mức thu nhập không đảm bảo cho cuộc sống và chi tiêu. Trong cuộc sống hàng ngày, ngoài những nhu cầu về lương thực và thực phẩm, con người có nhiều những nhu cầu cần phải đảm bảo khác như nhà ở, mặc, y tế, giáo dục... Do vậy nếu thu nhập không đảm bảo trang trải được cuộc sống và chi tiêu thì được coi là nghèo. Các mức chuẩn của giai đoạn này được tính bằng tiền theo thu nhập bình quân hàng tháng của hộ.

1.1.5. Đặc điểm của người nghèo

Đặc điểm kinh tế

Đại bộ phận người nghèo, hộ nghèo chủ yếu sống ở nông thôn, khu vực miền núi, vùng cao, khu vực biên giới, Hải đảo, khu vực di dân và chủ yếu tham gia vào hoạt động nông nghiệp; không có vốn hay rất ít vốn, thu nhập mà họ nhận được là từ lao động tự tạo việc làm; nếu là những người ở thành thị thì tập trung ở khu vực phi chính thức; thu nhập thấp, trình độ văn hóa thấp; thiếu việc làm hoặc việc làm không ổn định, bấp bênh do trình độ học vấn thấp; khả năng tiếp cận các dịch vụ xã hội thấp, đặc biệt là người nghèo là đồng bào dân tộc thiểu số, đồng bào sống ở các vùng miền núi, bãi ngang ven biển và hải đảo.

Đặc điểm đời sống tâm lý

Do khó khăn, thiếu thốn về kinh tế, người nghèo thường mặc cảm, tự ti do hoàn cảnh, số phận của mình, sống thụ động trông chờ, ỷ lại vào sự hỗ trợ từ các chính sách giảm nghèo trong đó có chính sách cho không của Nhà

nước, điều kiện sống của người nghèo luôn thấp hơn mặt bằng chung của cộng đồng nơi mình sinh sống. Họ thường có xu hướng sống khép kín điều đó vô tình làm cho khoảng cách giữa họ với những người xung quanh ngày càng xa dần. Không dám nói lên suy nghĩ của mình, không dám đứng lên đấu tranh đòi quyền lợi cũng như suy nghĩ (mình nghèo, thấp cổ bé họng) đã khiến họ để tuột mất những cơ hội để thay đổi cuộc sống, thoát khỏi cái nghèo, khiến họ đã nghèo lại càng chịu nhiều thiệt thòi. Với suy nghĩ “mình như là kẻ ăn bám xã hội, là gánh nặng của xã hội” họ luôn cảm thấy có lỗi với mọi người xung quanh, nghĩ mình kém cỏi, không phát hiện ra và đôi khi không dám thể hiện những tố chất bên trong mà có thể giúp họ sống tốt hơn. Đối với người nghèo họ luôn trong tình trạng thiếu hụt các nhu cầu xã hội cơ bản từ những nhu cầu thiết yếu nhất, do đó họ gặp rất nhiều nguy cơ trong cuộc sống, phải đối mặt với nhiều khó khăn và thách thức trong cuộc sống do phải bảo đảm chi phí đắt đỏ cho các dịch vụ y tế, nhà ở, giáo dục, đi lại và sinh hoạt tối thiểu. Do mặc cảm với cuộc sống nên một số người nghèo ngại giao tiếp và tham gia vào các hoạt động tập thể của cộng đồng, không mạnh dạn tham gia đề xuất ý kiến, cho rằng lời nói của mình không có trọng lượng, không được cộng đồng chấp nhận không dám đấu tranh, không dám bộc lộ bản thân. Bên cạnh đó có một số nhỏ người nghèo vẫn còn tư tưởng buông xuôi, ngại thay đổi, không chịu phấn đấu kiếm tiền mưu sinh mà trái lại luôn đổ lỗi cho người khác, đổ lỗi cho cuộc sống khắc nghiệt mà hận đời, phó mặc cho số phận, sống tiêu cực, ỉ lại vào những sự giúp đỡ của Đảng, Nhà nước và cộng đồng, chưa thực sự quyết tâm vươn lên để thoát nghèo.

Tuy nhiên, không phải tất cả họ đều có những đặc điểm như trên, có những người đang ngày đêm nỗ lực mưu sinh, lao động chân chính để giúp cho cuộc sống gia đình no đủ hơn, mong một ngày có thể thoát nghèo. Dù họ là những người sống thu mình, có suy nghĩ coi thường bản thân, những người sống ỉ lại hay là những người đang luôn luôn cố gắng sống tốt lên đều cần tới sự giúp sức của chính quyền địa phương cũng như nhân viên xã hội để gạt bỏ đi mặc cảm bản thân, sống tích cực hơn và thoát khỏi cái nghèo.

1.1.6. Nhu cầu của người nghèo.

Nhu cầu có việc làm, thu nhập ổn định, nhu cầu về vốn:

Phần lớn lao động là người nghèo sống ở nông thôn, miền núi, vùng cao có công việc không ổn định, thu nhập thấp. Do vậy, họ luôn mong muốn có được công việc, thu nhập ổn định. Có công việc, có thu nhập họ mới có thể trang trải cuộc sống, mới đảm bảo các nhu cầu như ăn, ở, mặc, học tập, chăm sóc sức khỏe cho bản thân và gia đình... họ muốn được tiếp cận với vốn để phát triển cho hộ gia đình....

Nhu cầu được học tập: Đây là một trong những nhu cầu quan trọng của người nghèo. Ngoài nhu cầu về học tập phổ thông, người nghèo còn có nhu cầu được đào tạo nghề, trang bị kiến thức, kỹ năng, kỹ thuật sản xuất nhất là sản xuất nông nghiệp.

Nhu cầu được tiếp cận thông tin: Do những hạn chế về thu nhập thấp, thường sống ở vùng sâu, vùng xa nên người nghèo thường thiếu thông tin. Chính vì vậy, họ cũng có nhu cầu được tiếp cận các thông tin về các loại hình thiên tai, hiểm họa tự nhiên, thảm họa, biến đổi khí hậu; thông tin, kiến thức và kỹ năng sản xuất, chăm sóc sức khỏe; thông tin về kinh tế, chính trị, xã hội; thông tin về chính sách, pháp luật, thủ tục hành chính và các loại hồ sơ giấy tờ cần thiết để được nhận hỗ trợ, bảo trợ từ Nhà nước và các tổ chức xã hội...; nhu cầu hỗ trợ các phương tiện thông tin như sách, báo, đài, radio,...
Nhu cầu được chăm sóc y tế: Đây là nhu cầu có thể nói là rất cần thiết và được đa số người nghèo quan tâm. Bởi đa số họ, do sống trong điều kiện thiếu thốn về vật chất nên dễ ốm đau, bệnh tật, hơn nữa lại thu nhập thấp nên khi mắc bệnh lại không có tiền để chi trả chi phí khám chữa bệnh.

Nhu cầu được sống trong môi trường an toàn, vệ sinh: phần lớn người nghèo sống trong tình trạng thiếu thốn mọi mặt cơ sở vật chất thiết yếu cho cuộc sống. Chính vì vậy, họ đều mong muốn được sống, sinh hoạt và sản xuất trong một môi trường an toàn, đảm bảo những nhu cầu căn bản như nhà ở, điện, nước sạch và thức ăn hợp vệ sinh để có thể đảm bảo cho sức khỏe, có khả năng tái sản xuất sức lao động, tránh bị bệnh tật.

Trước đây người ta thường đánh đồng nghèo đói với mức thu nhập thấp. Coi thu nhập là tiêu chí chủ yếu để đánh giá sự nghèo đói của con người. Quan niệm này có ưu điểm là thuận lợi trong việc xác định số người nghèo dựa theo chuẩn nghèo, ngưỡng nghèo. Nhưng thực tế đã chứng minh việc xác định đói nghèo theo thu nhập chỉ đo được một phần của cuộc sống. Thu nhập thấp không phản ánh hết được các khía cạnh của nghèo, nó không cho chúng ta biết được mức khốn khổ và cơ cực của những người nghèo. Do đó, quan niệm này còn rất nhiều hạn chế, nên nhu cầu của người nghèo là rất đa dạng, nó thường thể hiện trên cơ sở mong muốn và được mong muốn giúp đỡ hỗ trợ họ để vươn lên thoát nghèo.

1.2. Lý luận về hoạt động công tác xã hội trong hỗ trợ giảm nghèo

1.2.1. Khái niệm công tác xã hội

Ngành công tác xã hội đã bắt đầu từ rất sớm trong lịch sử xã hội loài người, được thế giới biết đến từ đầu thế kỷ XX để giải quyết những vấn đề của xã hội trong quá trình công nghiệp hóa của các nước phương Tây. Đến giai đoạn cách mạng công nghiệp, hoạt động công tác xã hội trở nên rất cần thiết và đã có sự tổ chức chặt chẽ. Tới nay, các hoạt động công tác xã hội đã có sự tham gia chặt chẽ của các chính phủ và các tổ chức phi Chính phủ. Tổ chức Lao động thế giới (ILO) đã đưa công tác xã hội vào nội dung của bảo đảm xã hội. Sau khoảng 100 năm phát triển, ngành công tác xã hội đóng các hoạt động quan trọng trong việc cung cấp các dịch vụ xã hội của các nước phát triển. Vị thế của nghề công tác xã hội cũng như của các nhân viên xã hội trong các xã hội phát triển là hết sức quan trọng đối với xã hội, gia đình và cá nhân. Nhân viên xã hội có mặt trong hầu hết các lĩnh vực trong đời sống của người dân từ giáo dục, y tế, cho đến các lĩnh vực như tư pháp, hành pháp nhằm đảm bảo quyền lợi cho công dân.

Ở Việt Nam, sự hình thành và phát triển công tác xã hội cũng không nằm ngoài quy luật hình thành và phát triển công tác xã hội trên thế giới. Công tác xã hội ở Việt Nam được hình thành trên cơ sở tình người. Trải qua

các giai đoạn lịch sử, tinh thần nhân đạo và lòng yêu thương đồng loại luôn gắn liền với quá trình hình thành và phát triển của các chính sách xã hội, các luật lệ xã hội.

Công tác xã hội ở Việt Nam thường được nghĩ như là một việc làm từ thiện. Vì thế, cần có cái nhìn đầy đủ hơn về công tác xã hội. Có rất nhiều cách định nghĩa khác nhau về công tác xã hội, dưới đây là một số định nghĩa về công tác xã hội.

Hội đồng Đào tạo công tác xã hội Mỹ định nghĩa: *Công tác xã hội là một nghề nhằm tăng cường các chức năng xã hội của cá nhân, hay nhóm người bằng những hoạt động tập trung vào can thiệp mối quan hệ xã hội để thiết lập sự tương tác giữa con người và môi trường có hiệu quả.* Hoạt động này bao gồm ba nhóm: phục hồi năng lực đã bị hạn chế, cung cấp nguồn lực cá nhân và xã hội và phòng ngừa sự suy giảm chức năng xã hội. (Wener W. Boehm, Objective of the Social Work Curriculum of the Future, Curriculum Study I – New York: Council on Social Work Education 1959). [12,14]

Theo Hiệp hội Quốc gia nhân viên công tác xã hội (NASW): *“Công tác xã hội là một hoạt động chuyên nghiệp nhằm giúp đỡ các cá nhân, gia đình, nhóm, cộng đồng phục hồi hay tăng cường năng lực và chức năng xã hội để tạo ra những điều kiện xã hội cần thiết, giúp họ đạt được mục tiêu”.* [14,4]

Công tác xã hội tồn tại để cung cấp các dịch vụ xã hội mang tính hiệu quả và nhân đạo cho cá nhân, gia đình, nhóm, cộng đồng và xã hội giúp họ tăng năng lực và cải thiện cuộc sống.

Theo Liên đoàn Chuyên nghiệp Xã hội Quốc tế (IFSW) tại Hội nghị Quốc tế Montreal, Canada, vào tháng 7 năm 2000: Công tác xã hội chuyên nghiệp thúc đẩy sự thay đổi xã hội, tiến trình giải quyết vấn đề trong mối quan hệ con người, sự tăng quyền lực và giải phóng cho con người, nhằm giúp cho cuộc sống của họ ngày càng thoải mái và dễ chịu. Vận dụng các lý thuyết về hành vi con người và các hệ thống xã hội. Công tác xã hội can thiệp trong những điểm tương tác giữa con người và môi trường của họ.

Trong luận văn này, tôi sử dụng khái niệm của Hiệp hội Quốc gia nhân viên công tác xã hội (NASW) bởi quan niệm này đã bao trùm toàn bộ các khía cạnh và phù hợp nhất với đề tài mà tôi nghiên cứu.

1.2.2 Khái niệm hoạt động công tác xã hội trong hỗ trợ giảm nghèo

Hoạt động Công tác xã hội là các hoạt động triển khai hỗ trợ các cá nhân, gia đình, nhóm xã hội và cộng đồng dân cư trong việc giải quyết các vấn đề của họ; giúp họ nâng cao khả năng ứng phó và tự giải quyết vấn đề của mình; giúp họ tiếp cận các nguồn tài nguyên cộng đồng như các dịch vụ công cộng, trung tâm y tế, trường học, các hoạt động tôn giáo, văn hoá...; kết nối các nguồn lực; phân phối tài nguyên vật chất của xã hội: vận động để chính quyền các cấp dành ngân khoản xứng đáng hàng năm cho các nhu cầu của người nghèo trong xã hội; giữ vai trò an toàn xã hội khi cần thiết,...

Các hoạt động của Công tác xã hội diễn ra ở cả 3 cấp độ: vi mô, trung mô và vĩ mô.

- Các hoạt động ở cấp vi mô là những dịch vụ trực tiếp cho các đối tượng yếu thế và gia đình họ. Ví dụ như việc trực tiếp hỗ trợ một trẻ em bị xâm hại giải quyết những vấn đề về những tổn thương về thể chất, tinh thần, tình cảm, v.v. thông qua các hoạt động kết nối các nguồn lực và tham vấn cho đứa trẻ. Bên cạnh đó nhân viên công tác xã hội cũng có thể giúp cho gia đình nhận thức được vấn đề, biết cách bảo vệ, chăm sóc và hỗ trợ con, em mình vượt qua những khó khăn.

- Ở cấp độ trung mô, Công tác xã hội mang đến các dịch vụ hỗ trợ phát triển các nhóm lớn và cộng đồng tạo ra sự thay đổi tốt hơn cho cộng đồng.

- Ở cấp độ vĩ mô, Công tác xã hội tham gia xây dựng chính sách xã hội và tạo ra những thay đổi về cấu trúc thể chế, chính sách xã hội hướng tới đảm bảo công bằng xã hội và an sinh xã hội.

1.2.3. Vai trò của công tác xã hội trong hoạt động giảm nghèo

CTXH có vai trò giúp nâng cao năng lực, thúc đẩy người dân phát triển tối đa tiềm năng, làm phong phú đời sống của họ, và ngăn ngừa, giảm nhẹ các thiệt hại của người dân khi xảy ra thiên tai, dịch bệnh, biến đổi khí hậu. Có

thể kể tới một số hoạt động cụ thể của CTXH trong ứng phó với khó khăn như: hỗ trợ phát triển sinh kế, giảm nghèo bền vững; giáo dục kỹ năng sống, kỹ năng xã hội cho con người; phát triển cộng đồng, trang bị kiến thức về bảo vệ môi trường; kiến thức về biện pháp phòng tránh và ứng phó với biến đổi khí hậu. Bên cạnh đó, CTXH có vai trò kết nối các đối tượng với hệ thống các nguồn lực, dịch vụ và cơ hội trong xã hội như dịch vụ việc làm, dịch vụ chăm sóc y tế, hệ thống đầu tư cơ sở hạ tầng, nước sạch, các dự án, tổ chức phi chính phủ... Do đó, nhân viên CTXH là những tác nhân đổi mới trong xã hội, trong đời sống của các cá nhân, gia đình, cộng đồng mà họ phục vụ.

Ngoài ra, CTXH với tư cách là một chuyên ngành khoa học ứng dụng còn có vai trò đóng góp vào việc xây dựng và phát triển các chính sách xã hội nói chung và các chính sách, mô hình dịch vụ phù hợp liên quan đến giảm nghèo đối với các cá nhân, gia đình, nhóm và cộng đồng.

Ở Việt Nam, đại bộ phận dân số nghèo phải sống trong những môi trường khắc nghiệt, khiến họ rất dễ bị tổn thương trước những biến đổi của khí hậu và các hiện tượng thời tiết cực đoan. Trong khi đó, CTXH có vai trò quan trọng trong việc giảm nghèo bền vững, CTXH với người nghèo nhằm giúp đỡ cá nhân, gia đình và cộng đồng nghèo nâng cao năng lực để thoát nghèo bền vững, giúp họ đổi mới, vượt qua những rủi ro như thất học, thiếu việc làm, thiếu vốn... Bên cạnh đó, CTXH còn thúc đẩy các điều kiện xã hội để các cá nhân, gia đình nghèo tiếp cận được các chính sách, nguồn lực xã hội, giải quyết những nhu cầu cơ bản của cuộc sống.

1.2.4. Nội dung các hoạt động công tác xã hội trong hỗ trợ giảm nghèo

Tác giả đưa ra nhận định các hoạt động công tác xã hội trong hỗ trợ giảm nghèo là một hoạt động trợ giúp chuyên nghiệp nhằm nâng cao năng lực, chức năng xã hội của người nghèo, nhằm giúp cá nhân người nghèo, gia đình, cộng đồng giải quyết vấn đề nghèo đói, hướng tới đảm bảo an sinh xã hội.

Khác với các chính sách giảm nghèo thông thường, việc lồng ghép công tác xã hội nói chung và thực hiện các các hoạt động của công tác xã hội

vào công tác giảm nghèo nói riêng không chỉ giúp người nghèo được tiếp cận với các nguồn lực bền vững, học được các kỹ năng sử dụng nguồn lực, mở mang về đời sống xã hội, nâng cao dân trí và đời sống tinh thần trong mọi tầng lớp nhân dân. Cụ thể là các hoạt động sau đây:

1.2.4.1 Hoạt động hỗ trợ tuyên truyền nâng cao nhận thức

Tuyên truyền nâng cao nhận thức là một hoạt động khá quan trọng mà người gửi và người nhận truyền tải thông tin thông qua kênh giao tiếp.

Kênh giao tiếp là cách mà họ giao tiếp. Có rất nhiều kênh tuyên truyền đa phương tiện hiện hành như là: Các cuộc đối thoại trực tiếp, trò chuyện qua điện thoại, nhắn tin, thư điện tử, internet (bao gồm: mạng xã hội như Facebook và các mạng khác), radio và tv, thư từ viết tay, tờ rơi hay các loại báo cáo. Cần chọn kênh tuyên truyền phù hợp vì mỗi dạng thức tuyên truyền đều có điểm mạnh và điểm yếu riêng. Ví dụ: ta có thể so sánh như là một bảng tin trên đài hay một lá thư viết tay đều có thể truyền đạt thông tin rõ ràng tới một hay hai cá nhân, xong thư viết tay thì ít tốn kém hơn nhưng lại không thể truyền tải thông tin tới một số lượng lớn người theo dõi. Mặt khác, nếu muốn truyền tải những thông tin kỹ thuật phức tạp như công nghệ, cách sử dụng máy móc thì sẽ dễ dàng cho người tiếp nhận hơn khi nhận được hướng dẫn bằng lời nói và hình ảnh thực tế hơn là truyền đạt bằng văn bản.

Do vậy để đạt hiệu quả cao hơn trong việc đưa người dân tiếp cận với các văn bản chính sách pháp luật liên quan đến giảm nghèo hay các chương trình hỗ trợ giảm nghèo, nhân viên xã hội cần đóng góp các hoạt động như một kênh truyền thông cho các thân chủ của mình, đồng thời lựa chọn các dạng, hình thức truyền tải thông tin phù hợp. Ví dụ: Thay vì phát trên loa phường hay tờ rơi, nhân viên xã hội có thể đóng các hoạt động là kênh tuyên truyền thông qua việc trực tiếp phổ biến nội dung về phương pháp sinh kế mới cho người dân, hình thức tuyên truyền có thể các cuộc trò chuyện, cung cấp thông tin 1:1 hoặc các cuộc họp nhóm nhỏ giữa cán xã, cán bộ thôn, bản và nhóm người dân trong đối tượng giảm nghèo.

Nhân viên xã hội không chỉ đóng các hoạt động là kênh tuyên truyền, truyền tải thông tin chính sách pháp luật từ chính quyền tới người dân mà còn đóng các hoạt động truyền tải những phản hồi ý kiến đóng góp, thắc mắc về tình hình thực hiện, tiếp cận chính sách từ người dân tới cơ quan có thẩm quyền.

Nhìn chung, một trong nguyên nhân dẫn tới sự hạn chế tiếp cận nguồn lực của người nghèo là do sự hạn chế, thiếu hụt trong việc tiếp cận với thông tin. Do đó, tuyên truyền đóng góp các hoạt động quan trọng và không thể thiếu trong việc tham gia vào định hướng, truyền tải cơ chế, chính sách luật pháp trong công tác giảm nghèo tới người dân, góp phần làm tốt công tác an sinh xã hội. Tuyên truyền không bao giờ cũ, luôn có điểm mới đặt ra. Việc tuyên truyền về giảm nghèo đã được thực hiện một cách đồng bộ, có trọng tâm, đa dạng về phương thức, phù hợp với từng nhóm đối tượng, vùng miền nhằm tạo sự chuyển biến mạnh mẽ, toàn diện về công tác giảm nghèo ở các vùng khó khăn.

1.2.4.2. Hoạt động hỗ trợ dạy nghề và tạo việc làm

Hỗ trợ dạy nghề, tạo việc làm là hoạt động dạy, học và làm nhằm trang bị kiến thức, kỹ năng và thái độ nghề nghiệp cần thiết cho người học để có thể tìm được việc làm hoặc tự tạo việc làm sau khi hoàn thành khóa học hoặc để nâng cao trình độ nghề nghiệp. Hay nói theo cách khác, đào tạo nghề là quá trình tác động có mục đích, có tổ chức đến người học nghề để hình thành và phát triển một cách có hệ thống những kiến thức, kỹ năng và thái độ nghề nghiệp cần thiết nhằm đáp ứng nhu cầu của xã hội, trong đó có nhu cầu quốc gia, nhu cầu doanh nghiệp và nhu cầu bản thân người học nghề. (Điều 3 trong Luật Giáo dục nghề nghiệp năm 2014).

Đào tạo nghề luôn được ưu tiên quan trọng như một phương pháp phát triển sinh kế bền vững được Nhà nước chú trọng và ban hành trong nhiều chính sách, đặc biệt là cho đối tượng nghèo.

Hiện nay vẫn còn khá phổ biến quan niệm chỉ học nghề khi không đậu cao đẳng/đại học, xem trọng nghề được đào tạo rất ít mà hầu hết cho rằng học nghề cho có bởi vì chỉ có bằng cao đẳng/đại học mới có thể kiếm được việc

làm. Song thực tế là việc người lao động tham gia học nghề phổ thông có thời gian đào tạo ngắn hơn, tiết kiệm thời gian và chi phí tiền bạc, cơ hội tìm kiếm việc làm cao hơn so với những ngành yêu cầu trình độ cao đẳng/đại học. Hơn nữa, người lao động tham gia đăng ký học nghề thuộc diện hộ nghèo thường được hỗ trợ học phí và được hỗ trợ chi phí ăn ở, đi lại trong thời gian đào tạo. Xét thấy đây là hướng giảm nghèo bền vững thông qua việc phát triển sinh kế, mà ở đó nhân viên xã hội có các hoạt động góp phần tuyên truyền nâng cao nhận thức của người dân trong việc hưởng ứng chính sách đào tạo nghề của nhà nước.

Để người lao động thuộc diện hộ nghèo có thu nhập ngay và có việc làm ổn định thì đào tạo nghề phải gắn với giải quyết việc làm. Có như vậy thì họ mới thêm tin tưởng vào chính sách của Đảng và nhà nước, yên tâm lao động để mau chóng thoát nghèo.

Ở đây, công tác xã hội đóng góp các hoạt động là người kết nối giữa nhà tuyển dụng và người lao động thuộc diện hộ nghèo, thường xuyên giám sát nhu cầu lao động của nhà tuyển dụng lao động và thông tin rộng rãi đến các cấp và trực tiếp đến đối tượng nghèo, đặc biệt là đối tượng nghèo chưa có việc làm hoặc mới nghỉ việc do nhiều lý do khác nhau do yếu tố gia đình, xã hội gây ra.

Không chỉ giải quyết nhất thời vấn đề việc làm cho người nghèo mà Đảng và Nhà nước ta còn hướng đến chuyển từ đào tạo nghề một lần sang đào tạo, bồi dưỡng liên tục, suốt đời. Chuyển từ đào tạo kỹ năng sang đào tạo và hình thành năng lực, đặc biệt là các năng lực mềm (tư duy, thích nghi, biến đổi...). Ví dụ: ngoài việc cung cấp khóa đào tạo nghề, còn cung cấp cho họ cách phát triển sản phẩm và quản trị bền vững, giúp họ tăng cường khả năng tự trợ giúp và ứng phó với những vấn đề phát sinh có thể xảy ra trong tương lai để họ chủ động ứng biến.

Ở đây nhân viên xã hội cần thực hiện thêm các hoạt động biện hộ giúp cho người dân tin tưởng vào những chính sách của Đảng và nhà nước, về tính tích cực và lợi ích của những chính sách đào tạo lâu dài, để họ thay đổi từ trong suy nghĩ đến việc hình thành năng lực tư duy lâu dài, từ việc được ý

thức cho đến tự ý thức. Song song với đó, nhân viên xã hội cũng cần tham gia vào công tác đề xuất, tham mưu với chính quyền địa phương mở rộng các hình thức đào tạo nghề và hỗ trợ sau đào tạo nghề, đào tạo lâu dài, đào tạo suốt đời cho người dân.

Hỗ trợ vào quá trình này, cần chủ động phát huy các hoạt động tuyên truyền đa chiều của mình: thường xuyên cập nhật các tin tức, chính sách của Nhà nước và của địa phương, hỗ trợ phổ biến tới người dân cũng như các doanh nghiệp và ngược lại, thu thập ý kiến, nhu cầu nguyện vọng của nhân dân về nhu cầu được đào tạo tới các doanh nghiệp và chính quyền địa phương, giúp cho việc giao tiếp đa chiều được trở nên hiệu quả hơn, góp phần đẩy nhanh, đẩy mạnh và kết nối đạt được hiệu quả.

Tương tự, các hoạt động kết nối người dân, đối tượng lao động nghèo với các nguồn lực cần thiết để đảm bảo việc thực hiện chính sách đào tạo liên tục, đào tạo suốt đời. Các nguồn lực cần kết nối có thể là chính những nguồn lực nội tại chính địa phương hoặc những nguồn lực mới cần huy động thêm từ bên trong lẫn bên ngoài.

Đào tạo nghề và kết nối việc làm không những giúp đối tượng nghèo giảm nghèo, thoát nghèo, thậm chí thoát nghèo bền vững mà còn góp phần đảm bảo nền an sinh xã hội, thúc đẩy nền kinh tế của đất nước phát triển hơn.

1.2.4.3. Hoạt động hỗ trợ tài chính/ vay vốn

Một trong những hoạt động quan trọng của chính sách giảm nghèo là hoạt động hỗ trợ tài chính, là việc trợ giúp người nghèo bằng các khoản hỗ trợ tài chính như vay vốn, tặng sổ tiết kiệm, tổ chức tài chính vi mô...

- Hỗ trợ vay vốn

Vốn vay ưu đãi hay còn gọi là tín dụng chính sách là hoạt động quan trọng của chương trình mục tiêu quốc gia giảm nghèo bền vững của Việt Nam. Việc triển khai tín dụng chính sách xã hội đối với người nghèo thông qua công tác tuyên truyền dưới nhiều hình thức, các chương trình tín dụng được triển khai, phổ biến đến cấp ủy, chính quyền, cộng đồng dân cư và các đối tượng được thụ hưởng. Đây được xem là một trong những giải pháp thực hiện mục tiêu giảm nghèo căn cơ và bền vững, đảm bảo an sinh xã hội có hiệu

quả. Nhờ có nguồn vốn vay này mà hàng trăm, hàng nghìn hộ dân nghèo đã vươn lên thoát nghèo, vươn lên trong cuộc sống.

Chính phủ cũng đã có nhiều điều chỉnh về lãi suất cho phù hợp với từng giai đoạn, cũng như nguồn vốn để người nghèo dễ tiếp cận hơn. Ví dụ: Mức cho vay tối đa với hộ nghèo từ ngày 6/4/2007 đến ngày 30/4/2014 là 30 triệu đồng/hộ; từ ngày 1/5/2014 đến nay là 50 triệu đồng/hộ. Lãi suất cho vay hộ nghèo 0,6%/tháng. Thời hạn cho vay ngắn hạn tối đa 12 tháng, trung hạn tối đa 60 tháng. Và tiếp sau đó Chính phủ có Quyết định số 750/QĐ-TTg về điều chỉnh giảm lãi suất cho vay đối với một số chương trình tín dụng chính sách tại Ngân hàng Chính sách xã hội Việt Nam, từ ngày 5/6/2015, lãi suất cho vay hộ nghèo giảm từ 7,2%/năm (0,6%/tháng) xuống còn 6,6%/năm (0,55%/tháng) và điều chỉnh hàng năm cho phù hợp với điều kiện kinh tế xã hội, đặc biệt trong các mùa dịch như hiện nay.

Chính sách cho vay vốn thực sự đã đem lại hiệu quả khá cao trong công tác giảm nghèo. Thực tế này không thể phủ nhận, tuy nhiên bên cạnh đó vẫn còn tồn tại những bất cập. Việc thiếu nguồn lực trong thực hiện tín dụng ưu đãi cho người nghèo nên mức độ bao phủ vẫn chưa thật sự toàn diện. Cần nuôi dưỡng và tiếp tục ưu đãi tín dụng cho các hộ mới thoát nghèo. Khi các hộ thoát nghèo đã có động lực ban đầu mà không tiếp tục duy trì và đẩy mạnh động lực đó thì các hộ rất dễ rơi vào tình cảnh tái nghèo.

Bên cạnh đó nguồn vốn vay hỗ trợ sản xuất từ Ngân hàng Chính sách xã hội dành cho hộ cận nghèo mới đáp ứng một phần nhỏ nhu cầu vay, hạn chế khả năng thoát nghèo bền vững. Một khó khăn nữa cho cán bộ làm công tác xã hội trong việc tuyên truyền, vận động người nghèo vay vốn là nỗi lo trả lãi suất, mặc dù rất có nhu cầu vay nhưng nhiều hộ nghèo không dám vay vốn do lo sợ không thể trả được lãi suất cho ngân hàng. Một cái lưu tâm nữa là khi cho vay vốn ngân hàng chưa làm rõ mục đích vay, sử dụng nguồn vay, cam kết sử dụng nguồn vay và khả năng sinh lời để có nguồn chi trả, đối với vay hộ nghèo nên cần như vậy để học có trách nhiệm hơn.

Ở hoạt động này các hoạt động thể hiện rất rõ nét trong việc tuyên truyền cho người thuộc hộ nghèo hiểu về hoạt động vay vốn ưu đãi, vận động

nguồn lực cho vay và thuyết phục, kết nối người dân với những nguồn lực đó, làm sao để cho họ tin tưởng rằng họ có thể vay vốn để sản xuất, đầu tư kinh doanh và có khả năng trả khoản vay này.

- Tặng sổ tiết kiệm

Một trong những hoạt động hỗ trợ tài chính hữu ích cho người nghèo là hoạt động tặng sổ tiết kiệm với giá trị tùy thuộc vào từng địa phương, trung bình từ 1 đến 3 triệu đồng. Dù khoản tiền tiết kiệm không nhiều, nhưng cũng đủ để làm vốn làm ăn nhỏ cho người nghèo. Nếu ở vùng cao miền núi người ta có thể mua cây giống, con giống để nuôi trồng, ở thành thị có thể mở một quán nước nhỏ.... Để tránh tình trạng người nghèo sử dụng số tiền này không đúng mục đích, lãng phí thì người nhân viên xã hội có các hoạt động cung cấp thêm cho họ kiến thức về quản lý tài chính, cách sử dụng, phân phối nguồn vốn, làm sao để họ sử dụng số tiền đó một cách có ích nhất, tạo ra lợi nhuận để gia đình có thêm khoản thu nhập, giúp cuộc sống thêm đầy đủ, ấm no.

1.2.4.4. Hoạt động hỗ trợ kết nối nguồn lực, cộng đồng

Ngoài các hoạt động hỗ trợ về đào tạo nghề nghiệp, việc làm; hỗ trợ nâng cao nhận thức; hỗ trợ vay vốn, tài chính... Hỗ trợ kết nối nguồn lực khá quan trọng, vì từ các chính sách có thể kết nối tất cả những gì có lợi, bù đắp khó khăn đến với người nghèo thì đối tượng nghèo còn được Đảng và Nhà nước hết sức quan tâm. Từ đó người nhân viên công tác xã hội có thể kết nối người nghèo tiếp cận với các nguồn lực, các dịch vụ xã hội như trong việc chăm sóc sức khỏe, hỗ trợ giá điện, thăm hỏi, động viên tinh thần và uơm mầm tài năng cho tương lai.

Đầu tư cho y tế cũng là một trong những mục tiêu của Chính phủ nhằm giảm nghèo. Với ý nghĩa đầu tư cho y tế là đầu tư cho phát triển, trong những năm qua, Đảng và Nhà nước luôn coi trọng, quan tâm đầu tư cho lĩnh vực y tế theo hướng ngày một tăng. Để đạt tới mục tiêu tạo cơ hội thuận lợi cho người nghèo được bảo vệ, chăm sóc và nâng cao sức khỏe, đặc biệt là trong điều kiện dịch bệnh như hiện nay, ngân hàng nhà nước hàng năm chi cho y tế luôn chú trọng đầu tư nâng cấp các cơ sở khám chữa bệnh, hoàn thiện hệ thống bảo hiểm y tế. Hàng năm các thành viên trong hộ gia đình thuộc diện hộ nghèo

đều được cấp thẻ bảo hiểm y tế miễn phí với giá trị thẻ được hoàn toàn 100% chi phí khám chữa bệnh (Có giới hạn tỷ lệ thanh toán một số thuốc, hóa chất, vật tư y tế và dịch vụ kỹ thuật theo quy định của Bộ trưởng Bộ y tế). Trong hoạt động này, nhân viên xã hội cần hỗ trợ cung cấp cho đối tượng nghèo những kiến thức cần thiết về chăm sóc sức khỏe, những điều cần biết khi đi khám chữa bệnh. Đặc biệt trong các trường hợp cần chuyên tuyến để chữa bệnh, nhân viên xã hội cần hỗ trợ họ hoàn thiện các thủ tục, giấy tờ để cấp cứu, chữa bệnh kịp thời. Bên cạnh đó, nhân viên xã hội cũng đóng các hoạt động kết nối đối tượng nghèo với các chương trình chăm sóc sức khỏe cộng đồng, các chương trình khám chữa bệnh miễn phí để họ vừa được biết thêm những kỹ năng cần thiết về chăm sóc bản thân và gia đình, vừa được thăm, khám bệnh bởi những chương trình, tổ chức uy tín. Đồng thời nhân viên xã hội cũng tìm hiểu, thuyết phục các tổ chức y tế kết hợp với chính quyền để đưa được nhiều những chương trình y tế hữu ích về với những đối tượng nghèo tại địa phương.

Hỗ trợ bù giá điện cũng là một trong những chính sách hỗ trợ hộ nghèo của Đảng và nhà nước. Cụ thể, từ ngày 16/3/2015, mức hỗ trợ tiền điện cho các hộ nghèo theo Quyết định số 28/2014/QĐ-TTg ngày 7/4/2014 của Thủ tướng Chính phủ quy định cơ cấu biểu giá bán lẻ điện là 49.000 đồng/hộ/tháng. Thời điểm dịch bệnh đang diễn biến phức tạp. Tuy mức hỗ trợ còn thấp nhưng cũng đủ để các hộ chi trả tiền điện phục vụ cho sinh hoạt thiết yếu hàng ngày. Tương tự như các hoạt động khác, người làm công tác xã hội cần cung cấp các kiến thức về sử dụng điện một cách tiết kiệm, hiệu quả để các hộ nghèo giảm tải được những khoản chi tiêu lãng phí không đáng có.

Bên cạnh việc miễn, giảm học phí cho con các gia đình hộ nghèo, để động viên các em, hàng năm chính quyền địa phương phối hợp cùng với các doanh nghiệp, các nhà hảo tâm đã trao tặng rất nhiều những phần quà khen thưởng thành tích học tập của các em, cá nhân các em là tấm gương học tập xuất sắc còn được trao tặng những suất học bổng. Các hoạt động trên nhằm động viên, khích lệ tinh thần ham học, trí tiến thủ của các em, giúp các em trang bị đầy đủ kiến thức, kỹ năng để học tập, sống và làm việc, sau này trở thành người có ích cho gia đình, xã hội.

1.3. Các yếu tố ảnh hưởng đến hoạt động công tác xã hội trong hỗ trợ giảm nghèo

1.3.1. Yếu tố thuộc về người nghèo

Người nghèo thường đông con, đông cháu, sống thường có tư duy khép kín, ngại giao tiếp bên ngoài, tự nhủ đánh giá thấp bản thân và không dám nói lên suy nghĩ của mình, nhất là trước đám đông. Họ không nói ra được nhưng theo suy ngẫm là tự cho mình là không có khả năng gì, không làm được việc dùng đầu óc mà chỉ lao động chân tay để mưu sinh, tiếp cận với xu hướng mới còn hạn chế, học vấn thấp, chủ yếu là người dân tộc thiểu số nên còn bất đồng ngôn ngữ, thiếu thông tin, những trường hợp này ở tuổi trung niên. Phong tục tập quán còn rất nặng nề (*Đặc biệt là dân tộc Khơ mú, Dao và dân tộc Hơ Mông*) Đám ma thì có thể để người đã chết dài nhất cũng để 7 đến 9 ngày mới chôn (tùy theo từng dòng họ) khi có người qua đời nằm xuống là tổ chức linh đình, vay mượn, mổ trâu bò nhiều, đám cưới thì ăn uống tràn lan ngày nọ sang ngày kia, làm theo hủ tục xưa kia để lại, tỷ lệ cận huyết thống còn cao ở một số con em đồng bào các dân tộc.

Còn với những chính sách, chương trình được nhà nước hỗ trợ, họ nhận lấy với lòng biết ơn và không bao giờ tìm hiểu hay thắc mắc rằng mình được hưởng những quyền lợi gì, được nhận như vậy đã vừa chưa. Sự hỗ trợ của Nhà nước, chính quyền địa phương với người nghèo chỉ là quan hệ cho - nhận (*Cứu tế cho qua lúc thiếu thốn*), chưa thực sự có sự tương tác giữa hai bên để đi tới kết quả tốt hơn. Chính những suy nghĩ đó của người nghèo khiến khoảng cách giữa họ và công tác xã hội còn rất xa. Với suy nghĩ bản thân kém cỏi, họ không dám thử tiếp cận với các dịch vụ xã hội, với các chương trình hỗ trợ việc làm của chính quyền địa phương hay các cách làm ăn của các địa phương khác.

Mặt khác, một số ít bộ phận người nghèo còn có tư tưởng bảo thủ, (*nghèo là cái số, xưa nay ta vẫn thế, không làm ta vẫn có gạo ăn của Nhà nước hỗ trợ*), trông chờ hay ỉ lại vào sự giúp đỡ của Nhà nước, khiến cho việc trợ giúp họ ở một cấp độ cao hơn là tạo việc làm, cho vay vốn làm ăn trở nên khó khăn, nếu chẳng có vay cũng chưa sử dụng đúng cách vào công tác phát

triển giảm nghèo, thường họ chỉ lo vào cái trước mắt như xóa đói hiện tại, nguồn vốn vay thì thường dùng mua xe máy hay mua các đồ dùng chưa cần thiết để sử dụng trong nhà nên không thành công trong việc phát triển giảm nghèo.

1.3.2. Yếu tố thuộc về cán bộ chính sách với vai trò là nhân viên công tác xã hội

Khi chưa có sự tham gia của nhân viên xã hội ở các địa phương để thực hiện các hoạt động của công tác xã hội thì những người đang thực hiện những các hoạt động của công tác xã hội một cách ngẫm hiều là các cán bộ chính sách tại địa phương, mỗi xã, thị trấn sẽ có từ 1 cán bộ chính sách và 1 ủy viên văn hóa xã hội. Đây là những chức danh cơ cấu, tuy nhiên có những xã 1 người kiêm 2 chức năng.

Ưu điểm của việc này là cán bộ chính sách địa phương tuy chưa học chuyên sâu công tác xã hội, nhưng cơ bản cũng đã nắm được các chính sách giảm nghèo, họ cũng đã rất thân thuộc với người nghèo tại địa phương, điều này giúp việc tiếp cận và làm việc với đối tượng được dễ dàng hơn.

Nhược điểm là do không được đào tạo bài bản ngay từ đầu về công tác xã hội nên cách tiếp cận và trợ giúp đối tượng của cán bộ chính sách địa phương sẽ không được trình tự bài bản và chuyên nghiệp như nhân viên xã hội, sẽ thiên về thực hiện chính sách đơn thuần mà sẽ không có các các hoạt động của công tác xã hội, đặc biệt là hỗ trợ tư vấn, tham vấn. Bên cạnh đó, việc cán bộ chính sách địa phương thường phải kiêm nhiệm rất nhiều vai trò, công việc khác nên thời gian để học hỏi, nghiên cứu thực hiện các hoạt động công tác xã hội chuyên nghiệp là gần như không có. Mặt khác cán bộ thực hiện các chính sách xã hội ít người địa phương, có chăng cũng trong huyện, mặt khác cùng huyện có 7 dân tộc khác tiếng nói của nhau, việc thông tin tuyên truyền rất khó hiểu, thường bất đồng về ngôn ngữ giao tiếp. có chăng cũng học qua loa về ngôn ngữ để giao tiếp thông thường (*Chưa đề cập đến phong tục tập quán của mỗi dân tộc*). Đây là yếu tố ảnh hưởng rất nhiều tới việc thực hiện các hoạt động của công tác xã hội trong việc giảm nghèo.

1.3.3. Yếu tố thuộc về cơ chế chính sách

Công cuộc đổi mới đất nước đã đạt được nhiều thành tựu to lớn về phát triển kinh tế - xã hội, tăng trưởng kinh tế cao là tiền đề để Việt Nam thoát khỏi nước nghèo và trở thành nước có thu nhập trung bình và cao hơn trong những năm tới. Sự thành công này có phần đóng góp rất quan trọng trong lĩnh vực giảm nghèo. Bằng rất nhiều những chính sách, các giải pháp, bằng sự phấn đấu nỗ lực của toàn Đảng, toàn dân, với nguồn kinh phí từ ngân sách Nhà nước, từ cộng đồng trong nước, cộng đồng Quốc tế, từ bản thân đối tượng, chương trình giảm nghèo đã được thực hiện rất hiệu quả, đã cải thiện được đáng kể diện mạo nghèo đói ở các vùng của đất nước.

Các chính sách giảm nghèo ở Việt Nam nhìn chung khá đầy đủ và bao trùm mọi mặt của đời sống xã hội. Với rất nhiều cách tiếp cận khác nhau, từ những chính sách, dự án tác động trực tiếp vào nhóm đối tượng cụ thể, cho đến những chính sách, dự án có tác động gián tiếp đều có tác động tích cực đến đời sống của người nghèo. Ví dụ như Chương trình mục tiêu quốc gia về Nước sạch và vệ sinh môi trường nông thôn (NSVSMTNT) của Bộ Nông nghiệp và phát triển nông thôn và chương trình mục tiêu quốc gia về Giáo dục của Bộ Giáo dục và Đào tạo.

Chương trình NSVSMTNT đã giúp người nghèo có nước sạch để sử dụng trong đời sống sinh hoạt hàng ngày, nước sạch để sản xuất... đời sống cũng thay đổi rất tích cực.

Có rất nhiều những dự án giảm nghèo hỗ trợ cho giáo dục nhằm tăng cường khả năng tiếp cận dịch vụ giáo dục cơ bản cho người nghèo và đồng bào dân tộc thiểu số ở vùng sâu, vùng xa thông qua cung cấp nguồn lực và ban hành các chính sách về giáo dục nâng cao nhận thức để tăng cường cơ hội học tập cho mọi người dân.

Một số dự án giảm nghèo chú trọng hoạt động dạy nghề và tạo việc làm, chủ yếu thuộc Chương trình mục tiêu Quốc gia giảm nghèo và Nghị quyết 30a. Các hoạt động hỗ trợ dạy nghề này nằm ngoài kênh dạy nghề thông thường mà các trường dạy nghề đang tiến hành trong nhiều lĩnh vực và còn rất nhiều những chính sách, chương trình giảm nghèo khác.

Hệ thống chính sách và các chương trình giảm nghèo dày đặc như vậy là một điều kiện thuận lợi để nhân viên xã hội thực hiện các các hoạt động của mình đối với người nghèo. Từ chính sách về y tế, giáo dục, dạy nghề hay các chương trình về hỗ trợ nhà ở, vay vốn... đều có, nhân viên xã hội sẽ dễ dàng trong việc tìm hiểu và kết nối các chính sách, chương trình đó với người nghèo.

Tuy nhiên, những chính sách, chương trình giảm nghèo vẫn còn tồn tại những điểm hạn chế như các chính sách còn chồng chéo, số lượng văn bản chính sách quá nhiều khiến việc thực hiện còn gặp khó khăn. Ngoài ra hiện nay vẫn chưa có văn bản chính sách nào cụ thể quy định về chức năng nhiệm vụ của nhân viên xã hội trong việc hỗ trợ giảm nghèo, nhân viên xã hội không thể thực hiện các hoạt động của mình một cách rõ ràng, chính thức. Đây là yếu tố khó khăn tác động lớn nhất trong việc thực hiện các hoạt động của công tác xã hội với đối tượng là người nghèo. Trời mưa đi lại rất khó khăn; các công trình thủy lợi của huyện thuộc CT 30c có quy mô đầu tư nhỏ, công suất tưới thấp, chủ yếu là đập dâng, đập bồi nên vào mùa mưa thường bị hư hỏng, bồi lấp, chi phí sửa chữa, duy tu, bảo dưỡng hàng năm lớn; về điện hiện vẫn còn tới 60% thôn bản chưa có điện; ... Thêm vào đó thiên tai, dịch bệnh thường xuyên xảy ra, làm ảnh hưởng đến mọi mặt kinh tế - xã hội của địa phương; tỷ lệ hộ đói nghèo vẫn còn cao, hiện tượng tái nghèo còn còn nhiều.

1.4. Quan điểm của Đảng, Nhà nước và hệ thống chính sách về giảm nghèo

Giảm nghèo là cách thức vận dụng các nguồn lực, vật lực của Nhà nước, của xã hội để triển khai thực hiện các chương trình, dự án nhằm tác động tới các đối tượng cụ thể như người nghèo, hộ nghèo hay xã nghèo với mục đích giúp họ nâng cao chất lượng cuộc sống, cải thiện khó khăn, tạo cơ hội cho họ về thu nhập, tiếp cận các dịch vụ xã hội, đảm bảo các nhu cầu cơ bản của con người.

** Các văn bản hướng dẫn có liên qua đến giảm nghèo hiện tại đã phân tích áp dụng tại huyện Mường Lát.*

- Nghị quyết 06-NQ/HU ngày 02/01/2014 của Ban chấp hành Đảng bộ huyện khóa IV về chỉ đạo thực hiện có hiệu quả Nghị quyết 09/NQ-TU, ngày 04/11/2013 của Ban Chấp hành Đảng bộ tỉnh về “*tăng cường sự lãnh đạo của Đảng đối với công tác giảm nghèo nhanh và bền vững ở các huyện miền núi Thanh Hoá đến năm 2020*”.

- Ban hành Kế hoạch số: 47/KH-HU ngày 08/01/2014 triển khai Nghị quyết 09/NQ-TU, ngày 04/11/2013 của Ban Chấp hành Đảng bộ tỉnh về “*tăng cường sự lãnh đạo của Đảng đối với công tác giảm nghèo nhanh và bền vững ở các huyện miền núi Thanh Hoá đến năm 2020*”.

- Kế hoạch số 26/KH-UBND ngày 19/3/2014 của UBND huyện Mường Lát về kế hoạch thực hiện công tác giảm nghèo nhanh và bền vững đến năm 2020.

- Để chỉ đạo thực hiện thắng lợi, đưa Nghị quyết 09-NQ/TU của tỉnh đi vào đời sống và cụ thể hoá thành hiện thực, ngày 10/02/2014 Ban Thường vụ Huyện uỷ đã ban hành Quyết định số 489-QĐ/HU về việc thành lập 03 cụm chỉ đạo phát triển KT-XH huyện Mường Lát đến năm 2020, Nghị quyết số 09-NQ/HU về tăng cường sự lãnh đạo của Đảng trong công tác phát triển chăn nuôi đến năm 2020.

- Kế hoạch số 50-KH/HU ngày 28/02/2014 về tổ chức kết nghĩa và hợp tác phát triển kinh tế - xã hội giữa huyện Mường Lát với huyện Hoằng Hóa và huyện Hậu Lộc, tỉnh Thanh hóa, giai đoạn 2014-2020 theo Quyết định số 1298-QĐ/TU của Ban thường vụ tỉnh ủy Thanh hóa về phân công các huyện, thị xã, thành phố miền xuôi kết nghĩa và hợp tác phát triển kinh tế xã hội với các huyện miền núi.

- Ban hành Quyết định số 683-QĐ/HU, ngày 08/4/2015, về thành lập Ban chỉ đạo thực hiện Nghị quyết 09-NQ/TU ngày 04/11/2013 của BCH Đảng bộ tỉnh;

- Ban hành Quyết định số 117-QĐ/HU, về việc kiện toàn Ban chỉ đạo thực hiện Nghị quyết 09-NQ/TU, ngày 04/11/2013 của Ban chấp hành Đảng bộ tỉnh về “*Tăng cường sự lãnh đạo của Đảng đối với công tác giảm nghèo nhanh và bền vững ở các huyện miền núi Thanh Hóa đến năm 2020*” huyện Mường Lát.

- Kế hoạch số 41/KH-UBND ngày 03/5/2017 của UBND huyện Mường Lát về việc thực hiện Chương trình giảm nghèo nhanh và bền vững huyện Mường Lát, giai đoạn 2016-2020 theo Nghị quyết số 09-NQ/TU ngày 04/11/2013 của Ban chấp hành Đảng bộ tỉnh.

Sau khi nghiên cứu các văn bản cũng như các Nghị quyết của tỉnh Thanh Hóa và huyện Mường Lát trong giai đoạn 2010-2015; giai đoạn 2015-2020 đã cho thấy sự vào cuộc mạnh mẽ của chính quyền các cấp trong việc giảm nghèo. Tuy nhiên như vậy là chưa đủ để thực hiện phát triển một cách đồng bộ hiệu quả hơn nếu thiếu vai trò dẫn dắt và thực hiện các hoạt động kết nối giữa các nguồn lực, cũng như kết nối các chính sách đến với người dân, nhằm để dân hiểu dân tin, dân làm theo, mà cốt lõi là các hộ nghèo nhìn nhận một cách trực diện để thúc đẩy các hộ nghèo vươn lên thoát nghèo.

1.4.1. Chủ trương về giảm nghèo

Xóa đói, giảm nghèo trong suốt thời gian qua đã được Đảng và Chính phủ luôn quan tâm. Vấn đề này đã được thể hiện trong các văn bản chính thức của Đảng và Chính phủ như trong các Nghị quyết của trung ương Đảng trong những khóa gần đây. Từ năm 1998 đến nay, Chính phủ đã đưa chương trình xóa đói, giảm nghèo thành chương trình mục tiêu quốc gia và được đưa vào kế hoạch định kỳ 5 năm của Chính phủ và các địa phương, đến nay đã qua 5 giai đoạn: 1998 - 2000; 2001 - 2005; 2006 - 2010; 2015-2020.

Các chính sách, dự án hỗ trợ người nghèo hiện nay ở Việt Nam được phân theo các nhóm sau:

+ Nhóm các chính sách, dự án tạo điều kiện phát triển sản xuất, kinh doanh: chính sách tín dụng, ưu đãi, chính sách hỗ trợ đất sản xuất cho đồng bào dân tộc thiểu số; các dự án khuyến nông - lâm - ngư nghiệp và hỗ trợ sản xuất, phát triển ngành nghề; dự án phát triển cơ sở hạ tầng thiết yếu cho các xã đặc biệt khó khăn; dự án dạy nghề cho người nghèo và dự án nhân rộng mô hình giảm nghèo.

+ Nhóm các chính sách hỗ trợ người nghèo tiếp cận các dịch vụ xã hội: chính sách hỗ trợ y tế, giáo dục, hỗ trợ nhà ở và nước sinh hoạt và chính sách trợ giúp pháp lý.

+ Nhóm các dự án nâng cao năng lực và nhận thức như hoạt động đào tạo cán bộ giảm nghèo và truyền thông, các hoạt động giám sát và đánh giá các chương trình, dự án giảm nghèo.

1.4.2. Một số văn bản do Chính phủ, Bộ Lao động, Thương binh và Xã hội và các Bộ, Ngành liên quan ban hành hỗ trợ giải quyết nghèo đói

Quyết định số 754/QĐ-TTg ngày 18/6/2007 về việc thành lập Ban chỉ đạo quốc gia giảm nghèo.

Quyết định số 13/QĐ-BCĐGN ngày 06/12/2007 quy định về quy chế hoạt động của Ban chỉ đạo quốc gia giảm nghèo.

Thông tư 04/2007/TT-BLĐTBXH ngày 28/2/2007 hướng dẫn quy trình rà soát hộ nghèo hàng năm.

Thông tư liên tịch số 102/2007/TTLT/BTC-BLĐTBXH ngày 20/8/2007 về hướng dẫn cơ chế quản lý tài chính đối với một số dự án của Chương trình mục tiêu quốc gia giảm nghèo.

Quyết định 1053/2007/QĐ-BLĐTBXH ngày 23/7/2007 quy định khung theo dõi, giám sát, đánh giá thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia giảm nghèo giai đoạn 2006-2010.

Quyết định 23/2007/QĐ-BLĐTBXH ngày 5/10/2007 quy định hệ thống chỉ tiêu, theo dõi, giám sát thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia giảm nghèo giai đoạn 2006-2010.

Quyết định 134/2004/ QĐ-TTg ngày 20/7/2004 quy định chính sách hỗ trợ đất sản xuất, đất ở, nhà ở, nước sinh hoạt cho hộ đồng bào dân tộc thiểu số, đời sống khó khăn.

Quyết định 167/2008/ QĐ-TTg ngày 12/12/2008 về chính sách hỗ trợ hộ nghèo về nhà ở và an sinh xã hội.

Nghị quyết 80/NQ-CP ngày 19/5/2011 về định hướng giảm nghèo bền vững thời kỳ 2011-2020. Đây là văn bản nêu rõ định hướng công tác giảm nghèo trong thời gian 10 năm tới. Trong văn bản này đã quy định các chính sách hỗ trợ giảm nghèo chung bao gồm: hỗ trợ sản xuất, dạy nghề, tạo việc làm, tăng thu nhập; hỗ trợ về giáo dục và đào tạo; hỗ trợ về y tế và dinh dưỡng; hỗ trợ về nhà ở; hỗ trợ tiếp cận dịch vụ pháp lý và hỗ trợ hưởng thụ

văn hóa, thông tin. Bên cạnh đó Nghị quyết cũng đưa ra các chính sách hỗ trợ giảm nghèo đặc thù cho các hộ nghèo, người nghèo thuộc dân tộc thiểu số, hay hộ nghèo, người nghèo sinh sống tại các huyện nghèo, xã nghèo và thôn bản đặc biệt khó khăn; các chương trình mục tiêu quốc gia, các chương trình, dự án sử dụng vốn trái phiếu Chính phủ vốn ODA và các chương trình khác phải tập trung các hoạt động và nguồn lực ưu tiên đầu tư trước cho các huyện nghèo, xã nghèo.

Nghị định số 86/2015/NĐ-CP ngày 02/10/2015 của Thủ tướng Chính quy định về cơ chế thu, quản lý học phí đối với cơ sở giáo dục thuộc hệ thống giáo dục quốc dân và chính sách miễn, giảm học phí, hỗ trợ chi phí học tập từ năm học 2015-2016 đến năm học 2020-2021. Trong đó, các em học sinh là con trong gia đình có bố, mẹ thuộc diện hộ nghèo sẽ được hỗ trợ chi phí học tập, Nhà nước thực hiện hỗ trợ chi phí học tập trực tiếp cho các em với mức 100.000đ/tháng để mua sách, vở và các đồ dùng học tập khác (Cụ thể tại Điều 4 của Thông tư liên tịch số 09/2016/TTLT-BGDĐT-BTC-BLĐTBXH ngày 30/03/2016 đã hướng dẫn cụ thể: Trẻ em học mẫu giáo và học sinh phổ thông có cha mẹ thuộc diện hộ nghèo được miễn học phí.

Định hướng giảm nghèo đến năm 2020, Đảng Nhà nước ta nhận định rằng: Trong những năm tới: Nghèo đói vẫn là vấn đề bức xúc. Dự thảo chiến lược phát triển kinh tế - xã hội, giai đoạn 2011-2020 xác định : *“Tiếp tục thực hiện chủ trương, chính sách khuyến khích làm giàu hợp pháp đi đôi với tích cực giảm nghèo, vươn lên no ấm, đặc biệt là ở các vùng nông thôn miền núi, vùng dân tộc, vùng căn cứ cách mạng trước đây”*

Tăng trưởng kinh tế, tạo việc làm, nâng cao đời sống cho người nghèo giải quyết tốt các vấn đề xã hội và bảo vệ môi trường. Bảo đảm nền kinh tế tăng trưởng cao, bền vững là điều kiện tiên quyết đối với vấn đề giảm nghèo. Chú trọng việc quy hoạch và quản lý có hiệu quả việc khai thác và sử dụng tài nguyên, đảm bảo sự phát triển bền vững. Tập trung xây dựng kết cấu hạ tầng, phát triển các loại hình dịch vụ giáo dục, y tế, văn hoá... Xã hội hoá các hoạt động giảm nghèo, đặc biệt là về nguồn lực, nhân lực, vật lực. Nguồn lực của Nhà nước vừa có các hoạt động chủ đạo vừa mang tính xúc tác, nguồn lực của

cộng đồng, của quốc tế có các hoạt động quan trọng. Ngoài nguồn lực từ cộng đồng trong nước, cộng đồng quốc tế cũng đóng góp các hoạt động quan trọng cả về hỗ trợ tài chính cũng như kỹ thuật. Trong tương lai công tác xã hội hoá cần tiếp tục quan tâm và thúc đẩy nhằm tăng cường hơn nữa trách nhiệm của xã hội và của mọi người dân trong việc giải quyết vấn đề nghèo đói ở các địa phương.

Đổi mới công tác tổ chức, lập kế hoạch, đảm bảo tính công khai, minh bạch là trách nhiệm, tạo điều kiện cho chính quyền địa phương chủ động, người dân được bàn bạc, thảo luận nhằm tạo ra sự đồng thuận và hợp tác trong quá trình triển khai chương trình giảm nghèo.

Tiếp tục hoàn thiện cơ chế, chính sách về giảm nghèo. Tạo cơ hội cho người nghèo tiếp cận thuận lợi và chi phí thấp các dịch vụ xã hội cơ bản, an sinh xã hội và phúc lợi xã hội; hỗ trợ người nghèo từng bước tiếp cận dịch vụ xã hội chất lượng cao (giáo dục, y tế, nhà ở, nước sạch, văn hoá...).

Giảm nguy cơ rủi ro cho người nghèo, nhất là rủi ro do thiên tai, do cơ chế thị trường, sự tác động của các cú sốc từ bên ngoài (khủng hoảng, suy thoái kinh tế thế giới, lạm phát...) cũng như những bất trắc trong cuộc sống (ốm đau, bệnh tật, tai nạn...).

Tập trung nguồn lực cho các vùng có tỷ lệ hộ nghèo cao, nhất là vùng núi phía Bắc, Tây nguyên, vùng có đông đồng bào dân tộc thiểu số...thông qua chương trình hỗ trợ giảm nghèo nhanh và bền vững ở các vùng này.

Quyết định số 1722/QĐ-TTg ngày 02 tháng 09 năm 2016 của Thủ tướng Chính phủ Phê duyệt Chương trình mục tiêu Quốc gia giảm nghèo bền vững giai đoạn 2016 – 2020 đã đặt ra mục tiêu: Thực hiện mục tiêu giảm nghèo bền vững, hạn chế tái nghèo; góp phần thực hiện mục tiêu tăng trưởng kinh tế, đảm bảo an sinh xã hội, cải thiện đời sống, tăng thu nhập của người dân, đặc biệt là ở các địa bàn nghèo, tạo điều kiện cho người nghèo, hộ nghèo tiếp cận thuận lợi các dịch vụ xã hội cơ bản (y tế, giáo dục, nhà ở, nước sinh hoạt và vệ sinh, tiếp cận thông tin), góp phần hoàn thành mục tiêu giảm tỷ lệ hộ nghèo giai đoạn 2016 – 2020 theo Nghị quyết Quốc hội đề ra.

1.4.3. Một số chương trình giảm nghèo

Bên cạnh những chính sách giảm nghèo, Đảng và Chính phủ đã xây dựng nhiều chương trình hướng vào nhóm người nghèo trên phạm vi toàn quốc cũng như hỗ trợ để họ có thể tiếp cận với các dịch vụ xã hội.

Chương trình phát triển kinh tế - xã hội các xã đặc biệt khó khăn vùng đồng bào dân tộc và miền núi (CT 135-II) Chương trình 30a của Chính phủ; (Quyết định số 07/2006/QĐ-TTg ngày 10/01/2006). Chương trình 135, bao gồm hỗ trợ đầu tư cơ sở hạ tầng, hỗ trợ phát triển sản xuất cho các xã đặc biệt khó khăn, xã biên giới, xã an toàn khu, các thôn, bản đặc biệt khó khăn giai đoạn 2012 - 2015, là dự án thành phần của Chương trình mục tiêu quốc gia Giảm nghèo bền và giai đoạn 2016 - 2020. Chương trình đã làm thay đổi cuộc sống của bà con rất nhiều, Chương trình 134,135 đã thực sự phát huy vai trò là “bà đỡ” trong công tác xóa đói giảm nghèo đối với người dân nghèo; tạo thêm niềm tin và giúp bà con có thêm ý chí vươn lên xóa đói giảm nghèo căn cơ và bền vững...

Tuy nhiên, theo ý kiến của nhiều địa phương, vẫn còn nhiều vướng mắc khiến cho việc thực hiện Chương trình chưa đạt hiệu quả mong muốn, việc thực hiện của địa phương gặp nhiều khó khăn.

Vướng mắc đầu tiên phải kể đến là khó khăn về chính sách. Các văn bản hướng dẫn chậm được ban hành, còn chông chéo giữa các chính sách, hướng dẫn tiêu chí phân bổ vốn chậm ảnh hưởng đến việc triển khai Chương trình. Bên cạnh đó, việc đầu tư còn dàn trải, đầu tư quá thấp cho các dự án trực tiếp, đầu tư chưa bám sát vào thực tế môi trường của địa phương. Ngoài những khó khăn về chính sách, những khó khăn trong việc thực thi Chương trình cũng khiến các địa phương gặp khó khăn trong Công tác quản lý, duy tu, bảo quản các công trình ở cơ sở, nhất là các thôn bản có những hạn chế, nhất là công trình nước sinh hoạt. Đối với Dự án hỗ trợ phát triển sản xuất chưa xây dựng được các mô hình điển hình mang lại thu nhập cho người dân để nhân rộng. Về địa bàn, hầu hết các xã vùng sâu, vùng xa, thời tiết không thuận lợi, đã ảnh hưởng đến tiến độ, chất lượng công trình 135. Dù còn nhiều vướng mắc trong khâu thực hiện chương trình, nhưng cũng không thể phủ

nhận kết quả mà chương trình đạt được đã làm “thay da đổi thịt” những địa phương vùng sâu, vùng xa thuộc những vùng đất vốn rất nghèo khó có nhiều đồng bào dân tộc sinh sống. Chương trình mục tiêu quốc gia về giảm nghèo giai đoạn 2006-2010 (CTMTQG-GN) (Quyết định số 20/2007/QĐ-TTg ngày 05/02/2007). Với đối tượng là người nghèo, hộ nghèo, xã đặc biệt khó khăn, xã nghèo; ưu tiên đối tượng hộ nghèo mà chủ hộ là phụ nữ, hộ nghèo dân tộc thiểu số, hộ nghèo có đối tượng bảo trợ xã hội (người già, người tàn tật, trẻ em có hoàn cảnh đặc biệt), chương trình này mục tiêu nhằm đẩy nhanh tốc độ giảm nghèo, hạn chế tái nghèo; củng cố thành quả giảm nghèo, tạo cơ hội cho hộ đã thoát nghèo vươn lên khá giả; cải thiện một bước điều kiện sống và sản xuất ở các xã nghèo, xã đặc biệt khó khăn; nâng cao chất lượng cuộc sống của nhóm hộ nghèo, hạn chế tốc độ gia tăng khoảng cách chênh lệch về thu nhập, mức sống giữa thành thị và nông thôn, giữa đồng bằng và miền núi, giữa nhóm hộ giàu và nhóm hộ nghèo.

Chương trình giảm nghèo nhanh và bền vững cho 62 huyện nghèo (Nghị quyết 30a/2008/NQ-CP ngày 27/12/2008) mà huyện Mường Lát tỉnh Thanh Hóa cũng nằm trong nội dung thụ hưởng của Nghị quyết, đặt ra mục tiêu tạo sự chuyển biến nhanh hơn về đời sống vật chất, tinh thần của người nghèo, đồng bào dân tộc thiểu số thuộc các huyện nghèo, bảo đảm đến năm 2020 ngang bằng các huyện khác trong khu vực. Hỗ trợ phát triển sản xuất nông, lâm nghiệp bền vững, theo hướng sản xuất hàng hoá, khai thác tốt các thế mạnh của địa phương. Xây dựng kết cấu hạ tầng kinh tế - xã hội phù hợp với đặc điểm của từng huyện; chuyển đổi cơ cấu kinh tế và các hình thức tổ chức sản xuất có hiệu quả theo quy hoạch; xây dựng xã hội nông thôn ổn định, giàu bản sắc văn hoá dân tộc; dân trí được nâng cao, môi trường sinh thái được bảo vệ; bảo đảm vững chắc an ninh, quốc phòng. Chương trình cũng đặt ra mục tiêu cụ thể cho từng cột mốc, trong đó mục tiêu cụ thể đến năm 2020: Giảm tỷ lệ hộ nghèo xuống mức ngang bằng mức trung bình của khu vực. Giải quyết cơ bản vấn đề sản xuất, việc làm, thu nhập để nâng cao đời sống của dân cư ở các huyện nghèo gấp 5 - 6 lần so với hiện nay. Lao động nông nghiệp còn khoảng 50% lao động xã hội, tỷ lệ lao động nông thôn

qua đào tạo, tập huấn, huấn luyện đạt trên 50%; số xã đạt tiêu chuẩn nông thôn mới khoảng 50%. Phát triển đồng bộ kết cấu hạ tầng kinh tế - xã hội nông thôn, trước hết là hệ thống thủy lợi bảo đảm tưới tiêu chủ động cho toàn bộ diện tích đất lúa có thể trồng 2 vụ, mở rộng diện tích tưới cho rau màu, cây công nghiệp; bảo đảm giao thông thông suốt 4 mùa tới hầu hết các xã và cơ bản có đường ô tô tới các thôn, bản đã được quy hoạch; cung cấp điện sinh hoạt cho hầu hết dân cư; bảo đảm cơ bản điều kiện học tập, chữa bệnh, sinh hoạt văn hoá, tinh thần, giữ gìn bản sắc văn hoá dân tộc.[16,14]

Các hoạt động hỗ trợ giảm nghèo của Việt Nam nhìn chung rất toàn diện, bao trùm tất cả các lĩnh vực và yếu tố cần thiết và được sửa đổi bổ sung hàng năm cho phù hợp với xu hướng phát triển. Đồng thời cách tiếp cận và can thiệp cũng khác nhau. Một số dự án được thiết kế để đáp ứng nhu cầu của một số nhóm đối tượng ở một vùng khác nhau hoặc hoặc hỗ trợ các nhóm khác chưa được hưởng lợi từ chương trình/dự án nào. Trên thực tế tất nhiên còn phức tạp hơn bởi các hoạt động hỗ trợ ở từng tỉnh, huyện, xã lại có thể được điều chỉnh cho phù hợp với tình hình cụ thể của địa phương và nhu cầu của các đối tượng hưởng lợi.

TIỂU KẾT CHƯƠNG 1

Chương 1 tập trung phân tích các khái niệm liên quan đến đề tài (nghèo, người nghèo, chuẩn nghèo, ...), các yếu tố ảnh hưởng, từ đó phân tích lý luận về hoạt động công tác xã hội trong hỗ trợ giảm nghèo. Những lý luận đó cho chúng ta cái nhìn tổng quát nhất về công tác xã hội nói chung và những hoạt động cụ thể được thực hiện trong các hoạt động thực hiện chính sách giảm nghèo.

Công tác xã hội không chỉ giúp cán bộ thực hiện chính sách tiếp cận, tạo lập mối quan hệ với đối tượng người nghèo mà còn giúp cán bộ chính sách kết nối được người nghèo với các nguồn lực hỗ trợ về thông tin, tài chính, nghề nghiệp, tư vấn tâm lý...; qua quá trình thực hiện lồng ghép các hoạt động công tác xã hội vào công tác giảm nghèo giúp người cán bộ chính sách trau dồi thêm kiến thức xã hội, kinh nghiệm trong thực hiện các các hoạt động chuyên môn như kết nối, vận động nguồn lực, kết nối, tuyên truyền nâng cao nhận thức.

Từ những lý luận về công tác xã hội trong hỗ trợ giảm nghèo, các yếu tố ảnh hưởng, nguyên nhân từ những chính sách đang có hiệu lực, tác giả sẽ đi sâu tìm hiểu, đánh giá thực trạng một số các hoạt động của công tác xã hội được vận dụng trong các hoạt động hỗ trợ giảm nghèo và những yếu tố tác động đến việc thực hiện hỗ trợ chính sách giảm nghèo đó ở Chương 2.

CHƯƠNG 2

THỰC TRẠNG HOẠT ĐỘNG CÔNG TÁC XÃ HỘI TRONG HỖ TRỢ GIẢM NGHÈO TẠI HUYỆN MƯỜNG LÁT, TỈNH THANH HÓA

2.1 Mô tả địa bàn và khách thể nghiên cứu

2.1.1. Mô tả địa bàn nghiên cứu

Mường Lát là huyện vùng cao Biên giới nằm ở phía Tây tỉnh Thanh Hóa, huyện có 8 xã và 01 Thị trấn. Mường Lát có 105 km đường biên giới tiếp giáp với nước Cộng hòa dân chủ nhân dân Lào anh em. Trên tuyến biên giới có cửa khẩu quốc gia xã Tén Tằn và 01 cửa khẩu phụ xã Mường Chanh, có 26 đường mòn ra vào biên giới. Phía Bắc giáp huyện Vân Hồ tỉnh Sơn La, phía Đông giáp với huyện Quan Hóa, phía Tây và Tây Nam giáp với huyện Viên Xay và Xốp Bâu, tỉnh Hủa Phăn - nước CHDCND Lào.

Diện tích tự nhiên toàn huyện 81.461,44ha, địa hình đồi núi hiểm trở, giao thông đi lại còn nhiều khó khăn; Dân số 8.523 hộ/39.993 khẩu (trong đó: Dân tộc Thái chiếm 2%, dân tộc Mông chiếm 39,8%, dân tộc Dao chiếm 2%, dân tộc Khơ mú chiếm 4,2% và dân tộc Kinh chiếm 5,4% tổng số dân toàn huyện, còn lại là dân tộc Mường). Về Tôn giáo: 1.376 hộ/7.586 khẩu. (Trong đó: Đạo Tin lành: 1.133 hộ/6243 khẩu, đạo Thiên Chúa giáo: 243 hộ/1.343 khẩu).

Tổng số hộ nghèo: 3.692 hộ, chiếm tỷ lệ 43,32% tổng số hộ toàn huyện theo tiêu chí giai đoạn 2016-2020 (hiện đang rà soát theo tiêu chí mới hàng năm)

Số hộ cận nghèo: 981 hộ, chiếm tỷ lệ 11,51% tổng số hộ toàn huyện

- Điều kiện kinh tế - văn hóa - xã hội

Trước đây huyện Mường Lát thuộc huyện Quan Hóa cũ, được chia tách bởi 3 huyện là Quan Hóa và huyện Quan sơn tháng 11 năm 1996. Mường Lát là một huyện biên giới nghèo nhất tỉnh Thanh Hóa; Một số địa bàn đặc biệt

khó khăn của huyện còn thiếu những công trình hạ tầng thiết yếu phục vụ sinh hoạt và sản xuất. Đặc biệt tại một số bản giáp biên giới Việt - Lào của huyện, cuộc sống của người dân tộc Mông, Dao, người Khơ Mú, Thái, Mường, Kinh đang gặp nhiều khó khăn vì chưa có điện lưới đến các thôn bản, chỉ một số nằm dọc tỉnh lộ 520 có điện lưới đi qua.

Tuy nhiên từ giai đoạn 2015 đến nay Mường Lát đã đạt được những thành quả quan trọng trong nhiều lĩnh vực: kinh tế duy trì tốc độ tăng trưởng và phát triển tương đối toàn diện, cơ cấu kinh tế chuyển dịch đúng hướng, kết cấu hạ tầng kinh tế xã hội được tăng cường.

Đa số người dân huyện Mường Lát sống chủ yếu bằng nghề nông lâm nghiệp, người dân còn làm thêm nghề thủ dệt thổ cẩm, ngoài lúa nương ra còn có các loại hoa màu khác: ngô, khoai lang, sắn, đậu, ... Kỹ thuật canh tác ở huyện vùng cao này còn tương đối lạc hậu, phụ thuộc nhiều vào thiên nhiên, năng suất thấp, chỉ đạt khoảng 1.100kg/ha lúa nương. Mặc dù đã xen canh, tăng vụ song năng suất lúa hoa màu vẫn rất thấp. Do không đủ ăn nên người nông dân ở huyện Mường Lát phải làm nhiều nghề phụ khác như thủ dệt để tăng thêm thu nhập, nuôi sống gia đình.

Về văn hóa - xã hội có nhiều chuyển biến tiến bộ, an sinh xã hội được chăm lo, đời sống vật chất tinh thần của nhân dân được cải thiện. Các chính sách an sinh xã hội, giảm nghèo được triển khai đầy đủ, kịp thời đúng đối tượng.

2.1.2. Mô tả khách thể nghiên cứu người nghèo sinh sống trong phạm vi không gian nghiên cứu

Sau khi nghiên cứu khái quát đặc điểm dân cư, mức sống trên địa bàn huyện Mường Lát, tác giả lựa chọn phân tích chi tiết về đối tượng người nghèo của 09 xã, thị trấn sau:

Bảng 2.1. Số liệu hộ nghèo 9 xã, thị trấn trong nghiên cứu

STT	Tên xã	Số hộ nghèo
1	Tam Chung	423
2	Tén Tằn	265
3	Quang Chiêu	349
4	Mường Chanh	293
5	Trung Lý	736
6	Nhi Sơn	358
7	Mường Lý	642
8	Thị trấn Mường Lát	64
9	Pù Nhi	562
	Tổng số	3.692

(Nguồn: Báo cáo số liệu hộ nghèo tháng 11 năm 2020 của huyện Mường Lát)

Theo phân tích địa bàn dân cư, tác giả đánh giá số hộ nghèo của huyện Mường Lát đa phần sinh sống ở vùng đồi núi cao hiểm trở, giao thông đi lại khó khăn, điều kiện tự nhiên không mấy thuận lợi, đất đai cằn cỗi, thiên nhiên khắc nghiệt, thường chịu ảnh hưởng nặng nề về gió Lào vào mùa hè...điều đó ảnh hưởng trực tiếp tới việc sản xuất và sinh sống của người dân nơi đây.

Bảng 2.2. Số liệu hộ tự nhiên 8 xã, 1thị trấn thuộc huyện Mường Lát

STT	Tên xã	Số hộ trên toàn huyện	Số khẩu trong huyện
1	Tam Chung	872	4.253
2	Tén Tằn	630	3.600
3	Quang Chiêu	1.231	5.828
4	Mường Chanh	825	3.753
5	Trung Lý	1.327	6.565
6	Nhi Sơn	659	3.138
7	Mường Lý	1.009	5.182
8	Thị trấn Mường Lát	950	3.072
9	Pù Nhi	1.226	5.670
	Tổng số	8.729	41.061

(Nguồn: Báo cáo số liệu hộ tháng 11 năm 2020 của huyện Mường Lát)

Tổng số hộ trong 8 xã, thị trấn 8.729 hộ, số khẩu tự nhiên 41.061 nhân khẩu với đầy đủ các thành phần dân cư và địa lý đặc trưng của huyện Mường Lát. Huyện Mường Lát có tổng số 3.692 hộ nghèo, trong những năm qua công tác giảm nghèo trên địa bàn huyện đã đạt được một số kết quả khả quan tuy nhiên tỷ lệ hộ nghèo của huyện Mường Lát vẫn còn cao hơn so với các huyện miền núi khác của tỉnh Thanh Hóa. Đa số người dân sống bằng ngành nghề nông lâm ngư nghiệp, làm nương phát rẫy là chủ yếu.

Bảng 2.3. Nghề nghiệp hiện nay của các hộ gia đình nghèo tại huyện Mường Lát

Nghề nghiệp hiện nay	Số lượng (Người)	Tỷ lệ (%)
Nông lâm ngư nghiệp	85	70,8
Công nghiệp, xây dựng	7	5,8
Dịch vụ	5	4,2
Lao động tự do	23	19,2
Tổng	120	100,0

(Nguồn: Điều tra khảo sát tại huyện Mường Lát)

Nghề nghiệp hiện nay của các hộ nghèo tại huyện Mường Lát phần lớn là làm nông nghiệp chiếm đến 70,8% (chủ yếu là trồng trọt, chăn nuôi). Lao động tự do chiếm tỷ lệ cũng khá cao (gần 20%), phần lớn người lao động tự do làm thuê, bốc vác cho các nhà có vườn, có ao hồ. Các ngành nghề khác (công nghiệp và dịch vụ) chiếm tỷ lệ không đáng kể tại địa phương một phần vì cơ sở hạ tầng chưa đủ phát triển để triển khai rộng các nghề này, một phần do nhận thức và năng lực của người dân nghèo còn hạn chế chưa đáp ứng được nhu cầu của loại hình ngành nghề này.

Theo Báo cáo kết quả thực hiện công tác trợ giúp người nghèo và Bảo trợ xã hội năm 2018 của Phòng lao động thương binh xã hội huyện Mường Lát đã chỉ ra rằng nguyên nhân cao nhất dẫn đến tình trạng nghèo là “*Trình độ dân trí thấp*” nguyên nhân thứ hai “*thiếu vốn sản xuất*”, (*thiếu kinh nghiệm làm ăn, các hủ tục còn nặng nề và lạc hậu*), những hộ nghèo thường rơi vào những gia đình đông con, có thể thấy vấn đề kinh tế là nguyên nhân dẫn đến tình trạng nghèo của các hộ gia đình trên địa bàn huyện Mường Lát.

Bảng 2.4. Số lượng thành viên trong gia đình các hộ nghèo tại huyện Mường Lát

Số thành viên trong gia đình	Số lượng (Người)	Tỷ lệ (%)
Từ 1 - 2 người	32	26,7
Từ 3 - 5 người	76	63,3
Từ 6 - 8 người	8	6,7
Từ 9 người trở lên	4	3,3
Tổng	120	100,0

(Nguồn: Số liệu khảo sát đề tài huyện Mường Lát năm 2020)

Theo kết quả điều tra, hầu hết các hộ nghèo này chủ yếu là gia đình từ 3 - 5 người chiếm 63,3%, số hộ từ 1 - 2 người chiếm 26,7%, số hộ gia đình từ 6 - 8 người chiếm 6,7% và số hộ từ 9 người trở lên chiếm 3,3%.

Thực tế cho thấy, phần lớn hộ nghèo ở huyện Mường Lát đều là những hộ gia đình có khá đông thành viên. Hầu hết những hộ gia đình có đông thành viên chỉ có 1 đến 2 người là lao động chính kiếm ra thu nhập, tạo ra của cải vật chất cho gia đình, họ chủ yếu là vợ hoặc chồng. Có hộ gia đình đến 8 thành viên gồm hai vợ chồng trẻ nuôi 4 con nhỏ đang độ tuổi ăn học và bố mẹ già nên không đủ nguồn thu để chi trả cho cuộc sống hàng ngày.

Những hộ gia đình chỉ có 1 đến 2 thành viên chủ yếu là các đối tượng phụ nữ đơn thân nuôi con, người già cô đơn không có khả năng lao động và kiếm ra thu nhập hoặc hai vợ chồng mới cưới không có nghề nghiệp ổn định,...

Cuộc sống thiếu thốn về kinh tế khiến người nghèo không thể có điều kiện sống tốt cũng như không được tiếp cận với những dịch vụ chăm sóc sức khỏe thường xuyên để đảm bảo tình trạng sức khỏe, vì thế mà chất lượng sức khỏe của người nghèo huyện Mường Lát phần đông là thấp hơn so với những người có cuộc sống ở mức bình thường trở lên.

Vấn đề tảo hôn vẫn còn diễn ra nhiều, đặc biệt là ở phần nhiều các dân tộc khơ mú, dân tộc Hơ Mông, nghiêm trọng hơn là còn hiện tượng sinh ra cùng huyết thống nên tỷ lệ thay đổi về thể chất trẻ sinh ra chưa cao, chưa đột phá được tri thức và trí tuệ.

Trình độ học vấn của người dân, đặc biệt là các hộ nghèo ở huyện Mường Lát đa phần còn thấp, họ chỉ đầu tư cho con đến trường để biết chữ chứ không nghĩ đến việc cho con đi học có thêm kiến thức để thoát nghèo.

Bảng 2.5. Trình độ học vấn của người nghèo tại huyện Mường Lát

Trình độ học vấn	Số lượng (Người)	Tỷ lệ (%)
Dưới tiểu học	12	10,0
Tiểu học	27	22,5
Trung học cơ sở	41	34,2
Trung học phổ thông	35	29,2
Khác	5	4,1
Tổng	120	100,0

(Nguồn: Số liệu khảo sát nghiên cứu đề tài huyện Mường Lát năm 2020)

Từ bảng số liệu trên, có thể thấy trình độ học vấn của người nghèo tại huyện Mường Lát còn thấp, trình độ dưới tiểu học chiếm 12%, trình độ tiểu học chiếm 22,5 và trung học cơ sở chiếm 34,2 %. Đây là tỷ lệ tương đối cao, chứng tỏ trình độ học vấn của người dân hộ nghèo thấp. Người dân ở đây họ cho rằng họ chỉ cần biết mặt chữ, biết đọc, biết viết và tính toán là đủ, học nhiều học cao không giải quyết và liên quan đến nghèo.

Quá trình từ khi tìm hiểu, phân tích nguyên nhân nghèo, xác định mục tiêu và hướng giải quyết cho tới khi thực hiện nó, cần có sự tham gia của của chính quyền địa phương. Bằng nghiệp vụ chuyên môn nhân viên xã hội sẽ vận động nguồn lực từ bên ngoài cho đến nguồn lực bên trong đối tượng nghèo, kết nối với những cá nhân, đơn vị, tổ chức có điều kiện trợ giúp cũng như hộ trợ cho họ trước những kiến thức, khả năng thành công của họ, bên cạnh đó cũng không quên cung cấp cho họ những kiến thức cần thiết về chăm sóc sức khỏe, kinh nghiệm học tập và làm việc, cách quản lý tài chính, kiến thức xã hội... để họ hoàn thiện bản thân, có đầy đủ hiểu biết để vươn lên thoát nghèo và chống tái nghèo. Vì vậy mà trong luận văn này, tác giả sẽ đi sâu nghiên cứu, phân tích các hoạt động của nhân viên xã hội trong việc thực hiện chính sách giảm nghèo tại huyện thông qua việc đánh giá hiệu quả của các hoạt động hỗ trợ giảm nghèo cũng như phân tích câu trả lời của cán bộ chính

sách xã, thị trấn về việc thực hiện những hoạt động công tác xã hội đó. Trong phần tiếp theo của luận văn, tác giả sẽ sử dụng khái niệm nhân viên xã hội dưới cách gọi “*Cán bộ chính sách xã hội*”.

Bảng 2.6. Thông tin cán bộ chính sách xã, thị trấn được phỏng vấn sâu

TT	Đơn vị	Trình độ chuyên môn	Thâm niên công tác	Chuyên ngành đào tạo
1	UBND xã B	CD	5	Quản lý văn hóa
2	UBND xã Y	ĐH	7 năm	Quản lý nhân lực
3	UBND xã C	ĐH	4 năm	Quản lý văn hóa
4	UBND xã P	ĐH	10 năm	Luật hành chính
5	UBND xã T	CD	6 năm	Cao đẳng nhân lực

(Nguồn; Báo cáo của Phòng Nội vụ huyện Mường Lát 2020)

Nhìn vào bảng trên có thể thấy, cả năm cán bộ chính sách xã được phỏng vấn đều không được đào tạo chuyên sâu về Công tác xã hội, ngoài một người tốt nghiệp chuyên ngành quản lý nhân lực - loại bằng được ứng tuyển vào ngành Lao động Thương binh và Xã hội thì ba người còn lại đều đang làm việc trái với ngành học chuyên môn. Điều này dẫn đến việc họ không có các kiến thức căn bản về Công tác xã hội, không được đào tạo bài bản và chuyên sâu về ngành đang làm việc. Trên thực tế, họ chỉ được bồi dưỡng thêm kiến thức về Công tác xã hội thông qua các buổi tập huấn của các ngành, chính vì thế mà dường như họ chưa coi trọng việc tiếp thu kiến thức về Công tác xã hội mà chỉ coi đó là kiến thức phụ để hỗ trợ thêm cho công việc đang làm.

Phần lớn cán bộ Lao động Thương binh và Xã hội làm việc dựa vào kinh nghiệm tích lũy được trong quá trình làm việc chứ không theo một quy trình bài bản nào, có những cán bộ từ miền xuôi lên công tác chưa hiểu hết các phong tục tập quán, ngôn ngữ từng dân tộc. Bên cạnh đó, họ phải gánh một khối lượng công việc rất lớn nên thời gian để họ tự tìm hiểu và trau dồi thêm những kiến thức là rất ít.

Tác giả lựa chọn năm cán bộ chính sách xã trên để phỏng vấn sâu bởi họ đại diện cho sự đa dạng về thâm niên công tác cũng như loại bằng cấp và đa dạng về địa bàn phụ trách, chú chưa đề cập tới chất lượng công việc. Đây cũng là số ít những cán bộ chính sách đã nhận thấy được tầm quan trọng của công tác xã hội trong việc thực hiện hỗ trợ giảm nghèo và đã phân nào vận dụng được những kỹ năng của công tác xã hội vào công tác giảm nghèo.

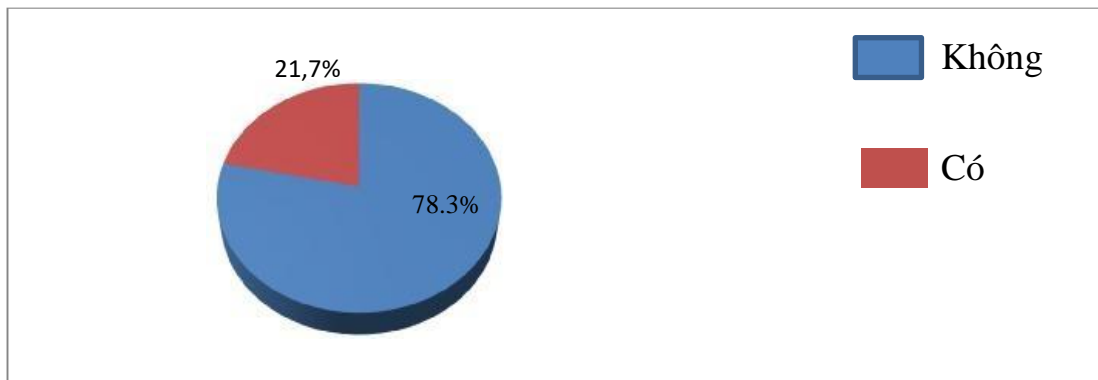
2.2. Đánh giá thực trạng hoạt động công tác xã hội trong hỗ trợ giảm nghèo tại huyện Mường Lát

Căn cứ trên cơ sở báo cáo của huyện Mường Lát hàng năm về công tác giảm nghèo cho thấy công tác giảm nghèo tuy đã được quan tâm từ nhiều góc độ, với sự vào cuộc mạnh mẽ từ tỉnh đến huyện, xã, các ban ngành đoàn thể. Đặc biệt là vận dụng nhiều yếu tố, phương pháp, kết hợp các nguồn lực từ Trung ương đến địa phương, các nhà hảo tâm cùng sự nỗ lực vươn lên của một bộ phận nhỏ nhân dân có kiến thức, có năng lực do vậy trong những năm qua công tác phát triển kinh tế xã hội đã bước đầu nâng lên, đời sống nhân dân đã từng bước được cải thiện đáng kể, một bộ phận nhân dân đã có niềm tin để vươn lên thoát nghèo. Tuy nhiên với xuất phát điểm của huyện thấp, các cơ chế chính sách chưa đồng bộ, trình độ dân trí thấp, nguồn lực, nhân lực, trí lực còn nhiều hạn chế, việc áp dụng khoa học kỹ thuật chưa có, công tác cán bộ chưa được đào tạo xứng tầm. Đặc biệt là cán bộ chiến lược, cán bộ nòng cốt là trực tiếp về Công tác xã hội nói chung, do vậy huyện cần tiếp cận nguồn lực chất lượng cao để phát huy trong thời gian tới.

Sau khi nghiên cứu các văn bản cũng như các Nghị quyết của tỉnh Thanh Hóa và huyện Mường Lát trong giai đoạn 2010-2015; giai đoạn 2015-2020, (nêu ở phần trên của chương I) đã cho thấy sự vào cuộc mạnh mẽ của chính quyền các cấp trong việc thực hiện giảm nghèo. Tuy nhiên như vậy là chưa đủ để thực hiện phát triển một cách đồng bộ hiệu quả hơn nếu thiếu vai trò dẫn dắt và thực hiện các hoạt động hỗ trợ kết nối giữa các nguồn lực, cũng như kết nối các chính sách đến với người dân, nhằm để dân hiểu dân tin, dân làm theo, mà điều cốt lõi là các hộ nghèo nhìn nhận một cách trực diện để thúc đẩy các hộ nghèo vươn lên thoát nghèo.

2.2.1. Hoạt động hỗ trợ tuyên truyền nâng cao nhận thức về giảm nghèo

Ở phần Chương I tác giả đã đề cập đến các hoạt động kết nối thông tin tuyên truyền của công tác xã hội có tầm quan trọng chiến lược trong công tác hỗ trợ giảm nghèo. Quả thực vậy, trong quá trình khảo sát đối tượng người nghèo thông qua phiếu hỏi và phỏng vấn sâu các cán bộ thực hiện hỗ trợ giảm nghèo đã cho thấy công tác giảm nghèo thêm phần hiệu quả nhờ các hoạt động kết nối của công tác xã hội. Các hoạt động kết nối được sử dụng ở tất cả các hoạt động giảm nghèo, từ kết nối tuyên truyền, dạy nghề, việc làm, y tế...cho thấy hiệu quả mà nó đem lại, những số liệu thống kê sau sẽ chứng minh điều đó.



Biểu đồ 2.1: Số lượng hộ nghèo được tuyên truyền về giảm nghèo

Nhìn vào biểu đồ trên có thể thấy phần lớn người nghèo ở huyện Mường Lát đều được tuyên truyền về chính sách giảm nghèo khi có tới 94/120 người trả lời rằng họ được cán bộ chính sách cung cấp các thông tin về giảm nghèo tương đương với 78,3% số phiếu hỏi được phát ra. Điều này cho thấy cán bộ chính sách đã có những hoạt động triển khai các thông tin về giảm nghèo cho người dân tại địa bàn mà mình phụ trách.

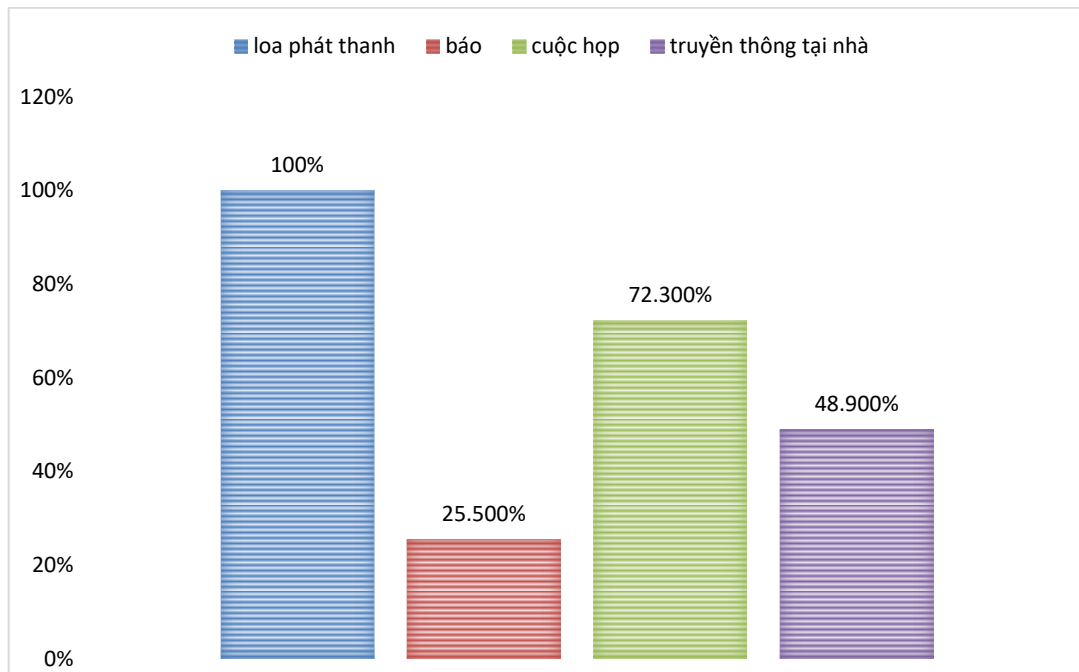
“Tôi là người dân thuộc diện hộ nghèo của xã, các cán bộ ở đây họ vẫn đến từng nhà hoặc qua loa phát thanh, qua thông báo để cho chúng tôi được biết đến các chính sách, các hoạt động hỗ trợ cho dân nghèo chúng tôi”
(PVS, người dân hộ nghèo)

Các nguồn thông tin đó liên quan đến các chính sách giảm nghèo, từ các chính sách hỗ trợ về tài chính như hỗ trợ vay vốn, tặng sổ tiết kiệm cho

đến chính sách về cấp thẻ bảo hiểm y tế miễn phí, chính sách miễn giảm học phí và các chính sách về hỗ trợ đào tạo nghề, kết nối việc làm.....

“Bác là dân tộc cũng không sôi tiếng Kinh lắm đâu may có các cháu thanh niên biết chữ cũng giải thích cho rõ các vấn đề mà hiểu hơn, ví dụ được biết đến chương trình hỗ trợ vay vốn, miễn giảm học phí, tạo việc làm, ...)” (PVS, người dân hộ nghèo)

Việc kết nối các thông tin liên quan đến chính sách giảm nghèo là vô cùng cần thiết vì nhờ đó mà người nghèo có thêm hiểu biết về quyền lợi của họ, về những nguồn lực có thể giúp họ học tập, làm việc để ổn định cuộc sống, vươn lên thoát nghèo.



Biểu đồ 2.2: Phương tiện truyền thông mà người dân biết đến vấn đề giảm nghèo

Nhìn vào biểu đồ trên có thể thấy công cụ để kết nối người nghèo với các nguồn thông tin của chính quyền chủ yếu vẫn là thông tin bằng miệng do cán bộ Bản, xã, huyện và các già làng, còn lại một số ít qua loa phát thanh tại trung tâm xã và dọc tỉnh lộ 520, trong 94 người nhận được các thông tin truyền thông thì 100% họ được nghe qua thông báo truyền tai và loa phát thanh tại cụm dân cư xã, bên cạnh đó cũng có những phương tiện khác như

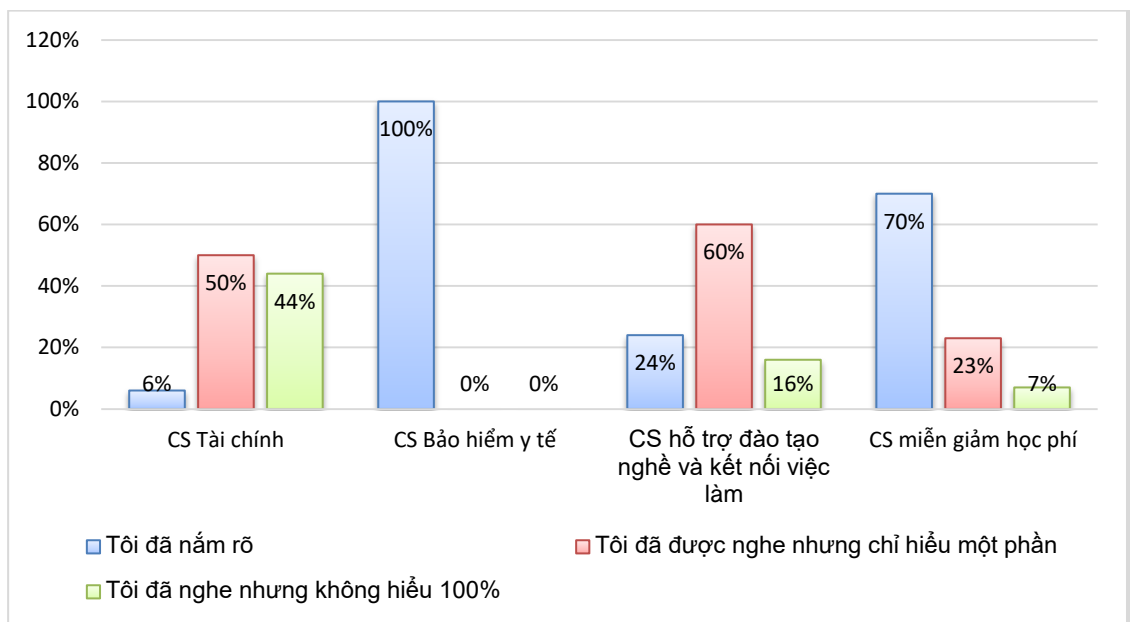
báo đài (25,5%), được truyền thông qua các cuộc họp (72,3%), một phương thức truyền thông được đánh giá rất cao đó là truyền thông tại nhà chiếm tới 48,9%. Phương thức tuyên truyền tại nhà là việc cán bộ chính sách kết hợp với tổ chức các ban ngành đoàn thể đến nhà cung cấp cho đối tượng các thông tin cần thiết để trang bị cho họ những kiến thức cơ bản về chính sách giảm nghèo, vận động họ tham gia để cùng chính quyền cải thiện tình trạng nghèo trên địa bàn, phương thức này thể hiện sự tận tâm và nỗ lực của cán bộ chính sách cũng như chính quyền trong việc kết nối người nghèo với các nguồn lực và trợ giúp họ có cuộc sống ngày một tốt hơn để vươn lên thoát nghèo.

Các cán bộ làm công tác giảm nghèo đã thực hiện nhiều hoạt động tuyên truyền với nhiều hình thức khác nhau. Theo ý kiến của người dân thì họ nhận được các thông tin về giảm nghèo qua các nguồn thông tin chính, gồm: phát tờ rơi, tranh ảnh, pano áp phích, truyền thanh trên loa của xã, nói chuyện trực tiếp, thông qua các buổi họp và các hội thi hoặc hội thảo... Nhân viên công tác xã hội là người hỗ trợ hộ nghèo tiếp cận các thông tin, từ đó tư vấn cho họ những thông tin chính thống để họ có nhận thức đúng đắn, không để các thông tin bịa đặt làm ảnh hưởng đến lòng tin của họ đối với Đảng và Nhà nước. Bên cạnh đó, qua các kênh thông tin, nhân viên công tác xã hội còn giúp người nghèo xác định được kế hoạch làm ăn của gia đình, biết áp dụng khoa học kỹ thuật vào sản xuất và chăn nuôi, biết cách làm kinh tế, biết cách tích lũy và làm giàu, không cam chịu nghèo đói, lạc hậu.

Chia sẻ về việc vận dụng các hoạt động kết nối của công tác xã hội vào giảm nghèo, cán bộ chính sách xã B nói: *“Quả thực nhờ có các lớp tập huấn về các chính sách, kỹ năng công tác xã hội mà tôi làm việc với đối tượng suôn sẻ hơn rất nhiều. Trước kia chỉ đơn giản là cung cấp cho người nghèo các chính sách liên quan như miễn giảm học phí, hỗ trợ bù giá tiền điện, tặng quà dịp nhân dịp ngày lễ lớn... nhưng từ khi được tập huấn và hiểu rõ hơn về công tác xã hội thì tôi vận dụng được rất nhiều thứ và cũng nhờ đó mà đối tượng người nghèo được hưởng lợi hơn rất nhiều, hiểu biết sâu hơn. Điển hình như việc kết nối thông tin, chúng ta đều biết ở thời đại này không có thông tin thì không thể hòa nhập xã hội và không phát triển được. Tôi đã vận*

dụng các hoạt động kết nối của một người nhân viên xã hội, là cầu nối đem đến cho họ những nguồn thông tin về y tế như chăm sóc sức khỏe bản thân, sức khỏe sinh sản, rồi các thông tin về chính sách pháp luật, hỗ trợ về tài chính, hỗ trợ học nghề, kết nối việc làm... và khi cánh cửa thông tin được mở ra họ đã có cơ hội để tiếp cận với những nguồn lực về tài chính, hỗ trợ học nghề, tìm việc có thu nhập ổn định... ngoài ra nhờ có được những thông tin bổ ích về chăm sóc sức khỏe mà họ cũng cải thiện môi trường sống thêm sạch sẽ để tránh lưu giữ mầm bệnh trong nhà”(trích PVS, cán bộ chính sách xã).

Qua những phân tích và chia sẻ của cán bộ chính sách trên có thể khẳng định các hoạt động kết nối là có được thực hiện, nhưng hiệu quả của nó đến đâu thì sẽ được đánh giá thông qua chất lượng của hoạt động tuyên truyền với các biểu đồ sau:



Biểu đồ 2.3. Đánh giá hiệu quả hoạt động tuyên truyền về giảm nghèo

Biểu đồ trên cho thấy hiệu quả của hoạt động tuyên truyền còn phụ thuộc vào loại chính sách mà họ được cung cấp thông tin, cụ thể:

Trong chính sách tài chính (bao gồm hỗ trợ vay vốn và tặng sổ tiết kiệm) 50% người nghèo nhận định rằng họ có được nghe thông tin về chính sách tài chính, nhưng lại chỉ hiểu một phần, những đánh giá còn lại chiếm tỷ lệ rất ít: “Tôi đã nắm rõ” chiếm 6%, “Tôi đã được nghe nhưng không hiểu 100%” chiếm 44%;

Chính sách bảo hiểm y tế nhận được đánh giá 100% người nghèo được tiếp nhận thông tin, bởi chế độ bảo hiểm y tế cho hộ nghèo được cấp miễn phí hàng năm, cũng không có gì là quá khó để nắm bắt;

Chính sách tài chính, chính sách về hỗ trợ đào tạo nghề và kết nối việc làm có mức độ đánh giá cao nhất là “Tôi đã được nghe nhưng chỉ hiểu một phần 60%, cũng có những người đã nắm được chính sách với 25% và 15% người nghèo đánh giá rằng họ đã được nghe về thông tin nhưng không hiểu;

Chính sách miễn giảm học phí được đánh giá là dễ dàng nắm rõ với 70% bởi các loại giấy tờ xác nhận để được miễn giảm học phí khá đơn giản người nghèo có thể dễ dàng thực hiện, tuy nhiên vẫn có 23% người đánh giá chỉ hiểu được một phần thông tin và 7% người không hiểu nội dung thông tin được truyền đạt.

Mức độ đánh giá hiệu quả hoạt động truyền thông là khác nhau tùy theo lĩnh vực tuyên truyền, nhưng tựu chung những khó khăn, vướng mắc trong việc nắm bắt, tiếp nhận thông tin là người nghèo “Không có đủ thiết bị để tiếp nhận thông tin từ các kênh khác nhau” chiếm 62%, “Nội dung thông tin truyền đạt dài dòng khó hiểu” chiếm 30%, “Cán bộ cung cấp thông tin chưa đầy đủ, không nhiệt tình giải thích khi cần” chiếm 18%.

Vậy việc không có đầy đủ thiết bị để tiếp nhận thông tin là khó khăn được lựa chọn cao nhất, khó khăn này không quá lạ bởi đây cũng là đặc điểm chung của người nghèo khi thiếu hụt về cơ sở vật chất trong sinh hoạt hàng ngày, đây cũng là nhân tố làm hạn chế hiệu quả của các hoạt động kết nối thông tin tới đối tượng. Tuy nhiên qua đánh giá nêu trên thì vẫn còn có những cán bộ truyền đạt thông tin dài dòng, khó hiểu, không ngắn gọn, cô đọng để người nghèo dễ hiểu và còn không nhiệt tình giải thích chi tiết để đối tượng thực sự hiểu về những thông tin mà họ đang được nghe, kết quả này cho thấy cán bộ chính sách cần nỗ lực hơn trong việc kết nối đến cho người nghèo, không chỉ đủ về số lượng mà còn phải đảm bảo chất lượng thông tin.

Trong số 120 phiếu hỏi được phát ra, có 26 người (21,7%) trả lời “không” được tuyên truyền về các chính sách giảm nghèo với các lý do như: không sóng truyền hình, không có ti vi theo dõi, phương tiện truyền thông để tiếp nhận thông tin tin tức, loa phát thanh xã tại khu vực họ ở bị hỏng hoặc quá xa để nghe thấy rõ, hay cũng có những người rất thẳng thắn chia sẻ rằng họ không quan tâm tới việc được cung cấp các thông tin về chính sách giảm nghèo.

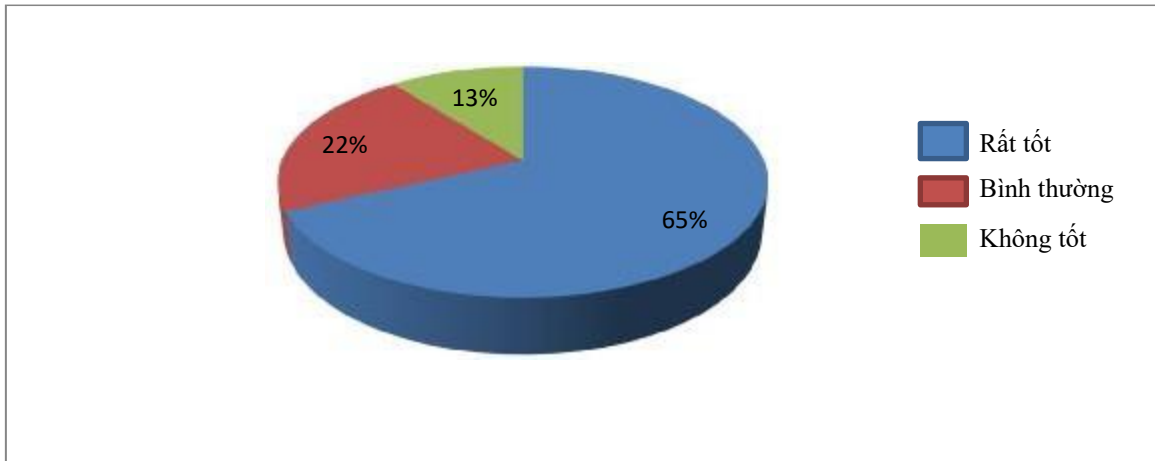
“Hơn nửa đời nhà tôi đã có ti vi đâu, đấy anh xem, trong nhà đến cái giường còn mục nát, cái ăn còn chả đủ no thì làm sao mà sắm ti vi xem gì. Nếu có biết tin gì thì toàn qua mấy anh chị cô chú cán bộ và các chú biên phòng đến nhà thông báo thôi, có chăng cũng đi nhà khác mới được thấy” (Trích PVS người dân hộ nghèo)

Kết quả này cho thấy dù việc kết nối thông tin đến với người nghèo đã đạt được những thành công nhất định nhưng cán bộ chính sách cũng không nên chủ quan, xem nhẹ số ít bởi mục tiêu làm việc là hỗ trợ kết nối thông tin đến người nghèo, bao phủ toàn bộ chứ không dừng lại là số đông.

“Cái khó với cán bộ chính sách ở địa phương là địa lý và khoảng cách. Nói thật đây là xã vùng cao miền núi nên dân thưa thớt và ở cách nhau xa, chúng tôi gặp rất nhiều khó khăn trong việc đi tuyên truyền hoặc thông tin cho dân một cách kịp thời nhất, tuy nhiên chúng tôi vẫn cố gắng hết sức để người dân được hưởng lợi ở mức tối ưu nhất” (Trích PVS cán bộ chính sách xã).

Cần tìm hiểu về những nguyên nhân mà họ không thể tiếp cận thông tin hay vì sao họ không có nhu cầu tiếp nhận thông tin, từ đó khắc phục những khó khăn, tìm ra giải pháp để số người nghèo còn lại chưa được tuyên truyền đến nơi về các chính sách giảm nghèo sẽ sớm nắm bắt được những thông tin cần thiết một cách đầy đủ và chất lượng nhất.

Trong câu hỏi yêu cầu người nghèo đánh giá trực tiếp về chất lượng các hoạt động kết nối mà cán bộ chính sách thực hiện đã cho thấy dù còn tồn tại những thiếu sót nhưng nhìn chung các hoạt động kết nối đã được thực hiện rất tốt nhưng lại chưa đem lại hiệu quả vì chưa áp dụng thực tiễn thường xuyên.



Biểu đồ 2.4. Đánh giá các hoạt động của cán bộ chính sách trong hoạt động tuyên truyền

Với tỷ lệ đánh giá “tốt” khá cao 65%, các hoạt động của cán bộ chính sách trong hoạt động tuyên truyền đã cho thấy các cán bộ chính sách đã làm khá tốt các hoạt động kết nối thông tin này. Không chỉ cung cấp đầy đủ thông tin cho đối tượng, cán bộ chính sách còn tận tình giải thích những thắc mắc của họ, giúp đối tượng hiểu rõ về những gì mình đang được, hiểu rõ hơn về chính sách giảm nghèo và các đơn vị hỗ trợ sẽ giúp họ có thêm động lực để giải quyết vấn đề, cải thiện cuộc sống.

Phần màu đỏ đậm trong biểu đồ chiếm 22% thể hiện mức đánh giá “bình thường”, mức đánh giá này thể hiện cán bộ chính sách tuy có cung cấp đầy đủ thông tin về giảm nghèo cho đối tượng nhưng lại không giải đáp được những thắc mắc của họ, đây là một tình trạng cần phải khắc phục ngay, nếu việc tuyên truyền chỉ mang tính hình thức, đầy đủ về mặt phương pháp mà lại rỗng về những kiến thức mà đối tượng thu được thì hoạt động đó được xem là đã thất bại. Những người cán bộ chính sách trước tiên cần tìm hiểu kỹ về nội dung thông tin mình tuyên truyền và cả những vấn đề bao quanh nó để có thể truyền đạt cũng như giải thích cặn kẽ những thắc mắc của người dân, như vậy mới có thể xem là một hoạt động tuyên truyền thành công.

Tỷ lệ đánh giá “không tốt” tuy rất ít- 13% nhưng cũng cho thấy việc cán bộ chính sách không cung cấp đầy đủ thông tin với tần suất không thường xuyên và không nhiệt tình giải thích cho đối tượng là vẫn tồn tại, nếu không

quán triệt và xử lý triệt để sẽ để lại hậu quả nghiêm trọng, đối tượng sẽ cảm thấy mình không được chính quyền quan tâm, cảm thấy không có nguồn lực nào để hỗ trợ họ thoát nghèo, dẫn đến mất niềm tin vào chính quyền và cuộc sống. *“Nhiều khi chúng tôi cũng thấy nản và thất vọng, chẳng có hy vọng gì dành tự nhủ thôi số phận thế đành chịu chứ ai giúp được gì. Hỏi đến cán bộ thì thái độ này nọ, trả lời cho qua rồi thủ tục lằng nhằng lăm đăm ra không thiết tha gì dù khổ lắm đây này”* (Trích PVS người dân hộ nghèo)

Dù các mức đánh giá về các hoạt động kết nối của cán bộ chính sách vẫn có những đánh giá chưa được tốt, nhưng nhìn chung các cán bộ chính sách cũng đã cố gắng hoàn thành các hoạt động của mình để đem đến cho đối tượng người nghèo những nguồn thông tin hữu ích trong giảm nghèo.

Tuyên truyền nâng cao nhận thức là một trong những dịch vụ mà người nghèo còn hạn chế tiếp cận đặc biệt đối với những người dân ở các xã vùng cao như ở huyện Mường Lát. Trong các hoạt động nhân viên xã hội, các cán bộ triển khai chính sách giảm nghèo tại huyện Mường Lát trong thực tế còn đóng các hoạt động tuyên truyền, các hoạt động đó được thể hiện cụ thể như sau:

Tuyên truyền, giáo dục bình đẳng giới: Bình đẳng giới không còn là vấn đề mới lạ nữa, nhưng quan niệm “có con trai mới đổi tông đường” vẫn còn ăn sâu bén rễ trong tâm thức của rất nhiều người, đặc biệt là một nhóm người nghèo vùng miền núi cao rất hạn chế tiếp cận với hoạt động tuyên truyền. Vì vậy cần có đội ngũ cán bộ đầy đủ về kiến thức, có kinh nghiệm trong truyền đạt để cung cấp những kiến thức, hiểu biết về bình đẳng giới, giúp họ suy nghĩ tân tiến hơn và chấm dứt tình trạng trọng nam khinh nữ.

Trình độ dân trí của người dân tại địa bàn các xã huyện Mường Lát còn rất thấp, năng lực của cán bộ cơ sở còn nhiều hạn chế; Tình trạng thiếu nước cho sản xuất, sinh hoạt còn phổ biến; quy mô sản xuất tại các xã còn manh mún, nhỏ lẻ, năng suất, sản lượng cây trồng vật nuôi chưa cao, chủ yếu là tự phát, nông nghiệp chủ yếu là nương lúa rẫy, còn mang tính tự cung tự cấp là phổ biến; việc ứng dụng khoa học công nghệ, thay đổi tập quán canh tác là hầu như chưa được có, các hộ nghèo thường rơi vào những gia đình đông con,

việc cho con học hành còn hạn chế, vì các gia đình thực chất chỉ cho con học biết chữ rồi cho về làm ăn nên việc học các kỹ năng để tiếp cận với khoa học kỹ thuật là một vấn đề nan giải hiện nay.

Qua thực tế trên cho thấy các hoạt động tuyên truyền nâng cao nhận thức trong công tác giảm nghèo phải thực hiện một cách khéo léo để đối tượng không cảm thấy đang bị “đay dỗ” mà chỉ là cung cấp cho họ những kiến thức hữu ích có thể giúp cho họ thay đổi cách nghĩ, cách tư duy, cách làm khi tư tưởng không còn bị bó hẹp thì cuộc sống của họ mới tươi sáng hơn. Giúp người dân nơi đây nhận ra được vấn đề mà họ đang gặp phải nhưng họ đang gặp phải nghèo đói, trình độ dân trí thấp và họ cần phải thay đổi nhận thức một cách tích cực, vươn lên trong cuộc sống để có thể thoát nghèo một cách tự lập... Bên cạnh đó, các hoạt động tuyên truyền nâng cao nhận thức cũng đòi hỏi sự kiên trì lâu dài, thậm chí là phải qua vài thế hệ “Ngấm dần” không phải là hoạt động chớp nhoáng một sáng một chiều mà đó là cả một quá trình chúng ta mở dần cánh cửa nhận thức cho người dân được tiếp cận.

Các cán bộ chính sách trong các hoạt động nâng cao nhận thức thực sự đã đóng góp không nhỏ bằng những hoạt động cụ thể vào công tác tuyên truyền giáo dục bình đẳng giới, cung cấp kiến thức cho người dân vùng miền núi, vùng cao nơi biên giới. Công việc cải cách tuyên truyền giáo dục tư tưởng, nhận thức cho người dân nơi đây không chỉ trong ngày một ngày hai ngày mà là cả một quá trình và cần sự vào cuộc của cả hệ thống: chính quyền, người dân địa phương và sự hỗ trợ của Đảng, nhà nước qua chủ trương, chính sách. Đòi hỏi người lãnh đạo, người làm công tác xã hội, người cán bộ cơ sở phải có kiến thức, chuyên môn sâu và làm công tác dân vận khéo thì sẽ dễ dàng trong việc truyền đạt, kết nối, vận động người dân cùng học, cùng bàn, cùng làm như vậy sẽ hiệu quả hơn cao hơn.

Kết quả nhận thức của người dân và cán bộ thu được như sau.

Bảng 2.7. Các yếu tố về nhận thức của cán bộ và người dân trong đánh giá nguồn lực hỗ trợ giảm nghèo

Các yếu tố về nhận thức	Ý kiến xác định	
	Người dân	Cán bộ
Nguồn nhân lực (sức khỏe, kiến thức, tay nghề, kinh nghiệm...)	120/120	20/20
Tài nguyên thiên nhiên (đất đai, khí hậu, nguồn nước, khoáng sản, rừng, ao hồ, sông suối...)	110/120	15/20
Cơ sở vật chất, kỹ thuật và cơ sở hạ tầng (đường giao thông, điện, trường, trạm y tế, kênh mương cấp thoát nước...)	115/120	20/20
Tài chính (tiền, vốn, các nguồn của cải khác huy động từ chính người dân, tổ chức trong)	100/120	20/20
Văn hóa cộng đồng (phong tục tập quán, hương ước, đoàn kết, liên kết, tương trợ cộng đồng...)	90/120	12/20

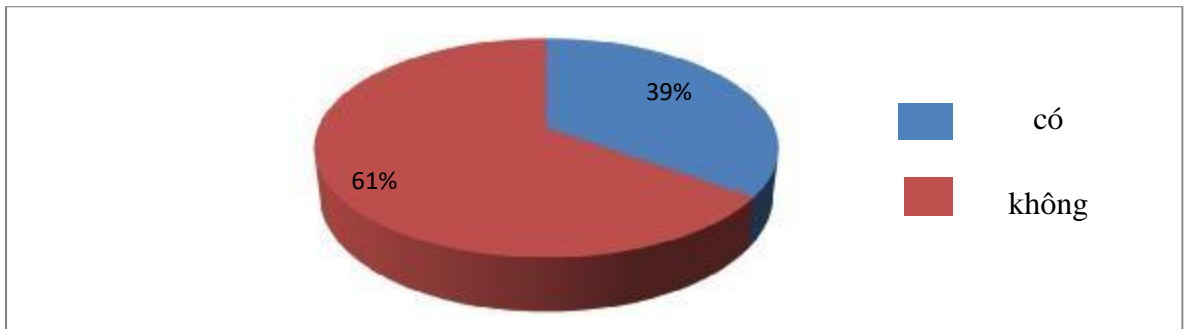
(Nguồn: Điều tra khảo sát tại huyện Mường Lát 2020)

Về mức độ quan trọng của các yếu tố nội lực, đa số các ý kiến trả lời của cả người dân và cán bộ huyện đều đánh giá ở mức rất quan trọng và quan trọng. Trong đó, các yếu tố nguồn nhân lực, nguồn tài nguyên thiên nhiên, cơ sở vật chất kỹ thuật và nguồn lực tài chính được hầu hết người được hỏi xác định ở mức rất quan trọng và quan trọng. 120 ý kiến trong tổng số 120 người được hỏi xác định nguồn nhân lực là rất quan trọng và không có ý kiến xác định là quan trọng; 110 ý kiến xác định nguồn lực tài nguyên thiên nhiên là rất quan trọng và 10 ý kiến cho là quan trọng; 115/120 ý kiến xác định cơ sở vật chất kỹ thuật của cộng đồng là nguồn lực rất quan trọng và 5 ý kiến cho là quan trọng; 120 ý kiến cho rằng nguồn lực tài chính của cộng đồng là rất quan trọng và 20 ý kiến cho rằng nguồn lực này là quan trọng; về văn hóa cộng đồng có 90/120 là ý kiến quan trọng.

Từ thực tế cho thấy đa số người dân và hộ nghèo đã nhìn nhận và nhận thức được cơ bản về các nguồn lực hỗ trợ cũng như cách thức để họ được tiếp cận trong hỗ trợ giảm nghèo.

2.2.2. Thực trạng các hoạt động hỗ trợ dạy nghề và tạo việc làm cho người nghèo

Không chỉ hỗ trợ người nghèo với thông tin về chính sách giảm nghèo, cán bộ chính sách còn hỗ trợ người nghèo trong đào tạo nghề và kết nối việc làm, đây là hoạt động giảm nghèo mang tính bền vững bởi nó đem lại cho người nghèo không chỉ các kiến thức, kỹ năng về một nghề nhất định mà còn đem lại cho họ cơ hội được làm việc.



Biểu đồ 2.5. Số lượng người nghèo được hỗ trợ đào tạo nghề và tạo việc làm

Thông qua biểu đồ thông tin về dạy nghề và tạo việc làm nêu trên có thể đánh giá rằng việc cung cấp thông tin đã được làm đến tận thôn bản nhưng chưa đầy đủ và hiệu quả thông tin.

Biểu đồ cho thấy số người được hỗ trợ về dạy nghề và tạo việc làm chỉ chiếm 39% (phiếu) còn số người không được hỗ trợ về hoạt động này chiếm 61% (73 phiếu), vậy số người trả lời “không” gần gấp đôi số người trả lời “có”. Có nhiều nguyên nhân dẫn đến việc họ không nhận được hỗ trợ như sức khỏe yếu không đủ đáp ứng được việc học nghề, gia đình không có khả năng để chi trả một phần học phí, không có nhu cầu học nghề, cán bộ xã không giới thiệu.

“Người nghèo thiếu nhất chính là cơ hội được tiếp cận với các nguồn lực có thể hỗ trợ họ. Chính vì thế khi cán bộ chính sách giới thiệu về các chương trình đào tạo nghề và kết nối việc làm giúp họ lại gần hơn với các

trung tâm dạy nghề, các chính sách miễn giảm học phí, những ưu tiên trong học nghề, BHYT. Bên cạnh đó chúng tôi còn giúp họ kết nối với các doanh nghiệp nhỏ trên địa bàn, cơ sở cần lao động để họ có được cơ hội việc làm phù hợp, cũng chính là khiến họ gần hơn với cơ hội để thoát nghèo. Tuy nhiên không phải gia đình nào cũng đủ điều kiện, hay muốn đi học nghề, bởi đa phần hộ nghèo trên địa bàn xã chỉ làm theo kinh nghiệm xa xưa, chưa biết tiếp cận những phương pháp khoa học, hiện đại vào cuộc sống...” (Trích PVS cán bộ chính sách xã)

Qua những số liệu thu thập được từ phiếu hỏi, cũng như qua lời chia sẻ của cán bộ chính sách xã, ta thấy các hoạt động hỗ trợ dạy nghề và tạo việc làm đã có tuy nhiên còn gặp nhiều khó khăn do thành phần hộ gia đình người dân trình độ hiểu biết thấp, ngại đi học, có chăng học cũng chưa áp dụng được vào thực tiễn do nhiều khía cạnh liên quan, Bên cạnh đó cũng phải kể đến nguyên nhân được người nghèo phản ánh trong phiếu hỏi là do cán bộ chính sách không giới thiệu họ với các chương trình đó, vậy vẫn có những cán bộ chính sách chưa thực hiện được các hoạt động là cầu nối giữa người nghèo và các trung tâm, cơ sở hỗ trợ học nghề, kết nối việc làm.

Trên cơ sở các chính sách hỗ trợ về giáo dục, đào tạo và dạy nghề cho người nghèo và con em họ đi học trong và ngoài tỉnh, cán bộ thực hiện như nhân viên công tác xã hội hỗ trợ cho hộ nghèo dân tiếp cận một cách tốt nhất các chính sách về giáo dục, như: hỗ trợ, tư vấn cho con em họ tự tin đến trường và thấy được những lợi ích của việc học. Mặt khác, kết nối với các cơ quan thực hiện các chính sách miễn, giảm học phí cho con em hộ nghèo được hưởng các chính sách một cách tốt nhất, làm cho người nghèo và các cơ quan cung cấp, thực hiện chính sách hiểu nhau và chia sẻ những khó khăn. Bên cạnh đó khi làm việc với các thành viên của hộ nghèo, sẽ xác định được nhu cầu học nghề của từng thành viên trong gia đình, từ đó có kế hoạch kết nối với các tổ chức, cá nhân, các trung tâm dạy nghề để hỗ trợ họ chọn học nghề phù hợp, giúp họ tự tin khi tham gia học nghề và tìm nghề nghiệp ổn định sau khi học. Mặt khác sẽ kết nối các doanh nghiệp bao tiêu sản phẩm khi người nghèo làm ra, giúp họ ổn định được đầu ra của sản phẩm, kết nối các dân tộc

vùng miền và nước bạn Lào để tiêu thụ được các sản phẩm đặc thù để có thêm thu nhập ổn định.

Nhân viên công tác xã hội phối hợp với các cơ quan chức năng, chính quyền địa phương thực hiện khảo sát xác định nhu cầu học nghề của lao động nghèo trên địa bàn thành phố làm căn cứ để cơ quan chức năng xây dựng kế hoạch đào tạo nghề cho lao động nghèo hằng năm; xác định số lượng lao động nghèo cần đào tạo và nghề đào tạo phục vụ cho phát triển kinh tế ở thành phố để có cơ sở tạo việc làm tại chỗ, tăng thu nhập ổn định cho người nghèo.

Thông qua phỏng vấn đối tượng là người thuộc hộ nghèo, hộ cận nghèo đã qua đào tạo nghề, ta có kết quả sau:

Bảng 2.8. Kết quả khảo sát đánh giá đối tượng là hộ nghèo đã qua đào tạo nghề

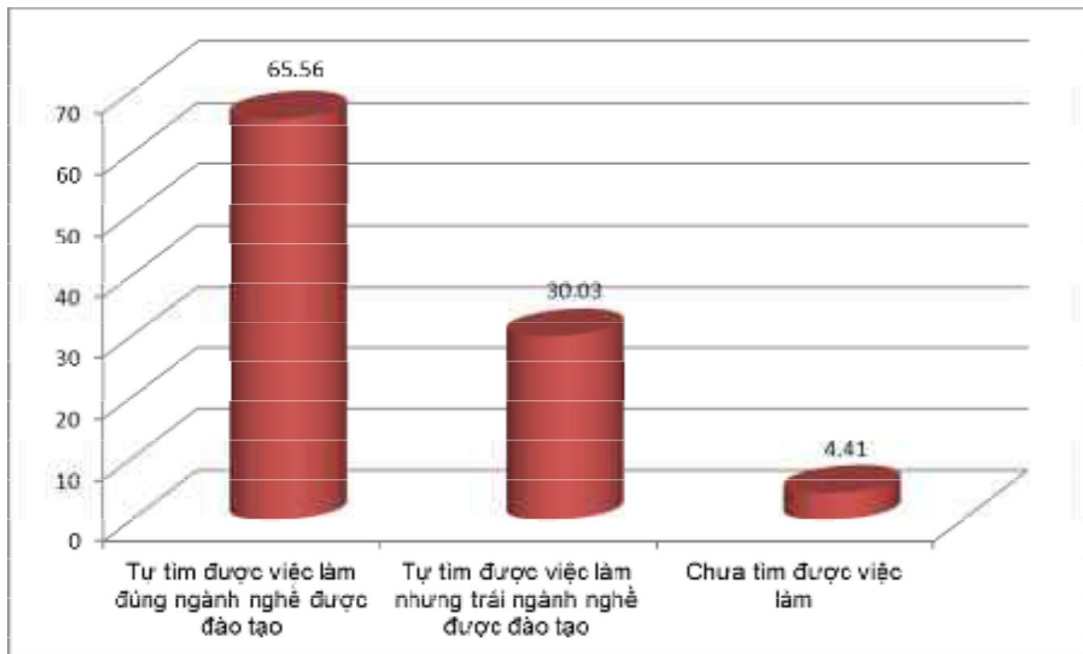
STT	Nội dung khảo sát	Ý kiến khảo sát			
		Rất tốt	Tốt	Chấp nhận được	Kém
1	Cơ sở vật chất, trang thiết bị dạy nghề	16	91	5	8
2	Trình độ chuyên môn của giáo viên	33	87	0	0
	Nghiệp vụ sư phạm của giáo viên				
3	Nghiệp vụ sư phạm của giáo viên	29	62	29	0

(Nguồn: Điều tra khảo sát tại huyện Mường Lát năm 2020)

Kết quả khảo sát cho thấy, các cơ sở đào tạo nghề đã cung cấp đủ các thiết bị, nguyên liệu sử dụng trong quá trình truyền nghề. Việc đào tạo nghề chủ yếu diễn ra tại nhà văn hóa các tổ dân phố đã đảm bảo không gian học nghề cho lao động khang trang, rộng rãi, thoáng mát và tập trung ở trung tâm các thôn bản của xã, tạo điều kiện cho lao động theo học ngay tại địa phương mình.

Qua điều tra đối tượng là hộ nghèo, hộ cận nghèo đã qua đào tạo nghề, ta còn thu được kết quả 57,78% lao động đánh giá khả năng tìm việc của mình sau khóa đào tạo nghề ở mức độ dễ, chủ yếu lao động qua đào tạo chiếm 65,56% tự tìm được việc làm theo đúng ngành nghề được đào tạo; 30,03% lao động qua đào tạo tự kiếm được việc làm nhưng trái với ngành nghề được đào tạo và chỉ có 4,41% lao động chưa kiếm được việc làm. Như vậy, hoạt động đào tạo nghề đã có những kết quả bước đầu đem lại cơ hội tìm việc, có việc làm và nâng cao thu nhập cho hộ nghèo.

Đơn vị: %



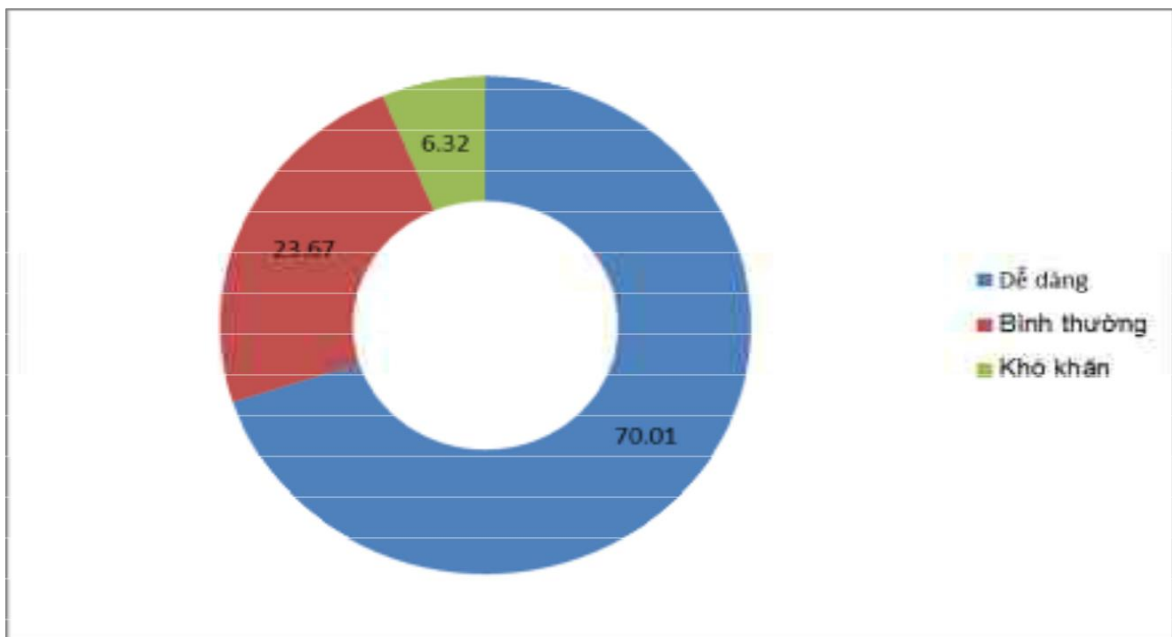
Biểu đồ 2.6. Tỷ lệ tìm được việc làm sau khi được đào tạo của người nghèo

(Nguồn: Điều tra khảo sát tại huyện Mường Lát)

Đội ngũ giáo viên cho biết, tổ chức 02 đợt đào tạo nghề/năm và thời gian đào tạo nghề 03 tháng giúp người lao động sắp xếp được thời gian tham gia đầy đủ các buổi học nghề. Cũng theo ý kiến giáo viên trực tiếp dạy nghề, người lao động tham gia học nghề với nhiều trình độ, độ tuổi, giới tính khác nhau nên họ đánh giá khả năng tiếp thu kiến thức và kỹ năng thực hành của người học 50% ở mức khá nhiều, 40% ở mức trung bình và 10% tiếp thu khá ít.

Cán bộ làm công tác đào tạo nghề trên địa bàn là những cán bộ thuộc các phòng ban trực tiếp đảm nhiệm lĩnh vực đào tạo nghề, được phân công thực hiện đề án đào tạo nghề và những cán bộ huyện trong ban chỉ đạo của các lớp đào tạo nghề. Họ vừa là người tổ chức thực hiện, vừa là người kiểm tra giám sát hoạt động đào tạo nghề cho người lao động. Qua quá trình khảo sát hoạt động đào tạo nghề, đối tượng cán bộ làm công tác đào tạo nghề cũng có những đánh giá riêng của mình. Kết quả phỏng vấn cho thấy 100% cán bộ đã được tham gia bồi dưỡng về quản lý và tư vấn chọn nghề, tìm và tự tạo việc làm cho người lao động. Cũng từ kết quả khảo sát, 70,01% cán bộ được hỏi đánh giá mức độ tuyên truyền nâng cao nhận thức cho các cấp về vai trò của đào tạo nghề đối với địa phương là dễ dàng tuyên truyền; 23,67% cán bộ đánh giá là bình thường và 6,32% cán bộ đánh giá là khó khăn.

Đơn vị: %



Biểu đồ 2.7. Đánh giá mức độ tuyên truyền về vai trò của đào tạo nghề cho hộ nghèo tại địa phương

(Nguồn: Điều tra khảo sát tại huyện Mường Lát)

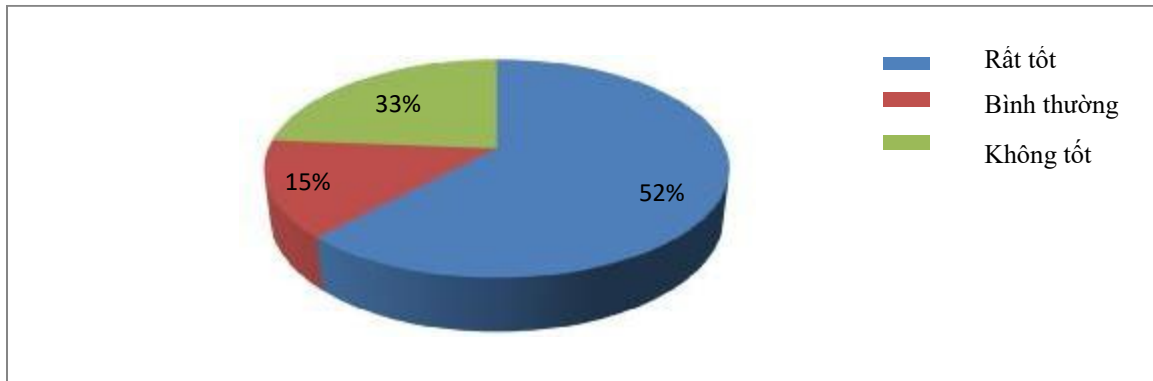
Trong số những người trả lời được hỗ trợ học nghề và kết nối việc làm thì ngành nghề chủ yếu mà họ được hỗ trợ là nghề chăn nuôi, trồng trọt, trồng rừng.... Những ngành nghề mà người nghèo được đào tạo và kết nối việc làm tuy không phải những nghề quá cao siêu hay hấp dẫn, nhưng đó lại là những

ngành nghề phù hợp và dễ kiếm tiền nhất đối với khả năng của họ. Trợ cấp hàng tháng nên cũng thuận lợi hơn để họ có thể chi trả những sinh hoạt thiết yếu hàng ngày. Điều này cho thấy “kết nối phù hợp” là nhân tố quan trọng tác động tới thành công của việc vận dụng các hoạt động kết nối.

Để đánh giá về hiệu quả của hoạt động này, tác giả cũng đưa ra ba mức đánh giá: “rất tốt”, “bình thường” và “không tốt”, kết quả thu được khá tốt với tỷ lệ lần lượt là 61,6% (tương đương 74/120 phiếu), 38,4% (tương đương 46/120 phiếu) và 0%. Nhìn vào kết quả có thể thấy đa số những người được kết nối với chương trình đào tạo nghề và kết nối việc làm đều đánh giá tốt về chương trình, họ đã được học nghề một cách bài bản và được giới thiệu những công việc phù hợp với mức lương ổn định, đây là một thành công lớn trong việc thực hiện các hoạt động kết nối đào tạo nghề và kết nối việc làm của cán bộ chính sách. Tuy nhiên, vẫn có những ý kiến đánh giá rằng họ có được đào tạo nghề bài bản nhưng lại chưa được kết nối việc làm hoặc việc làm được giới thiệu không phù hợp với họ. Để giúp được một người là đối tượng nghèo đồng ý đến với các chương trình về nghề và việc làm là một điều rất khó khăn, quá trình đó bao gồm sự đánh giá của cán bộ về khả năng của đối tượng, đánh giá năng lực và khơi gợi chúng, giúp đối tượng tự tin bước ra xã hội, tham gia đầy đủ các buổi học nghề và tiếp thu được kiến thức, vì thế mà khi đối tượng đã hoàn thành chương trình học nghề mà người cán bộ chính sách bỏ lửng không kết nối được việc làm cho họ hoặc kết nối việc làm không phù hợp thì thật sự đã bỏ phí công sức tạo dựng được ở những công đoạn khó khăn nhất. Với mức đánh giá 0% tức là không ai lựa chọn mức độ đánh giá “không tốt” đã chứng tỏ chương trình đào tạo nghề mà các cán bộ chính sách kết nối cho đối tượng là rất tốt, đảm bảo về chất lượng về kiến thức cũng như kỹ năng để thực hành nghề.

Khi được hỏi về những khó khăn, vướng mắc trong quá trình tham gia đào tạo nghề và kết nối việc làm, kết quả thu được các tỷ lệ không quá chênh lệch nhau cho thấy vẫn còn nhiều những khó khăn mà người nghèo phải vượt qua ngay cả khi đã tiếp cận được với chương trình này và ở đó cần sự thể hiện của các hoạt động vận động nguồn lực trong và ngoài địa phương.

Để đánh giá chất lượng thực hiện các hoạt động công tác xã hội của cán bộ chính sách trong hoạt động hỗ trợ đào tạo nghề và kết nối việc làm tác giả cũng đã đưa ra ba mức đánh giá và thu được kết quả như sau:



Biểu đồ 2.8. Đánh giá các hoạt động của cán bộ chính sách trong hoạt động hỗ trợ đào tạo nghề và kết nối việc làm

Thực trạng đánh giá có 52% (65/120 phiếu) đánh giá “rất tốt” các hoạt động hỗ trợ của cán bộ chính sách, ở đây các hoạt động đó là các hoạt động kết nối, tỷ lệ này cũng tương đương với số người đánh giá “rất tốt” về hiệu quả hoạt động đào tạo nghề và kết nối việc làm ở phần trên đã nêu, thực tiễn cho thấy họ đều nhận thấy rằng các hoạt động kết nối đã góp phần quan trọng trong quá trình học nghề và làm việc của họ, họ được cán bộ chính sách nhiệt tình giới thiệu với trung tâm đào tạo nghề làm và còn được cán bộ chính sách vận động nguồn tài trợ cho họ được đi học và được làm việc, điều này không chỉ thể hiện các hoạt động kết nối mà còn có cả các hoạt động vận động nguồn lực - sẽ được phân tích chi tiết ở phần sau của luận văn.

Với tỷ lệ 15% (18/120 phiếu) cho thấy vẫn còn những người chỉ được hỗ trợ ở mức giới thiệu sơ qua về học nghề, nhưng đến giai đoạn tìm việc thì họ lại bị bỏ mặc do chưa thể tìm được nguồn lực hay thực tế với công việc phù hợp với họ, do vậy phải tự tìm kiếm cơ hội việc làm là điều vô cùng khó khăn đối với người nghèo, đây là thiếu sót lớn trong việc thực hiện các hoạt động kết nối của một người cán bộ xã hội.

Vẫn còn 33% (39/120 phiếu) đánh giá cán bộ chính sách thực hiện với các hoạt động “không tốt” các hoạt động trong hoạt động này, mặc dù họ

được giới thiệu đầy đủ về chương trình đào tạo nghề và kết nối việc làm nhưng lại không được giúp đỡ để tiếp cận các hoạt động đó, số lượng này tuy ít nhưng phản ánh thực tế vẫn có một số cán bộ chính sách thực hiện chưa tốt các hoạt động làm cầu nối của mình, có chăng chỉ là giới thiệu qua loa để người nghèo được biết. Việc cung cấp thông tin về hoạt động dù có đầy đủ nhưng lại không giúp được người nghèo tham gia vào hoạt động khi họ có nhu cầu là một trong những thất bại trong việc thực hiện các hoạt động kết nối cũng như trong thực hiện giảm nghèo.

Qua đánh giá trên chúng ta thấy các hoạt động kết nối nêu trên trong hoạt động hỗ trợ đào tạo nghề và kết nối việc làm tại huyện Mường Lát đã được thực hiện, nhưng chưa thực sự hiệu quả bởi nhiều nguyên nhân chủ quan và khách quan, trong đó độ tuổi lao động, ý thức, nhận thức của thành viên trong hộ nghèo chiếm phần quan trọng, bên cạnh đó thái độ thực hiện các hoạt động của một số cán bộ chính sách còn hời hợt, thiếu trách nhiệm, hay còn gọi là nhận thức chưa đầy đủ về công tác chuyên môn mình đang làm.

“Chúng tôi đã căn cứ trên cơ sở chính sách của Đảng và Nhà nước đã chặt lọc và rút ngắn các chính sách cơ bản bằng tiếng dân tộc để dễ cho việc thông tin tuyên truyền. Tuy nhiên địa bàn khá phức tạp, việc đi lại khó khăn, đồi núi hiểm trở nên cũng chỉ truyền tải các nguồn thông tin tại xã và một số điểm gần tỉnh lộ thôi, chứ đi được và làm hết là không thể, từ đó cũng trao đổi với các trưởng thôn bản là chủ chốt để các trưởng thôn bản về truyền tải lại thông tin cho bà con nắm được. cái nữa là trong một xã có đến 6,7 dân tộc, các dân tộc nói tiếng khác nhau nên có người hiểu có người không” (Trích PVS cán bộ chính sách xã).

Cái cốt lõi hơn nữa khi hỏi đại diện hộ dân là hộ nghèo về việc vì sao không cho con học nghề tạo việc làm để có thêm thu nhập thì người nghiên cứu nhận được câu trả lời *“Nó không biết con chữ, ngại không muốn đi xa, hôm trước cho đi rồi nó lại bỏ về vì nhớ vợ, nhớ con nên về làm rẫy thôi cho dễ làm”* (PVS người dân hộ nghèo).

Đây là một điều thực tế với một số nhân dân do trước kia ngại học, không muốn đi xa, quen với phong tục tập quán cũ còn tồn tại, nếu không tiếp cận kịp thời người nghèo sẽ vẫn nghèo và chỉ trông vào cứu tế của Nhà nước mà không chịu vươn lên thoát nghèo.

2.2.3. Thực trạng các hoạt động hỗ trợ tài chính, vốn cho người nghèo

Người nghèo được tiếp cận các nguồn vốn tín dụng ưu đãi, để cho hộ nghèo có sức lao động, có nhu cầu vay vốn mua sắm vật tư, thiết bị, giống cây trồng, vật nuôi; thanh toán các dịch vụ phục vụ sản xuất, tự tạo việc làm, tăng thu nhập; hoặc để giải quyết một phần nhu cầu thiết yếu về nhà ở, điện thắp sáng, nước sạch và học tập; trang trải các chi phí để đi lao động có thời hạn ở nước ngoài. Các tổ chức đoàn thể hướng dẫn hộ nghèo lập phương án và tổ chức thực hiện phương án sản xuất, kinh doanh, kiểm tra, giám sát việc sử dụng vốn vay; gắn cho vay vốn với hướng dẫn hộ nghèo cách làm ăn theo hướng điều chỉnh cơ cấu ngành nghề có hiệu quả, phù hợp với quy hoạch phát triển kinh tế - xã hội địa phương và theo khả năng quy mô, trình độ sản xuất từng vùng, từng hộ. Bên cạnh đó cũng đảm bảo nguồn vốn cho vay, rà soát các thủ tục, cơ chế cho vay, thu nợ đảm bảo đúng kỳ hạn, quay vòng vốn nhanh và có hiệu quả, tạo điều kiện thuận lợi cho các hộ nghèo có điều kiện tiếp cận được các nguồn vốn vay.

Bảng 2.9. Đánh giá việc vay vốn ngân hàng của các hộ nghèo

Việc vay vốn	Số hộ (hộ)	Tỷ lệ (%)
Có vay	74	61,6
Không vay	46	38,3
Tổng	120	100

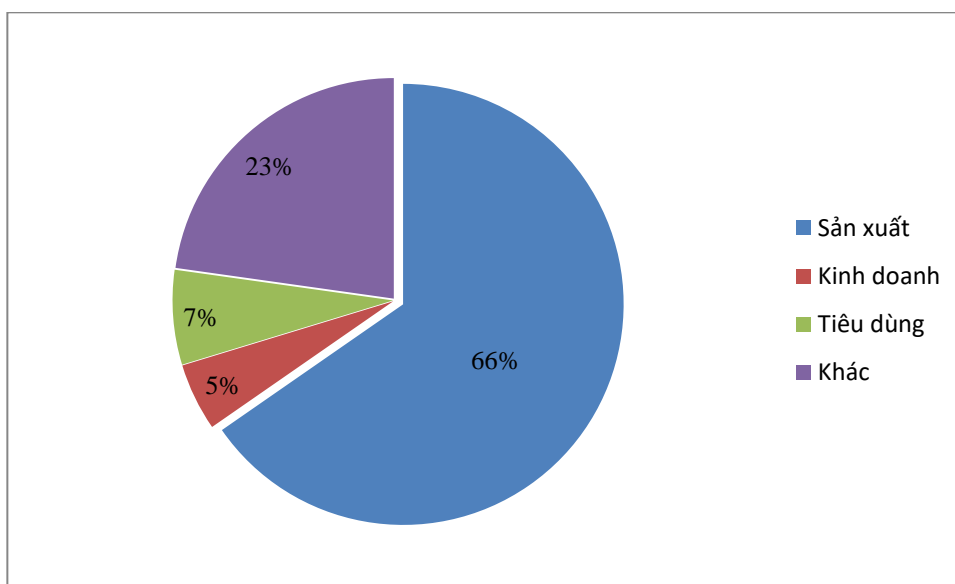
(Nguồn: Số liệu điều tra tại huyện năm 2020)

Nhìn chung, như kết quả điều tra thì có 74 hộ vay vốn ngân hàng, chiếm 61,6% trong tổng số hộ được điều tra, còn lại 46 hộ không vay (chiếm 38,35%). Qua đó, ta thấy hộ nghèo tiếp cận vốn vay vẫn còn hạn chế, những hộ không vay được là do tâm lý sợ mắc nợ ngân hàng hoặc do không có tài sản để thế chấp nên khó tiếp cận được nguồn tín dụng chính thức. Điều này một phần do nguồn vốn của ngân hàng chính sách còn hạn chế không thể đáp

ứng đủ nhu cầu vay vốn của người dân, một phần do các hộ không đủ điều kiện cho vay vốn theo quy định.

“Từ ngày được các tổ chức trong đó có Hội phụ nữ phường chỉ cho cách vay vốn từ quỹ tín dụng của nhà nước ấy, gia đình tôi mua giống rau, cây ăn quả, phần còn thừa mua được cái ti vi và đóng học phí cho thằng cu. Nhà cũng không còn lo bữa đói nữa rồi cô ạ....” (Trích PVS người dân nghèo)

Đơn vị: %



Biểu đồ 2.9. Thực tế sử dụng vốn vay của hộ nghèo

(Nguồn: Số liệu điều tra 2020)

Ta có thể thấy, theo như kết quả tổng hợp từ số liệu điều tra thì có 66% số hộ dùng vốn vay vào mục đích sản xuất, 5% số hộ sử dụng vốn vay để sản xuất kinh doanh, 7% số hộ sử dụng cho tiêu dùng và 23% số hộ sử dụng vào mục đích khác như sửa chữa nhà ở.....

Bên cạnh đó, nhu cầu vay vốn chương trình học sinh, sinh viên càng ngày càng giảm vì lý do nhiều gia đình khi con học xong không xin được việc làm, học đại học xong phải giấu bằng đi làm công nhân. Việc cho vay hộ nghèo phát triển kinh tế cũng không dễ dàng khi nhiều hộ nghèo chủ yếu là đơn thân cao tuổi. Nhu cầu vay vốn thì có nhưng điều kiện để trả nợ lại khó. Với mức vay tối đa 50 triệu đồng/hộ, nhiều hộ nghèo khó có khả năng hoàn trả vốn.

“Nhà nước có nhiều chính sách hỗ trợ các hộ dân, điển hình như việc cho vay tín dụng. Nhiều gia đình sau khi được tuyên truyền, phổ biến thông tin đã chủ động xin hướng dẫn vay và sử dụng đạt hiệu quả tốt hơn” (Trích PVS người nghèo)

Bảng 2.10. Nguồn thông tin vay vốn

	Nguồn thông tin	Số hộ (hộ)	Tỷ lệ (%)
1.	Từ chính quyền địa phương	75	62,5
2.	Từ cán bộ tổ chức cho vay	10	8,35
3.	Người thân giới thiệu	15	11,03
4.	Tự tìm đến tổ chức cho vay	20	14,71

(Nguồn: Số liệu điều tra tại huyện năm 2020)

Việc đi vay vốn của hộ nghèo vẫn còn gặp nhiều khó khăn, trong đó nguồn thông tin vay vốn là một trong những khó khăn khiến họ khó tiếp cận nguồn vốn tín dụng chính thức. Qua khảo sát, có thể thấy hộ nghèo tiếp cận thông tin vốn chủ yếu từ chính quyền địa phương (chiếm 62,5%) trong khi nguồn thông tin từ cán bộ tổ chức cho vay chỉ chiếm 8,35%. Điều này chứng tỏ khi quyết định cho vay vốn, ngân hàng thường thông qua chính quyền địa phương như là một kênh thông tin quan trọng để các hộ nghèo có thể tiếp cận với nguồn tín dụng chính thức.

“Những năm qua, Ngân hàng Chính sách xã hội tỉnh đã triển khai hiệu quả các chương trình tín dụng ưu đãi đối với hộ nghèo và các đối tượng chính sách. Nhiều hộ nghèo được tiếp cận nguồn vốn vay, sử dụng vốn đúng mục đích nên đã cải thiện được đời sống. Có thể nói, nguồn vốn tín dụng từ Ngân hàng Chính sách xã hội là một trong những kênh tín dụng đặc lực cho xã về giảm nghèo và thực sự trở thành “cứu tinh” cho những hộ nghèo” (Trích PVS cán bộ chính sách huyện).

Nhiều hộ nghèo rất cần có vốn làm ăn, nhưng với số vốn ưu đãi tối đa 50 triệu đồng/hộ, hộ nghèo không thể đầu tư chuồng trại, con giống. Bản thân họ cũng sợ dịch bệnh, thiên tai không thu hoạch được nên không dám vay. Có nhiều hộ dám nghĩ dám làm, nhưng khi vay vốn, ngân hàng cũng phải khảo sát thực tế, đánh giá điều kiện không thể cho vay được đành thôi. Một số hộ

nghèo khác mong muốn được vay vốn, nhưng mục đích không phải làm ăn, mà vay hộ con cháu nên khi kiểm tra, phát hiện không đủ điều kiện cho vay, ngân hàng cũng không thể cho vay. *"Những hộ này hầu hết là đơn thân, đều trên 65 tuổi cả nên không nằm trong đối tượng cho vay phát triển kinh tế"*. (Trích PVS cán bộ chính sách xã).

Bên cạnh việc hỗ trợ đào tạo nghề và kết nối việc làm, người nghèo còn được hỗ trợ về tài chính (bao gồm hỗ trợ vay vốn, tặng sổ tiết kiệm, hỗ trợ tài chính vi mô), kết quả khảo sát cho thấy có 48/120 phiếu (40%) được hỗ trợ về tài chính, còn lại 72/120 phiếu (60%) chưa được hỗ trợ về tài chính với các lý do đưa ra là: không được biết đến chính sách, không có nhu cầu hay cảm thấy không có khả năng trả khoản vay... vay chưa biết mục đích làm gì, các hoạt động quan trọng trong hoạt động này là vận động nguồn lực sẽ được phân tích trong phần tiếp theo của luận văn.

Bảng 2.11. Số liệu thực hiện chính sách ưu đãi tín dụng và các chương trình hỗ trợ giảm nghèo huyện Mường Lát trong các năm gần đây

Số TT	Chỉ tiêu	Đơn vị tính	Thực hiện 2018	Thực hiện 2019	Thực hiện 2020
I	Chính sách tín dụng ưu đãi đối với người nghèo				
1	CT tín dụng ƯĐ đối với hộ nghèo				
	- Số hộ nghèo được vay vốn	Hộ	1.018	932	1.192
	- Tổng số tiền được vay	Triệu đồng	18.450	22.932	37.209
	- Tổng số dư nợ	Triệu đồng	95.835	91.587	101.870
2	CT tín dụng ưu đãi đối với hộ CN				
	Số hộ cận nghèo được vay vốn	Hộ	544	534	398
	- Tổng số tiền được vay	Triệu đồng	11.574	14.125	13.052
	- Tổng số dư nợ	Triệu đồng	24.374	36.590	43.922
3	CT TD ưu đãi với hộ mới thoát N				
	Số hộ mới thoát nghèo được v vốn	Hộ		211	78

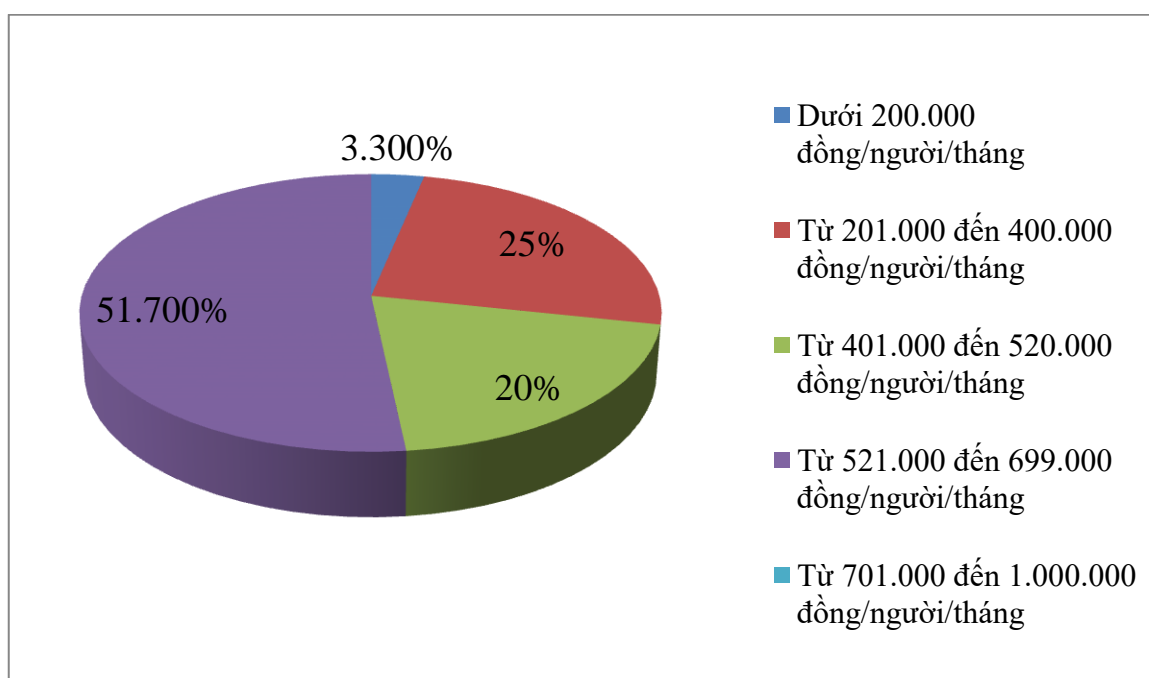
	- Tổng số tiền được vay	Triệu đồng		5.678	2.729
	- Tổng số dư nợ	Triệu đồng		5.669	7.933
4	CT cho vay tín dụng HS-SV				
	- Số hộ được vay vốn	Hộ	154	7	13
	- Tổng số tiền được vay	Triệu đồng	1.108	675	343
	- Tổng số dư nợ	Triệu đồng	18.481	14.258	8.170
5	Cho vay NSVSMT				
	- Số hộ được vay vốn	Hộ	424	371	432
	- Tổng số tiền được vay	Triệu đồng	4.764	4.132	5.162
	- Tổng số dư nợ	Triệu đồng	10.906	12.905	15.900
6	CT tín dụng Giải Quyết việc làm				
	- Số hộ được vay vốn	Hộ	34	22	26
	- Tổng số tiền được vay	Triệu đồng	1.050	430	775
	- Tổng số dư nợ	Triệu đồng	1.889	1.671	1.760
7	Cho vay XKLD có thời hạn ở NN				
	- Số hộ được vay vốn	Hộ	35	30	27
	- Tổng số tiền được vay	Triệu đồng	110	56	15
	- Tổng số dư nợ	Triệu đồng	110	56	15
8	Cho vay đối với hộ gia đình SXKD tại vùng khó khăn				
	- Số hộ được vay vốn	Hộ	914	746	657
	- Tổng số tiền được vay	Triệu đồng	18.444	16.273	18.822
	- Tổng số dư nợ	Triệu đồng	66.538	66.489	68.011
9	Cho vay hộ nghèo làm nhà ở (QĐ số 167; QĐ số 33)				
	- Số hộ được vay vốn	Hộ	0	0	51
	- Tổng số tiền được vay	Triệu đồng	0	0	1.275
	- Tổng số dư nợ	Triệu đồng	8.249	8.112	9.076

(Nguồn; Số liệu được thu thập báo cáo cho vay hàng năm của Ngân hàng CSXH)

Sau khi tham khảo các số liệu về vay vốn tín dụng, vốn tạo việc làm và phục vụ các hoạt động giảm nghèo của huyện Mường Lát 3 năm nêu trên, chúng ta có thể thấy nhu cầu vốn của nhân dân là rất cần thiết, Nhà nước cũng đặt vấn đề ưu tiên cho hỗ trợ ưu đãi đối với hộ nghèo được tiếp cận từ các nguồn vốn và các chương trình giảm nghèo khác nhau để hộ nghèo có vốn đầu tư vươn lên thoát nghèo. Tuy nhiên từ thực tiễn thu hồi vốn, đánh giá kết quả sử dụng vốn của hộ nghèo hàng năm là chưa hiệu quả, một bộ phận không nhỏ là sử dụng không đúng mục đích, chưa sử dụng đúng kế hoạch duyệt cho vay, nợ xấu sau khi hết hạn thu hồi còn nhiều, khó khăn trong việc thu hồi do nhiều nguyên nhân cả khách quan lẫn chủ quan.

“Nhà tôi được xét để vay vốn hộ nghèo để có đồng vốn đầu tư vào chăn nuôi phát triển đàn gà và lợn, sau được Ngân hàng rải ngân chồng tôi nhận tiền về, ông ấy đi mua cái xe máy lấy cái lai con đi học cho bằng bạn của nó, còn một ít mua mấy con gà, và con lợn về để nhân giống phát triển sau bán để trả lãi và gốc cho ông ngân hàng, đợt rét vừa qua gà đã bị chết hết rồi, có con lợn cuối năm cũng làm thịt để ăn tết, giờ không biết lấy đâu trả nợ Ngân hàng mà sắp đến hạn rồi” (Trích PVS người dân hộ nghèo)

Từ thực tiễn như đã nêu trên có thể thấy việc sử dụng đồng vốn vay chưa hiệu quả, việc lo trả chưa có thì hỏi lấy đâu ra có để giảm nghèo, hiểu biết cộng theo kinh nghiệm vẫn còn là bài toán nan giải đối các hộ nghèo ở nơi đây. Bên cạnh đó, thu nhập bình quân của các hộ nghèo cũng rất thấp nên việc vay vốn chưa hiệu quả cũng có thể hiểu được khi nhiều hộ lại sử dụng chính số vốn được vay/được hỗ trợ đó không phải vào mục đích sinh kế mà vào miếng cơm manh áo hàng ngày cho khỏi đói.



Biểu đồ 2.10. Thu nhập bình quân của người nghèo tại huyện Mường Lát

(Nguồn: Số liệu khảo sát đề tài huyện Mường Lát vào năm 2019)

Qua biểu đồ 2.1 ta có thể thấy được cơ cấu thu nhập của khách thể nghiên cứu tại các xã năm 2019:

Đối với hộ cận nghèo: 100% thành viên trong hộ cận nghèo đều có mức thu nhập đạt từ mức từ 701.000 - 1.000.000 đồng/tháng/người. Đây là mức thu nhập chuẩn của hộ cận nghèo do quyết định 59/2015/QĐ-TTg của Thủ tướng chính phủ quy định

Đối với hộ nghèo, các mức thu nhập phân chia không đều: Với mức thu nhập dưới 200.000 đồng/người/tháng chiếm 3.3% và chiếm ít nhất trong cơ cấu thu nhập bình quân thu nhập của hộ nghèo tại huyện Mường Lát năm 2020. Còn mức thu nhập chiếm tỷ lệ cao nhất trong biểu đồ là từ 521.000 đồng – 699.000 đồng/người/tháng với tỉ lệ 51.7%. Có thể nói mức thu nhập của hộ nghèo tại các xã năm 2019 là khá thấp, đạt dưới mức trung bình.

Khi được chúng tôi hỏi, cán bộ Lao động Thương binh – xã hội huyện trả lời: “*Chủ yếu người nghèo tại xã có thu nhập ở mức từ 521.000 đồng đến 699.000 đồng/tháng/người là do hầu hết người nghèo tại xã không có công việc ổn định, đa phần công việc họ phụ thuộc vào vụ mùa. Bên cạnh đó do*

trình độ học vấn của họ thấp nên mức thu nhập cũng một phần bị ảnh hưởng...” (Trích PVS cán bộ chính sách huyện).

Bảng 2.12. Tỷ lệ vay của các hộ nghèo theo chính sách của nhà nước để giải quyết việc làm tại huyện Mường Lát

STT	Mức	Số lượng (đv: hộ)	Tỷ lệ (%)
1	Dưới 5 triệu đồng	38	31,7
2	Từ 5.000.000 đồng – 10.000.000 đồng	32	26,7
3	Từ 10.000.000 – 25.000.000 đồng	43	35,8
4	Từ 25.000.000 đồng – 50.000.000 đồng	7	5,8
Tổng		120	100,0

(Nguồn: Điều tra khảo sát tại huyện Mường Lát)

Qua bảng trên có thể thấy tại huyện Mường Lát các hộ mạnh dạn hơn trong việc lựa chọn các mức vay. Cụ thể tại mức vay từ 10.000.000 đồng đến 25.000.000 đồng chiếm tỷ lệ cao nhất với 43 người trả lời tương đương 35.8% trong cơ cấu mức vay. Có thể các hộ gia đình đang mạnh dạn hơn trong việc đầu tư vào việc chăn nuôi, sản xuất, buôn bán, kinh doanh. Không còn trong quy mô nhỏ mà tăng lên quy mô lớn hơn với số vốn lớn hơn. Tuy nhiên các hình thức sản xuất, kinh doanh đều bị bó buộc vào nông nghiệp, một thế mạnh của xã.

Với mức vay Từ 25.000.000 đồng – 50.000.000 đồng có tỷ lệ ít nhất chỉ có 7 hộ chọn và chiếm 5.8%.

“Số tiền 25.000.000 đồng đến 50.000.000 đồng là một số tiền rất lớn đối với các hộ nghèo, cận nghèo tại đây em ạ. Không phải ai cũng có đủ điều kiện và tự tin vay một số tiền lớn như thế em ạ. Đa phần mọi người đều sợ không thể chi trả khoản tiền vay vốn đó em ạ...” (Trích PVS người dân hộ nghèo).

Mức độ hài lòng khi được vay vốn của các hộ nghèo, hộ cận nghèo vay theo chính sách của nhà nước để giải quyết các khó khăn trong cuộc sống của người nghèo tại các xã đa phần mọi người rất hài lòng. Mọi người đánh giá chính sách rất hợp lý, phù hợp với phân đông các hộ nghèo, hộ cận nghèo.

Bảng 2.13. Mức độ hài lòng của người nghèo được vay vốn theo chính sách của nhà nước tại huyện Mường Lát

STT	Mức độ	Số lượng (đơn vị: người)	Tỉ lệ (%)
1	Rất hài lòng	110	91,7
2	Hài lòng	6	5,0
3	Bình thường	4	3,3
4	Không hài lòng	0	0
5	Rất không hài lòng	0	0
Tổng		120	100,0

(Nguồn: Điều tra khảo sát tại huyện Mường Lát)

Qua bảng trên, ta có thể thấy tỉ lệ mức độ rất hài lòng rất cao, lên đến 91,7%. Không có xuất hiện mức không hài lòng và rất không hài lòng.

“Các cô chú cán bộ hẹn tôi lên Ủy ban mang theo các giấy tờ cần thiết xong các cô chú hướng dẫn tôi làm đơn, nhanh lắm cháu ạ, một buổi sáng là đã xong hết hồ sơ rồi.....” (Trích Phỏng vấn sâu người dân hộ nghèo)

“Tôi ở có một mình, lại bị bệnh nên không tiện đi lại, các cán bộ biết hoàn cảnh của tôi thì cô H (cán bộ Lao động Thương binh xã hội của xã) đến tận nhà hướng dẫn tôi làm hồ sơ thủ tục. Các cán bộ tận tình lắm cháu ạ..” (Trích Phỏng vấn sâu người dân hộ nghèo)

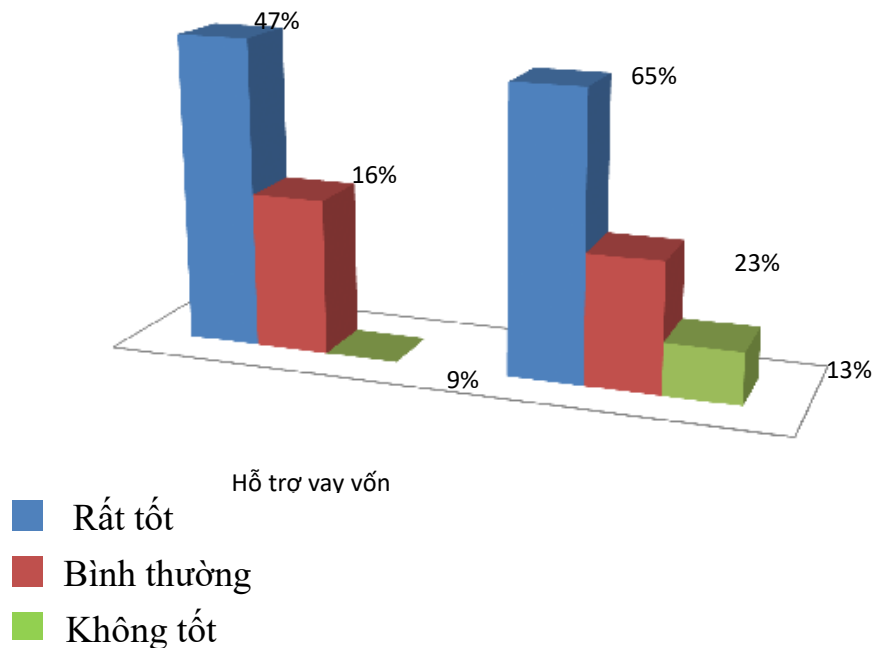
Có thể thấy chính sách cho vay vốn để giúp người nghèo giải quyết những khó khăn trong cuộc sống và thoát nghèo tương đối hiệu quả tại huyện Mường Lát. Các hộ nghèo, cận nghèo khi tiếp cận chính sách này đã mạnh dạn hơn chọn những mức cao hơn để vươn tới mục tiêu thoát nghèo bền vững.

Trong hoạt động hỗ trợ về tài chính (bao gồm hỗ trợ vay vốn, tặng sổ tiết kiệm, hỗ trợ tài chính vi mô) các hoạt động vận động nguồn lực được thể

hiện rất rõ nét . Có 48/120 người (tương đương 40%) nhận được hỗ trợ về tài chính và số còn lại là 72/120 người (tương đương 60%) không nhận được hỗ trợ với các lý do được người nghèo đưa ra là: không dám vay vốn vì sợ không trả được, muốn được tặng sổ tiết kiệm nhưng chưa đến lượt vì phường đông hộ nghèo quá hay cũng có những người cho rằng tuy họ nghèo nhưng không muốn phụ thuộc vào tiền của người khác mà cứ chăm chỉ làm ăn rồi sẽ có.

Trong số 48 người nhận được hỗ trợ về tài chính, có 31 người được nhận dưới hình thức tặng sổ tiết kiệm (tương đương 64,6%), 17 người nhận hỗ trợ qua hình thức vay vốn (tương đương 35,4%) và không có ai nhận qua hình thức hỗ trợ tài chính vi mô. Có thể thấy phần lớn đối tượng đều được hỗ trợ tài chính thông qua việc tặng sổ tiết kiệm, đây là một hình thức nhận hỗ trợ khá bị động, việc xét duyệt được tặng sổ là do xã, thị trấn quyết định, với các tiêu chí xét từ những hộ khó khăn nhất, có người khuyết tật hay ốm đau nằm liệt giường cho đến các hộ có hoàn cảnh theo nấc thang xét duyệt đi lên, thường sổ tiết kiệm sẽ được trao tặng vào dịp Tết và ngày vì người nghèo hàng năm. Số hộ vay vốn còn ít cho thấy người dân khá dè dặt trong hỗ trợ này, có thể họ lo sợ làm ăn không sinh lời sẽ không trả được khoản vay, hoặc ngại vay khi thủ tục rườm rà. Hình thức hỗ trợ tài chính vi mô được đánh giá là một chính sách giảm nghèo mới, hiệu quả nhưng lại chưa được áp dụng trong công tác giảm nghèo tại huyện Mường Lát, đây là một điều đáng tiếc và cũng thể hiện cán bộ chính sách chưa vận động được chính quyền đưa chính sách này vào thực hiện trong giảm nghèo.

Dưới đây là biểu đồ đánh giá về hiệu quả của các hoạt động hỗ trợ tài chính của người nghèo:



Biểu đồ 2.11. Đánh giá của người nghèo về hiệu quả hoạt động hỗ trợ tài chính

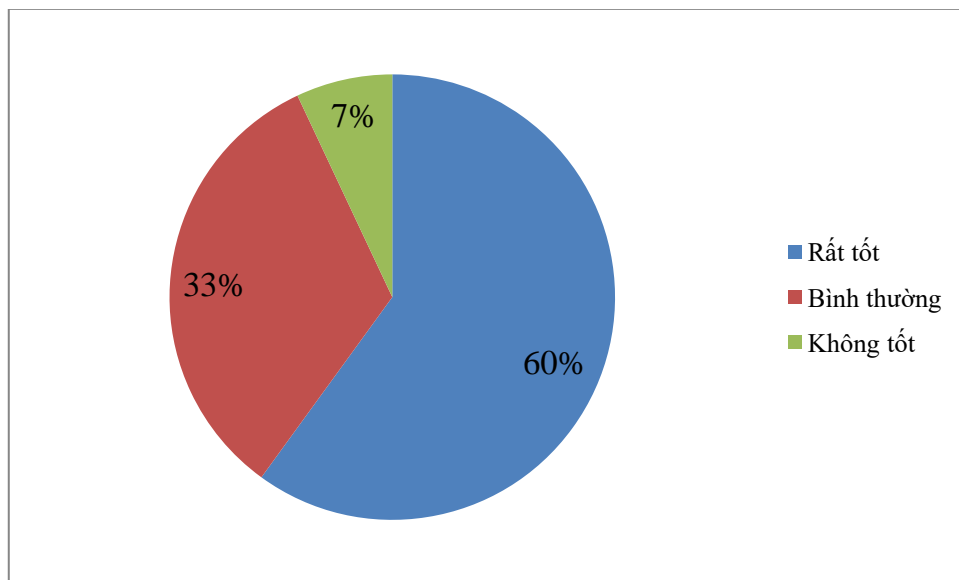
(Nguồn: Số liệu khảo sát đề tài huyện Mường Lát năm 2020)

Nhìn chung hoạt động hỗ trợ tài chính được đánh giá rất tốt với các tỷ lệ vượt trội thể hiện rất rõ trong biểu đồ, tiếp theo là mức độ đánh giá bình thường nhưng không quá nhiều, và chỉ có 13% người được tặng sổ tiết kiệm đánh giá “không tốt”. 23% với mức bình thường và 65% với mức rất tốt. Chia sẻ này cho thấy sự quan tâm từ Đảng, Nhà nước và địa phương đối với người dân nghèo ở các xã vùng cao khu vực Biên giới.

Đề cập đến những khó khăn, vướng mắc gặp phải trong việc nhận hỗ trợ tài chính, người nghèo đã lựa chọn các nội dung sau: “Số tiền hỗ trợ còn hạn chế” 9%, “thủ tục nhận hỗ trợ rườm rà” 16%, “lo sợ sẽ không có khả năng trả được khoản vay” 47%, “không biết sử dụng nguồn vốn hiệu quả để sinh lời” Ở đây có hai khó khăn liên quan trực tiếp tới các hoạt động vận động nguồn lực của cán bộ chính sách đó là “lo sợ sẽ không có khả năng trả được khoản vay” và “Không biết sử dụng nguồn vốn hiệu quả để sinh lời”. Khó khăn này lỗi không xuất phát từ cán bộ chính sách, họ đã làm hết sức để vận động được nguồn tài chính đó, việc vận động gây quỹ rất khó khăn người dân

huyện Mường Lát (Một huyện vùng cao biên giới) trình độ dân trí còn thấp, hiểu biết còn hạn chế... nhưng nếu cán bộ chính sách cùng các hội đoàn thể, hội phụ nữ, hội nông dân, hội cựu chiến binh, Đoàn thanh niên gần gũi, hướng dẫn, giải thích (*Bằng tiếng địa phương*), liên kết mở các lớp tập huấn nâng cao trình độ dân trí, kinh nghiệm chăn nuôi trồng trọt, vận động nhân dân tham gia làm kinh tế, sản xuất theo mô hình hoạt động hiệu quả.... Cán bộ chính sách phải làm công tác tư tưởng hay nói cách khác là vận động đối tượng tin tưởng vào chính bản thân mình từ khi bắt đầu xác định vay vốn làm ăn, vậy mà vẫn còn nỗi lo sợ sẽ không có khả năng trả được khoản vay cho thấy việc vận động niềm tin của đối tượng vào chính bản thân họ chưa được thành công.

Tuy nhiên từ các chính sách vay vốn tạo việc làm có sự chuyển biến nhưng có một bộ phận nhỏ hộ dân (Là hộ nghèo chưa xác định cụ thể vay để làm gì? Sử dụng vào mục đích nào cho hợp lý sao) và tạo ra lợi nhuận từ đồng vốn vay sinh lời phát triển kinh tế, đồng thời có dư để trả lãi và trả gốc khi hết hạn vay.



Biểu đồ 2.12: Đánh giá các hoạt động của cán bộ chính sách trong việc hỗ trợ tài chính

(Nguồn: Số liệu khảo sát đề tài huyện Mường Lát năm 2020)

Cán bộ chính sách được đánh giá tốt trong hoạt động này với tỷ lệ 60% cho mức độ “rất tốt”, cán bộ chính sách đã rất nhiệt tình động viên người

nghèo, giúp họ tự tin tham gia vay vốn, giúp đối tượng hoàn thành thủ tục vay vốn, bên cạnh đó còn giúp họ có thêm những kiến thức về quản lý tài chính để họ sử dụng nguồn vốn hiệu quả. Mức độ “bình thường” 33% được đánh giá với những trường hợp cán bộ chính sách chỉ cung cấp thông tin về chương trình hỗ trợ, nhưng đối tượng lại gặp nhiều khó khăn trong quá trình hoàn thiện thủ tục để xin hỗ trợ mà không được trợ giúp. Mức độ “không tốt” tuy chiếm tỷ lệ ít nhất nhưng lại cần khắc phục ngay, cán bộ chính sách mà tỏ ra hời hợt khi dân thắc mắc về chương trình hỗ trợ, không giải đáp thắc mắc mà hơn nữa lại không tạo điều kiện cho dân hoàn thành thủ tục là biểu hiện quan liêu, không có trách nhiệm trong công việc, xa rời dân chúng. Những đánh giá trên đã cho thấy các hoạt động hỗ trợ về tài chính phần nào giúp các hộ nghèo tại huyện Mường Lát có điều kiện được sống tốt hơn. Nhờ thay đổi được thu nhập đời sống các hộ nghèo ngày càng được cải thiện, tạo thuận lợi cho tình hình phát triển của toàn xã hội.

Bên cạnh đó, ban hỗ trợ còn đưa ra đánh giá hiệu quả của hộ nghèo được chia thành các mức độ khác nhau đó là: Đáp ứng được nhu cầu, đáp ứng được một phần nhu cầu và chưa đáp ứng được nhu cầu

Tuy đây là một chính sách còn khá mới mẻ nhưng các hộ nghèo cũng đã bắt đầu có sự tự tin hơn khi tham gia vào chính sách thể hiện qua việc mạnh dạn vay vốn, mạnh dạn đầu tư. Người dân thật thà, chất phát nên có những đánh giá rất thẳng thắn và minh bạch.

Bảng 2.14. Đánh giá của hộ nghèo về việc đáp ứng nhu cầu của các chính sách vay vốn tại huyện Mường Lát

STT	Mức độ	Số hộ lựa chọn	Tỉ lệ (%)
1	Chưa đáp ứng được nhu cầu	7	5,8
2	Đáp ứng được một phần nhu cầu	11	9,2
3	Đáp ứng hoàn toàn các nhu cầu	102	85,0
Tổng		120	100,0

(Nguồn: Điều tra khảo sát tại huyện Mường Lát 2020)

Phần lớn các hộ nghèo, hộ cận nghèo cho rằng mức vay như hiện nay là phù hợp với nhu cầu của các hộ nghèo và phù hợp với tình hình thực tế. Các hộ cho rằng mức vay đáp ứng được nhu cầu của gia đình, điều đó còn chứng tỏ chính sách hỗ trợ vay vốn rất có tính khả thi và phù hợp với nhu cầu của hộ nghèo.

“Con ơi không có các chính sách này thì người nghèo như bố mẹ chắc chết mất con ạ. Mẹ biết cảm nhà nước, cán bộ lắm con ơi. Nhờ thế mà nhà mẹ có phương tiện mưu sinh kiếm sống....” (Trích PVS người dân hộ nghèo)

“Nhờ có chính sách vay vốn mà anh được học tập thêm các kiến thức về việc phát triển nông nghiệp, anh nghĩ trước hết các chính sách vay vốn đáp ứng được hầu hết nhu cầu của anh....” (Trích PVS người dân hộ nghèo)

Kết hợp việc thực hiện các chính sách khác nhằm hỗ trợ người nghèo tại huyện Mường Lát, tháng 5 năm 2020 sau khi khảo sát và đánh giá lại hiện tại số hộ nghèo giảm đi rõ rệt. Rất nhiều hộ đã thoát từ nghèo xuống cận nghèo hoặc thoát nghèo. Có thể thấy để đạt được thành công lớn này là nhờ có sự quan tâm của chính quyền các cấp và nghị lực vươn lên thoát nghèo của người dân.

2.2.4. Thực trạng các hoạt động vận động nguồn lực trong hỗ trợ giảm nghèo tại huyện Mường Lát

Vận động nguồn lực là hoạt động quan trọng trong việc hỗ trợ chính sách giảm nghèo, nó bao gồm vận động nguồn nội lực và ngoại lực, trong đó nguồn nội lực bao gồm nguồn lực (nội tại) tại địa phương và nguồn lực của chính bản thân đối tượng. Người nghèo khó có thể thoát nghèo nếu không có nguồn lực nào trợ giúp, nếu không nhận ra khả năng của chính bản thân mình để phát huy, chính vì vậy cần có những người thực hiện các hoạt động vận động đó để kết nối người nghèo với những nguồn lực vững chắc sẽ trợ giúp cho họ bộc lộ khả năng của bản thân, vươn lên thoát nghèo.

- Về nguồn lực giảm nghèo

Từ thực trạng kết quả hỗ trợ giảm nghèo chậm và chưa thực sự bền vững bởi nhiều nguyên nhân, trong đó có nguyên nhân rất cơ bản đó là chưa chú trọng khai thác và phát huy tối ưu các nguồn nội lực cộng đồng, chưa có sự kết

hợp tốt, đồng bộ, hiệu quả giữa nguồn lực bên trong và bên ngoài cộng đồng. Vì vậy, vấn đề đặt ra trong thực hiện hỗ trợ giảm nghèo cho đồng bào các dân tộc huyện Mường Lát là cùng với việc sử dụng có hiệu quả các nguồn lực hỗ trợ từ bên ngoài, từ các chương trình, dự án hỗ trợ giảm nghèo cần đặc biệt quan tâm, chú trọng và đẩy mạnh thực hiện khai thác, phát huy các yếu tố nguồn lực bên trong nội lực. Kết quả khảo sát, trung cầu ý kiến người dân và cán bộ trong huyện cũng đã phản ánh mong muốn cần có những chương trình, giải pháp, dự án giảm nghèo cụ thể phát huy được các yếu tố nội lực bên trong cộng đồng vẫn là khâu then chốt, ngoại lực lúc có lúc không nên cũng không cần trông chờ lắm, tuy nhiên cũng thường xuyên kết nối để vận động thêm các nguồn lực bên ngoài để hỗ trợ vào cho công tác giảm nghèo bền vững hơn.

- Về cách thức, biện pháp giảm nghèo

Có nhiều mô hình, cách thức để giảm nghèo cho đồng bào các dân tộc trong huyện đã và đang được thực hiện ở nhiều địa nơi trên địa bàn huyện Mường Lát trong thời gian qua. Cũng đã có một số mô hình, cách thức giảm nghèo, tuy nhiên các mô hình này chưa thực sự được triển khai mạnh mẽ, phổ biến trong nhân dân. Đặc biệt các mô hình, cách thức đã triển khai ở địa phương chưa chú trọng phát huy yếu tố nội lực, nguồn nội lực từ chính người dân, các hộ gia đình trong thực hiện chương trình giảm nghèo. Với 5 nhóm yếu tố đã được xác định, thông qua việc trung cầu ý kiến của cán bộ và người dân tại địa phương, kết quả cho thấy, hầu hết những người được hỏi đều nhận thức được ý nghĩa, vai trò và mong muốn áp dụng, triển khai các cách thức, biện pháp giảm nghèo, như: Đa dạng hóa sinh kế, giảm nghèo dựa vào nội lực; Đào tạo nghề, giới thiệu việc làm; Cho vay vốn, tín dụng để phát triển lao động, sản xuất; Chuyển giao khoa học kỹ thuật, công nghệ trong sản xuất, kinh doanh; Nhân rộng mô hình giảm nghèo bền vững; Tăng cường thông tin tuyên truyền về chương trình giảm nghèo; Thay đổi nhận thức của người dân nói chung người nghèo nói riêng, xây dựng ý chí phấn đấu thoát nghèo, giảm nghèo ... Trong đó, đặc biệt quan tâm và kỳ vọng vào mô hình giảm nghèo dựa vào phát huy nội lực, hỗ trợ kết nối vận dụng ngoại lực kết hợp với các nguồn lực khác để tập trung cho công tác hỗ trợ giảm nghèo một cách tích cực hơn.

Cũng như các hoạt động kết nối, các hoạt động vận động nguồn lực có mặt ở hầu hết các hoạt động hỗ trợ thực hiện chính sách giảm nghèo. Trong hoạt động tuyên truyền cán bộ chính sách bên cạnh việc kết nối người nghèo với thông tin còn thể hiện các hoạt động vận động nguồn nhân lực của mình, cụ thể là huy động các nhà hảo tâm, các ban ngành đoàn thể cùng tạo thành một mạng lưới thông tin để truyền tải nhanh nhất, cụ thể và gần gũi nhất đến với đối tượng. Có được sự giúp sức của nguồn nhân lực này, cán bộ chính sách không còn lẻ loi trong công tác truyền thông đến người nghèo mà có cả một đội ngũ những người gần dân nhất để cùng chia sẻ thông tin tới đối tượng, giúp họ tin tưởng hơn vào chính sách của Nhà nước cũng như thu nhận những phản ánh của đối tượng tới chính quyền địa phương, thu hẹp khoảng cách giữa người nghèo, cộng đồng và chính quyền. Tuy nhiên các nguồn lực được huy động như các nội dung nêu trên so với người nghèo là quá ít, có nơi dường như không có, vì mặt bằng xuất phát đều khó khăn như nhau, do vậy hiện tại vẫn là trông chờ nguồn lực từ Nhà nước và hỗ trợ từ các tập đoàn công ty lớn.

“Có những người nghèo rất tự ti về bản thân, sống không giao tiếp với mọi người xung quanh và cũng không bao giờ hỏi han về các chính sách ưu đãi để hỗ trợ giảm nghèo, vậy thì làm sao họ thoát nghèo được? Vậy nên tôi đã phải nhờ tới sự giúp đỡ của các ông bà trưởng thôn, bản, bí thư chi bộ và các ông bà hoạt động trong các ban ngành đoàn thể tại chi hội phụ nữ, hội nông dân, cựu chiến binh, đoàn thanh niên... các ông bà vừa là người có kinh nghiệm làm việc, vừa gần gũi hàng ngày với đối tượng, được họ tin tưởng, nên sẽ dễ dẫn thông tin tin tưởng hơn. Có lúc tôi cùng các ông bà đã phải đến tận nhà đối tượng, trao đổi về những chính sách hỗ trợ giảm nghèo, hay động viên họ tham gia các buổi truyền thông về chăm sóc sức khỏe để họ vừa sống gần gũi hơn với mọi người xung quanh, vừa có thêm kiến thức hữu ích cho cuộc sống của họ” (Trích PVS cán bộ chính sách xã).

Qua chia sẻ trên, chúng ta thấy không chỉ chú trọng vào việc cung cấp thông tin hay củng cố mạng lưới truyền thông, cán bộ chính sách đồng thời cũng vận động những người không quan tâm đến các thông tin về chính sách

giảm nghèo, hay những người sống mặc cảm, khép mình, cho rằng mình “ít học hỏi” mà ngại không muốn nghe những thông tin đó, nghe sẽ không hiểu..., vận động họ bỏ qua mặc cảm, bớt chút thời gian lắng nghe những thông tin hữu ích đó, trước tiên là để họ biết và hiểu về thông tin những chính sách giảm nghèo, tiếp đó là để họ đến gần hơn với cộng đồng và chính quyền thông qua những lợi ích của hoạt động tuyên truyền thông qua truyền thông.

Các hoạt động vận động nguồn lực trong tuyên truyền ít nhiều cũng đã góp phần giúp cho những thông tin về chính sách giảm nghèo đến được với người nghèo bằng cách tạo dựng một đội ngũ tuyên truyền đáng tin cậy, giúp họ gạt bỏ những mặc cảm, sống cởi mở và đón nhận những thông tin hữu ích cho cuộc sống của họ.

Kết quả hoạt động vận động nguồn lực

Như đã đề cập và phân tích các kết quả khảo sát về hiệu quả hoạt động hỗ trợ đào tạo nghề và kết nối việc làm, có thể thấy hoạt động này được người nghèo đánh giá rất tốt, dù số người được hỗ trợ còn ít nhưng lại có chất lượng tốt, góp phần lớn cho thành quả đó là phát huy các hoạt động vận động nguồn lực.

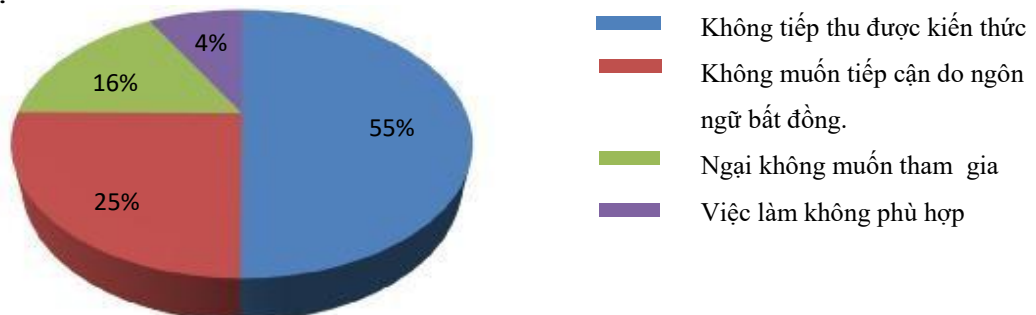
“Các hoạt động vận động nguồn lực đem lại hiệu quả rất lớn trong việc thực hiện công tác giảm nghèo, các nguồn lực như một chỗ dựa vững chắc cho người nghèo bởi không chỉ cung cấp nguồn lực về tài chính mà chúng tôi còn cung cấp nguồn lực tạo việc làm lâu dài ổn định cho đối tượng, đó mới chính là nguồn lực bền vững giúp người nghèo có thể thoát nghèo và tránh tái nghèo” (Trích PVS cán bộ chính sách huyện).

Quả thực vậy, để kết thúc sự nghèo túng chỉ có một giải pháp bền vững là có một công việc ổn định, cho dù có thể ít về thu nhập nhưng phải ổn định công việc và nguồn thu. Trước tiên để bắt đầu một sự trợ giúp, cán bộ chính sách phải xác định được khả năng của đối tượng được đến đâu, phân tích điểm mạnh, điểm yếu cùng với đó là lắng nghe nguyện vọng của họ để biết họ đang có nhu cầu gì và phù hợp theo học ngành nghề gì, sản xuất ra sao, công nông nghiệp theo hướng nào là phù hợp, sản xuất thô sơ hay dịch vụ. Khi đã xác định được ngành nghề phù hợp, các cán bộ chính sách động viên đối

tượng tin tưởng vào bản thân, thôi thúc ý chí của họ cần phải học nghề, có công việc ổn định mới thoát được cái nghèo. Trong quá trình học nghề sẽ có lúc họ cảm thấy chán nản muốn bỏ cuộc vì nhiều lý do, vậy nên người cán bộ phải luôn sát cánh, vận động mở rộng tư tưởng, biện hộ cho chính khả năng của họ, giúp họ nhận ra rằng mình có khả năng và không nên để phí điều đó.

Song song với việc vận động bản thân người nghèo tham gia vào học nghề, cán bộ chính sách cũng tìm kiếm các trung tâm dạy nghề uy tín, vận động sự trợ giúp của họ, có thể là xin hỗ trợ học phí hoặc với những trường nội trú và học sinh cấp tiểu học, trung học cơ sở thì có thể xin được hỗ trợ tiền ăn trưa. Sau khi đối tượng đã hoàn thành xong khóa học cuối cấp (Hết cấp 3) nếu các e có nguyện vọng học cao hơn tùy theo trình độ, đề nghị tiếp tục hỗ trợ. Số còn lại thì việc kết nối việc làm là mục tiêu cuối cùng để quá trình hỗ trợ đạt được thành công. Tùy vào khả năng của bản thân đối tượng mà tìm kiếm những công việc phù hợp nhưng vẫn phải bảo đảm thu nhập ổn định, đây là điều không hề dễ trong thời buổi kinh tế thị trường cạnh tranh như hiện nay. Cán bộ chính sách có thể vận động sự giúp sức của các doanh nghiệp trên địa bàn, bằng cách thuyết phục họ nhận và đào tạo thêm cho người nghèo vào làm việc tại doanh nghiệp hay giới thiệu họ với các cơ sở cần tuyển nhân lực phù hợp mà doanh nghiệp là đối tác làm ăn.

Kết quả khảo sát về những khó khăn, vướng mắc trong quá trình tham gia vào chương trình hỗ trợ đào tạo nghề và kết nối việc làm sẽ cho thấy một phần chất lượng của các hoạt động vận động nguồn lực mà cán bộ chính sách thực hiện:



Biểu đồ 2.13. Đánh giá những khó khăn, vướng mắc của người nghèo trong quá trình học nghề và tìm việc làm

Nhìn vào biểu đồ ta thấy khó khăn mà người nghèo tại huyện Mường Lát lựa chọn nhiều nhất là do trình độ hiểu biết thấp, tỷ lệ không biết tiếng Kinh ở một số đồng bào dân tộc ít người còn cao nên khả năng tiếp thu và ứng dụng kiến thức lý thuyết vào thực tế lao động, sản xuất, làm ăn... là rất khó đối với họ. Đặc biệt là vào tuổi trung niên khi không tham gia đi học hay đi làm ngoài huyện.

Ở đây cán bộ chính sách một mặt vận động đối tượng tiếp tục việc học nghề, một mặt hỗ trợ gia đình ổn định cuộc sống trong thời gian học nghề của lao động chính bằng cách vận động sự trợ giúp của cộng đồng, chính quyền hay các doanh nghiệp về tài chính, có thể là một khoản tiền đủ để gia đình sinh hoạt, giúp người học nghề yên tâm hoàn thành nốt chương trình. Mặc dù điều này là rất khó nhưng nếu thực hiện được thì quá trình học tập của đối tượng mới không bị gián đoạn, việc đảm bảo cuộc sống cho những thành viên còn lại trong quá trình học nghề của lao động chính cũng giúp họ và gia đình thêm tin tưởng vào những chính sách hỗ trợ giảm nghèo của chính quyền hơn. Khó khăn “không tiếp thu được kiến thức” của chương trình đào tạo là lý do chủ quan của bản thân đối tượng, ngoài sự động viên tinh thần đối tượng, cán bộ chính sách cũng có thể vận động sự giúp đỡ của những người trong địa bàn có chuyên môn về nghề để giảng dạy thêm cho đối tượng, đồng thời liên hệ với giáo viên giảng dạy ở các trung tâm dạy nghề trong tỉnh để có những bài giảng cặn kẽ, mở những lớp dạy nghề phù hợp hơn, thực tế hơn đối với môi trường của huyện. Lưu ý nên chuyên sâu vào các nghề chăn nuôi, trồng trọt, chế biến nông sản, vì huyện có rất nhiều quỹ đất rừng chưa sử dụng đến. Tuy nhiên có một số người nghèo “Ngại không muốn tham gia” để theo học chương trình đào tạo là một trong những khó khăn người nghèo gặp phải khi theo học nghề cho thấy cán bộ chính sách chưa làm tốt được sự vận động nguồn lực tài chính để hỗ trợ cho đối tượng học nghề.

“Thuyết phục được trung tâm dạy nghề hỗ trợ cho một phần chi phí đã là rất khó, chưa nói đến việc xin hỗ trợ toàn bộ chi phí học nghề. Kết nối cho họ được học ở trường nghề của huyện, có thể là đối tượng nghèo của huyện thì sẽ được miễn học phí” (Trích PVS cán bộ chính sách xã).

Một khó khăn khác được lựa chọn là “việc làm không phù hợp”, để khắc phục tình trạng này cán bộ chính sách cần tìm hiểu xem việc làm đó chưa phù hợp với đối tượng ở điểm nào, nếu có thể khắc phục được cần động viên đối tượng cố gắng hơn, đồng thời trao đổi với người sử dụng lao động tạo điều kiện thuận lợi hơn cho đối tượng bớt căng thẳng và rút kinh nghiệm dần trong quá trình làm việc. Dù tỷ lệ khó khăn này là rất ít 4% nhưng cũng cho thấy cán bộ chính sách cần lưu ý hơn trong vận động nguồn lực việc làm để đối tượng có được công việc phù hợp.

Các hoạt động vận động nguồn lực đã được các cán bộ chính sách thực hiện nhưng chưa được hiểu quả, bởi vẫn còn nhiều người chưa tiếp cận được với hoạt động này hoặc đã tham gia nhưng chưa tìm kiếm được một công việc phù hợp. Tuy nhiên, không thể phủ nhận những thành công mà nó đem lại, nhờ thực hiện các hoạt động này mà cán bộ chính sách đã vận động người nghèo học nghề, kết nối được việc làm cho một số lượng nhất định.

Tóm lại, nếu phát huy được các hoạt động công tác xã hội trong thực hiện hỗ trợ giảm nghèo tại huyện Mường Lát đã được thực hiện, ở mỗi một hoạt động nó lại đem lại những kết quả khác nhau. Trong hoạt động tuyên truyền, các hoạt động kết nối đã giúp các cán bộ chính sách xã, thị trấn tạo được những thành công lớn, đưa thông tin về các chính sách giảm nghèo đến với đối tượng để họ biết được những nguồn lực có thể giúp họ học tập, làm việc, cải thiện mức sống. Không chỉ truyền tải những thông tin từ chính quyền địa phương, xã hội tới người nghèo, cán bộ chính sách còn giúp phản hồi những ý kiến đóng góp, thắc mắc của đối tượng về các chính sách giảm nghèo tới chính quyền để có những thay đổi linh hoạt phù hợp với tình hình thực tế. Trong hoạt động hỗ trợ đào tạo nghề và kết nối việc làm, các hoạt động kết nối cũng được thực hiện nhưng gặp nhiều khó khăn trở ngại hơn, bởi còn tùy thuộc vào điều kiện nhân lực, hiểu biết của hộ nghèo có đáp ứng được điều kiện của chương trình đào tạo không, khả năng tiếp thu kiến thức, khả năng đáp ứng công việc và còn có cả những khó khăn về nguồn lực hỗ trợ. Cũng tương tự như vậy, trong hoạt động thực hiện các chính sách giảm nghèo liên

quan đến tài chính, dù cán bộ chính sách có thể thực hiện được các hoạt động kết nối nhưng hoạt động đó có hiệu quả hay không còn tùy thuộc vào nguồn tài chính vận động được. Dù hiệu quả thực hiện các hoạt động kết nối của cán bộ chính sách trong các hoạt động thực hiện giảm nghèo khác nhau nhưng nhìn chung đã có những thành tựu nhất định, đem lại lợi ích cho người nghèo, bên cạnh đó cán bộ chính sách xã, thị trấn cũng cần phải khắc phục những nhược điểm, hạn chế còn tồn tại để các hoạt động kết nối được thực hiện toàn diện và chất lượng hơn.

2.3. Các yếu tố ảnh hưởng đến hoạt động công tác xã hội trong hỗ trợ giảm nghèo tại huyện Mường Lát

2.3.1. Yếu tố chính sách và pháp luật

Dù đã nhận định được tầm quan trọng của việc đưa công tác xã hội vào việc thực hiện các chính sách an sinh xã hội nói chung và chính sách giảm nghèo nói riêng, nhưng cho đến nay vẫn chưa có một quy định về chức năng, nhiệm vụ cụ thể nào được đưa ra để tạo hành lang pháp lý cho những nhân viên công tác xã hội được làm việc tại cấp cơ sở một cách chính thức. Khi chức năng, các hoạt động của công tác xã hội chưa được công nhận bằng văn bản pháp lý cụ thể thì rất khó để chính quyền, cán bộ chính sách thực hiện được các hoạt động của một người nhân viên công tác xã hội. Chủ yếu mới dừng ở khuôn khổ pháp lý từ trung ương, tỉnh về quy phạm pháp luật, đi sâu vào công việc chưa cụ thể hóa được, công việc cụ thể của nhân viên công tác xã hội phải làm gì, bố trí nhân lực ở đâu, kế hoạch triển khai cho ai, nội dung gì....., tất cả đang thực hiện công việc bởi cán bộ chính sách xã hội và các cấp đoàn thể.

Chị N.T.N cán bộ chính sách xã N chia sẻ: *“Không chỉ tôi mà cán bộ chính sách của các xã khác cũng rất khó khăn nếu muốn lồng ghép công tác xã hội vào công tác giảm nghèo, bởi văn bản quy định về nghề mới chỉ dừng lại ở cấp Trung ương, cấp tỉnh được thực hiện thông qua các kế hoạch tập huấn của huyện, ở cấp xã, thị trấn, hoàn toàn chưa có văn bản chính thức nào quy định về nghề công tác xã hội. Vậy người dân, người nghèo làm sao biết tới công tác xã hội, làm sao họ hiểu công tác xã hội là gì, cán bộ chính*

sách rất khó thực hiện các hoạt động của công tác xã hội nếu không có hành lang pháp lý bảo đảm cho họ hành nghề, mà thực tế hơn nữa nhiệm vụ phải đi đôi với lợi ích, với trách nhiệm nhưng chưa có cơ sở pháp lý nào để tạo điều kiện cho cán bộ phát huy” (Trích PVS cán bộ chính sách xã).

Người dân nói chung và đặc biệt là người nghèo sẽ chỉ hiểu được cán bộ chính sách đang giúp đỡ, hỗ trợ mình với các hoạt động là chính quyền địa phương. Các hoạt động của công tác xã hội đem lại lợi ích rất lớn cho người nghèo, đó không chỉ là sự hỗ trợ trước mắt về kết nối tài chính, y tế mà còn giúp người nghèo có được những nguồn lực giúp họ thoát nghèo bền vững, tiếp cận được với những dịch vụ xã hội cần thiết cho sự phát triển của gia đình họ.

Việc lồng ghép công tác xã hội vào thực hiện hỗ trợ giảm nghèo chỉ thông qua các buổi tập huấn với tần suất thưa thớt không đem lại hiệu quả cao. Những kiến thức mà cán bộ chính sách thu nạp được sau những buổi tập huấn chỉ là giới thiệu đầu mục những kiến thức cơ bản, sơ sài chứ chưa chuyên sâu, để áp dụng vào nghề là khá khó khăn. Tuy nhiên cũng không thể phủ nhận nỗ lực của các sở ban ngành khi luôn cố gắng liên kết, tổ chức các lớp tập huấn với mong muốn đem được công tác xã hội tới cộng đồng.

Vì vậy, để công tác xã hội được đưa về địa phương và thực hiện một cách chuyên nghiệp, trước tiên cần phải có những quy định về mặt pháp lý, những chính sách cụ thể của địa phương về hoạt động nghề chuyên nghiệp công khai, phổ biến rộng rãi để người dân nói chung và người nghèo nói riêng biết đến công tác xã hội, các hoạt động nhận ra những giá trị mà công tác xã hội đem lại. Từ đó đưa nghề công tác xã hội vào trong từng khía cạnh của đời sống người dân, giúp cho nền an sinh xã hội ngày càng bền vững và phát triển.

2.3.2. Yếu tố năng lực, nhận thức và thái độ của chính quyền và cán bộ chính sách tại địa phương

Yếu tố chuyên môn, năng lực cũng như thái độ của cán bộ chính sách địa phương tác động trực tiếp và mạnh nhất tới hiệu quả của việc đưa công tác xã hội vào thực hiện chính sách giảm nghèo. Sự quan tâm của các cấp chính

quyền trong việc quản lý, chỉ đạo tới công tác hỗ trợ sản xuất nông nghiệp cho hộ nghèo.

Bảng 2.15. Đánh giá sự quan tâm của các cấp chính quyền tới công tác hỗ trợ hộ nghèo tại huyện Mường Lát

STT	Sự quan tâm của các cấp chính quyền	Số lượng	Tỷ lệ (%)
1	Có nhưng không thường xuyên	8	6,7
2	Thường xuyên	112	93,3
3	Không bao giờ	0	0
Tổng		120	100,0

(Nguồn: Điều tra khảo sát tại huyện Mường Lát 2020)

Nhìn vào bảng biểu ta thấy, đa số hộ nghèo đều trả lời rằng các cấp chính quyền thường xuyên quan tâm tới việc cung cấp thông tin và công tác triển khai chính sách hỗ trợ vay vốn sản xuất chiếm 93,3%, và có nhưng không thường xuyên chỉ có 6,7%. Đặc biệt, không có hộ nào không bao giờ nhận được sự quan tâm của chính quyền và cán bộ chính sách tại địa phương. Điều đó cho thấy, chính quyền địa phương cũng đã có những hướng dẫn, chỉ đạo nhất định đối với công tác hỗ trợ cho hộ nghèo, có sự quan tâm và chỉ đạo sát sao đối với họ.

“Các cán bộ ở UBND mình tận tâm lắm em ạ, nhiều khi mình không hiểu họ lại phải giải thích cho mình mà họ không mắng mỏ mình đi đâu em ạ...” (Trích PVS người dân hộ nghèo).

“Các cán bộ thỉnh thoảng lại đến nhà mình chơi, hỏi han xem sau khi vay vốn cuộc sống của mình có thay đổi tốt lên nhiều hơn không...” (Trích PVS người dân hộ nghèo).

Bên cạnh đó, sự hỗ trợ của chính quyền đối với người nghèo về thủ tục vay vốn cũng là một trong những yếu tố tác động đến quá trình thực hiện vay vốn. Trên thực tế, dù thủ tục vay vốn đã được đơn giản hóa hơn, bớt những thủ tục rườm rà để tạo điều kiện cho các hộ gia đình nghèo có thể tiếp cận dễ dàng hơn với nguồn vốn hỗ trợ dựa trên đặc điểm và điều kiện của địa phương.

Đặc biệt là đối với việc gặp gỡ các hộ gia đình nghèo và giới thiệu, hướng dẫn thủ tục cho họ. Đây là việc làm mang ý nghĩa hỗ trợ trực tiếp cho người nghèo. Vì đây là một trong những hoạt động đầu quyết định đến việc các hộ nghèo có được tiếp cận với các nguồn vốn hay không. Có hoàn thiện hồ sơ một cách đầy đủ, hợp lệ thì các hoạt động tiếp theo mới có tiền đề để tiếp tục thực hiện, đưa nguồn vốn đến tận tay các hộ nghèo và hỗ trợ cho họ.

Bảng 2.16. Thống kê số lần làm việc của cán bộ chính sách xã với hộ nghèo, đang trong quá trình làm hồ sơ vay vốn tại huyện Mường Lát

Số lần làm việc với cán bộ	Dưới 3 lần	Từ 3 đến 5 lần	Trên 5 lần
Số lượt chọn	3	53	64

(Nguồn: Điều tra khảo sát tại huyện Mường Lát)

Kết quả điều tra cho thấy để hoàn thành thủ tục vay vốn, mỗi hội viên đều phải làm việc với cán bộ để có thể được hướng dẫn hoặc nhận sự hỗ trợ từ cán bộ ít nhất là 3 lần. Đây có thể là khó khăn trong việc làm hồ sơ thủ tục vì người dân không thực sự mong muốn phải gặp quá nhiều lần và làm việc với cán bộ. Tuy nhiên cán bộ địa phương và các bên liên quan tại chính quyền đã có sự linh động và quan tâm hỗ trợ giúp đỡ cho các hộ nghèo có thể hoàn thành thủ tục hợp lệ và nhanh chóng nhất. Cũng qua phỏng vấn, mọi người cảm thấy cán bộ rất nhiệt tình, chu đáo không gây khó dễ trong quá trình làm việc. Khi được hỏi về số lần làm việc với các hộ vay vốn tại các xã thuộc huyện, cán bộ trả lời: *“Đa phần chị đều làm việc với các hộ rất nhiều lần, có một số hộ không hiểu về quy trình thủ tục chị lại hẹn nó lên đây giải thích. Mặc dù khối lượng công việc khá nhiều nhưng chị vẫn tranh thủ khoảng thời gian ngày nghỉ để giúp đỡ, làm việc thêm với các hộ vay”* (Trích PVS cán bộ chính sách xã).

Tuy nhiên, đa số cán bộ chính sách tại các xã ở huyện Mường Lát đều đào tạo trái ngành công tác xã hội, thiếu kiến thức căn bản về công tác xã hội, cộng thêm khối lượng công việc lớn, địa bàn tiếp cận khó khăn sẽ rất khó để họ kiêm nhiệm thêm các hoạt động của một người nhân viên xã hội.

Nhận định này được tác giả rút ra từ kết quả phỏng vấn sâu cán bộ chính sách xã, *“Đa số cán bộ chính sách các xã huyện Mường Lát đều học trái ngành, chủ yếu là ngành quản trị nhân lực và ngành luật..... Vì vậy chúng tôi khi bước vào làm cán bộ chính sách đã là sự trái ngược, phải học lại từ đầu, cho đến bây giờ khi đã quen việc nhưng do khối lượng việc quá lớn, chúng tôi không có thời gian ngồi lại suy nghĩ nghiêm túc về việc lồng ghép công tác xã hội vào giảm nghèo nữa, cứ có chỉ thị hướng dẫn của cấp trên là thực hiện, có lớp tập huấn thì đi học rồi về truyền đạt cho dân được đến đâu hay đến đó”* (Trích PVS cán bộ chính sách xã).

Cán bộ chính sách địa phương một phần là do không biết hết tiếng dân tộc, không có kiến thức cơ bản về nghề sẽ khó nhận ra được giá trị thực sự của nghề, trong những hoạt động mà mong muốn của các cấp là lồng ghép được công tác xã hội vào thì đôi khi người thực hiện là cán bộ chính sách lại chỉ thực hiện nó như một hoạt động triển khai chính sách đơn thuần, thực hiện sai cách và sai mục đích mà công tác xã hội nhắm tới.

Bên cạnh đó, nhận thức của cán bộ chính sách về ý nghĩa, tầm quan trọng của công tác xã hội cũng là điều đáng nói. *“Một bộ phận cán bộ chính sách hay các đối tượng khác được tập huấn như tổ trưởng tổ các tổ chức đoàn thể, đoàn thanh niên...vẫn còn chưa nghiêm túc tham gia buổi tập huấn, họ đến buổi tập huấn với suy nghĩ đi cho có lệ, đi để điểm danh mà chưa hiểu được ý nghĩa thực sự của công tác xã hội và chưa biết được tầm quan trọng của nó, vì thế mà các buổi tập huấn được tổ chức rất lãng phí và không hiệu quả. Theo bản tôi nếu bản thân người cán bộ được đi tập huấn mà chưa tự ý thức về tầm quan trọng của buổi tập huấn, chưa nghiêm túc lắng nghe người truyền đạt, thu nạp kiến thức thì sẽ ảnh hưởng nghiêm trọng tới kết quả của việc thực hiện lồng ghép công tác xã hội vào giảm nghèo”* (Trích PVS cán bộ chính sách xã).

Như thực tế, không phải 100% cán bộ chính sách đi tập huấn về công tác xã hội với tinh thần học hỏi và chăm chú lắng nghe, rất ít người thực sự lắng nghe, tiếp thu kiến thức được truyền đạt. Phần đông họ tham gia các buổi tập huấn với suy nghĩ rằng *“buổi tập huấn này không quan trọng, không liên*

quan tới công việc chuyên môn của mình”, hoặc “đi tập huấn những kiến thức không đâu, mất hết cả thời gian làm việc”. Cần phải nghiêm khắc chấn chỉnh những suy nghĩ sai hướng và thiếu trách nhiệm đó để các buổi tập huấn đạt được hiệu quả như mong đợi, tránh gây lãng phí kinh phí, thời gian mà không thu được kết quả như mong đợi.

2.3.3. Yếu tố nhận thức của người nghèo ảnh hưởng đến các hoạt động công tác xã hội trong hỗ trợ giảm nghèo tại huyện Mường Lát

Trình độ văn hóa của người nghèo đóng một vai trò quan trọng có tác động đến việc thực hiện các chính sách. Trước kia, người nghèo còn sống trong lạc hậu, không có nhiều cơ hội tiếp cận với các lý thuyết, kiến thức mới mà chỉ bị giới hạn quanh lối sinh hoạt, sản xuất nghèo nàn lạc hậu nên việc tiếp cận với sự hỗ trợ vốn luôn gặp nhiều khó khăn. Ngày nay khi xã hội phát triển hơn, những sự tiếp cận của người nghèo cũng dần rộng mở thì họ bắt đầu có những tầm nhìn xa hơn và chiến lược hơn về việc phải làm ăn kinh tế như thế nào để thoát nghèo, đóng góp và được thể hiện quyền lợi chính đáng của mình trong xã hội. Như vậy có thể thấy trình độ văn hóa cũng có sự tác động lớn đến quá trình thực hiện chính sách hỗ trợ giảm nghèo tại địa phương. Đối với các hộ có trình độ văn hóa mức phổ thông (hết lớp 12), đa số các hộ này đều đạt được hiệu quả tốt sau khi được cung cấp nguồn vốn hỗ trợ cho việc phát triển kinh tế, vươn lên thoát nghèo. Tỷ lệ này chiếm 60% số hộ đang sử dụng vốn hiệu quả.

“Những hộ có người biết chữ họ cũng lĩnh hội nhanh hơn về cả trình tự thủ tục cũng như nắm bắt kiến thức, thông tin kịp thời. Dù sao thì có kiến thức vẫn hơn chứ” (Trích PVS cán bộ chính sách xã).

Những đối tượng là người nghèo được khảo sát trong luận văn này đều chưa được biết đến công tác xã hội chuyên nghiệp, họ chỉ nghĩ những sự trợ giúp họ nhận được từ cán bộ chính sách là hỗ trợ của chính quyền địa phương dưới hình thức cho thì nhận đơn thuần.

“Công tác xã hội còn là một khái niệm quá mới với người nghèo mà đặc biệt với vùng sâu vùng xa, cộng đồng và mới với ngay cả bản thân cán bộ chúng tôi, nhất là ở những xã vùng cao biên giới như huyện Mường Lát. Qua

tập huấn mới biết, thực ra những điều mình làm hàng ngày trong công việc đã nhen nhóm những kỹ năng, nghiệp vụ của công tác xã hội, chỉ là tôi không nghĩ những điều gần gũi đó lại là một nghề chuyên nghiệp giúp ích cho việc hỗ trợ về giảm nghèo cũng như các nội dung khác. Vì thế để người nghèo biết đến và hiểu được công tác xã hội còn là điều xa xôi, mơ hồ và cần có quãng thời gian dài truyền thông, đưa dần dần những hiểu biết về công tác xã hội tới người nghèo, để chúng ta có thể thực hiện công tác xã hội một cách chuyên nghiệp và để người nghèo nhận thức được họ đang được trợ giúp một cách chuyên nghiệp, vai trò của họ, họ đang ở đâu với xã hội hiện nay, cần sự nỗ lực từ cả hai phía chính quyền và bản thân họ, chứ không đơn thuần là cơ chế xin - cho rồi có cái dùng qua ngày” (Trích PVS cán bộ chính sách xã).

Nhận thức của người nghèo vẫn bị bó hẹp trong hai chữ mà lâu nay thường gặp là chữ xin và cho mà không biết được rằng họ được quyền tìm hiểu, được hỗ trợ kết nối với những nguồn lực về tài chính, y tế, nghề nghiệp, tâm lý, giáo dục năng cao nhận thức v.v... Điều này dẫn đến cuộc sống của họ đã thiếu thốn so với mặt bằng chung của cộng đồng lại càng thiệt thòi khi có nguồn lực hỗ trợ mà không được biết đến để kết nối. Thêm vào đó, tâm lý của họ luôn nghĩ mình thấp kém, nghèo, hèn, không dám đòi hỏi quyền lợi dẫn đến việc họ không biết hết được những lợi ích mà nếu được tiếp cận họ sẽ có thể thoát nghèo cũng là một khó khăn để đưa hoạt động công tác xã hội vào phổ biến trong đời sống của người nghèo.

Với những chương trình được kết nối các hoạt động, đôi khi họ không tận dụng được hết lợi ích mà nó đem lại. Họ chưa quan tâm thực sự đến quyền lợi mà mình nhận được, còn rụt rè, tự ti về bản thân hay còn kỳ thị được cho khi nhận được những nguồn lực hỗ trợ thoát nghèo. Nếu nhận thức của người nghèo vẫn còn bị bó hẹp trong cái khung nêu trên, không dám phá bỏ thì việc đưa công tác xã hội vào công tác giảm nghèo là rất khó khăn. Cần giúp họ thay đổi những suy nghĩ cố hữu về khả năng của bản thân để họ mở lòng đón nhận những nguồn lực hỗ trợ họ để tự vươn lên thoát nghèo.

Để làm được điều đó, cần rất nhiều sự nỗ lực của phía chính quyền địa phương, các cấp chính quyền, các cộng tác viên tại các thôn, bản tuyên truyền

manh mẽ, động viên nâng cao sự tự tin vào bản thân để người nghèo hiểu thêm về công tác xã hội và những lợi ích mà công tác xã hội đem lại.

Qua kết quả khảo sát và tổng hợp bảng hỏi ta có kết quả về nguyên nhân nghèo cơ bản ở nhóm hộ điều tra như sau:

Bảng 2.17. Nguyên nhân dẫn đến nghèo của nhóm hộ điều tra

	Nguyên nhân	Số hộ (hộ)	Tỷ lệ (%)
1.	Không tìm được việc làm	15	12,6
2.	Thiếu vốn sản xuất	22	18,4
3.	Già yếu mất sức lao động	10	8,3
4.	Do ốm đau, tàn tật, tai nạn, hoả hoạn	11	8,4
5.	Đông con	21	17,5
6.	Thiếu kinh nghiệm sản xuất, do di dân tự do	31	25,8
7.	Tệ nạn xã hội	2	1,66
	Nguyên nhân khác	8	6,6

(Nguồn: Số liệu khảo sát điều tra tại huyện năm 2020)

Kết quả khảo sát thì nguyên nhân hộ nghèo được phản ánh như sau:

- Lao động nhưng không tìm được việc làm có 15 hộ chiếm tỷ lệ 12,6 % trong tổng số hộ khảo sát.

- Thiếu vốn sản xuất có 22 hộ chiếm tỷ lệ 18,4 % trong tổng số hộ khảo sát.

- Già yếu mất sức lao động có 10 hộ chiếm tỷ lệ 8,3% trong tổng số hộ khảo sát.

- Do ốm đau, tàn tật, tai nạn, hoả hoạn có 11 hộ chiếm tỷ lệ 8,4% trong tổng số hộ khảo sát.

- Đông con có 21 hộ chiếm tỷ lệ 17,5% trong tổng số hộ khảo sát.

- Thiếu kinh nghiệm sản xuất có 31 hộ chiếm tỷ lệ 25,8% trong tổng số hộ khảo sát.

- Tệ nạn xã hội (cờ bạc, rượu chè, nghiện hút...) có 2 hộ chiếm tỷ lệ 1,66% trong tổng số hộ khảo sát.

- Các nguyên nhân khác có 8 hộ chiếm tỷ lệ 6,6% trong tổng số hộ khảo sát.

Thực tế có hộ nghèo chỉ do một nguyên nhân, nhưng cũng có nhiều hộ do hai, ba nguyên nhân dẫn đến nghèo. Trong đó, thiếu vốn và kinh nghiệm sản xuất là nguyên nhân chủ yếu với tỷ lệ cao lần lượt là 18,4% và 25,8%. *“Đa phần các hộ nghèo ở địa phương đều thiếu vốn, thiếu kinh nghiệm sản xuất. Họ có sức lao động nhưng không có vốn để phát huy hết khả năng lao động sẵn có, bên cạnh đó, do không có điều kiện nên việc tiếp cận với các kiến thức về phương thức sản xuất mới, các phương pháp khoa học chưa được tiếp cận, trình độ còn hạn chế, vẫn giữ các phương pháp thủ công và tập quán canh tác cũ, lạc hậu từ xa xưa để lại. Trong các nguyên nhân tệ nạn xã hội và nguyên nhân khác lần lượt chiếm 1,66% và 6,6% trong đó có việc nghèo do các hủ tục đám ma, cưới hỏi để lại. Cụ thể ví dụ cho thấy nhà có người qua đời họ thường để thờ phụng rất lâu trong nhà, đối với người Mông có rất nhiều dòng họ khác nhau. Tuy nhiên có dòng họ theo phong tục tập quán để lại 7 ngày với nam và 9 ngày với nữ, gây mất ảnh hưởng môi trường và tốn kém, vì khi người mất nằm xuống là trong nhà mổ bò mổ lợn hàng ngày gây tốn kém dẫn đến đã nghèo còn nghèo hơn”* (Trích PVS cán bộ chính sách huyện).

Một nguyên nhân khá quan trọng nữa là do tập quán di cư tự do của người dân nơi đây. Phong tục di cư tự do được bắt nguồn từ một số đồng bào dân tộc Mông từ Trung Quốc sang từ xa xưa. *“Họ sang bên đất nước ta nó sống hoang dã như con mèo ấy, đất chỗ nào mầu mỡ nó trông ngô, khi nào hết thì bỏ đi, nó trông lúa và trông ngô như con mèo đi vệ sinh ấy, khi nào chỗ đó hết nước họ lại đi”* (Trích PVS người dân hộ nghèo).

Như vậy, yếu tố văn hóa và phong tục tập quán và lối sống di dân cũng ảnh hưởng đến việc ổn định dân cư, từ đó ổn định phát triển kinh tế vươn lên cho thoát nghèo.

TIỂU KẾT CHƯƠNG 2

Thực trạng việc vận dụng các hoạt động của công tác xã hội trong hỗ trợ giảm nghèo tại huyện Mường Lát tỉnh Thanh Hóa cho thấy công tác xã hội đã bắt đầu được thực hiện trong các hoạt động của hỗ trợ giảm nghèo. Nhưng trong các hoạt động khác nhau mỗi hoạt động lại đạt được những hiệu quả riêng, cụ thể như các hoạt động kết nối các nguồn lực được vận dụng trong tất cả các hoạt động và đạt được hiệu quả cao trong hoạt động tuyên truyền về giảm nghèo và kết nối đào tạo nghề, việc làm. Nhờ thực hiện các hoạt động kết nối mà người nghèo đã được tiếp cận với các thông tin, chính sách, chương trình và nguồn lực hỗ trợ họ giảm nghèo. Các hoạt động vận động nguồn lực cũng góp phần trong hoạt động tuyên truyền, nhưng đạt kết quả tốt và rõ ràng hơn trong hoạt động đào tạo nghề, kết nối việc làm và hỗ trợ tài chính thông qua việc vận động các nguồn lực như cơ sở đào tạo và sử dụng lao động, nguồn vốn cho các hoạt động tài chính và cả nguồn nhân lực hỗ trợ trong công tác giảm nghèo. Các hoạt động tuyên truyền nâng cao nhận thức bước đầu cũng được thực hiện nhưng chưa rõ nét và độ bao phủ chưa cao, tuy nhiên hoạt động này cũng đã giúp cán bộ chính sách, người nghèo đem lại những quyền lợi giúp người nghèo hiểu biết thêm những kiến thức hữu ích cho cuộc sống và mục tiêu thoát nghèo của họ.

Nhìn chung, công tác xã hội đã có bước khởi đầu và có dấu hiệu phát triển tích cực trong việc thực hiện hỗ trợ giảm nghèo tại huyện Mường Lát. Nhưng do chưa có nhân viên xã hội chính thức, chuyên nghiệp, người thực hiện các hoạt động của công tác xã hội là các cán bộ chính sách chỉ được tập huấn về công tác xã hội chứ không được đào tạo bài bản nên việc thực hiện còn mơ hồ, chưa chuyên nghiệp. Bên cạnh đó trình độ dân trí thấp, các hủ tục lạc hậu, điều kiện tự nhiên khó khăn cũng là một trong những trở ngại đối với công tác giảm nghèo của huyện Mường Lát. Từ những thực trạng trên, tác giả sẽ đưa ra kết luận và đóng góp những ý kiến của mình qua những giải pháp nhằm nâng cao các hoạt động của công tác xã hội trong hỗ trợ giảm nghèo tại huyện Mường Lát ở phần sau.

CHƯƠNG 3

CÁC GIẢI PHÁP NHẪM NÂNG CAO HOẠT ĐỘNG CÔNG TÁC XÃ HỘI TRONG HỖ TRỢ GIẢM NGHÈO TẠI HUYỆN MƯỜNG LÁT

Nhóm giải pháp nhằm nâng cao hoạt động công tác xã hội trong hỗ trợ giảm nghèo tại huyện Mường Lát

Từ những thực trạng và các yếu tố ảnh hưởng đến việc thực hiện các hoạt động công tác xã hội đối với hỗ trợ giảm nghèo như đã nêu ở Chương một và chương hai. Sau đây tác giả đưa ra nhóm giải pháp để nâng cao các hoạt động của công tác xã hội trong hỗ trợ giảm nghèo để ngày càng được thực hiện hiệu quả hơn, phát huy hết các hoạt động ý nghĩa của nó, đồng thời đánh giá được những mặt ưu khuyết điểm, hạn chế để có những phương pháp trong thời gian tiếp theo.

1.1. Giải pháp chung

Từ kết quả đánh giá thực trạng các hoạt động công tác xã hội trong hỗ trợ giảm nghèo và thực trạng các yếu tố tác động tới thực trạng thực hiện các hoạt động công tác xã hội trong giảm nghèo, tác giả đưa ra những giải pháp chung nhằm nâng cao các hoạt động của công tác xã hội trong việc hỗ trợ giảm nghèo tại huyện Mường Lát.

- Giải pháp về chính sách

Từ thực tế cho thấy chính sách giảm nghèo còn những hạn chế cần phải khắc phục. Số lượng văn bản quá nhiều và còn bị chồng chéo về nội dung khiến cho cán bộ chính sách gặp khó khăn trong thực hiện. Các cấp chính quyền cần xem xét, sửa đổi, ban hành những chính sách giảm nghèo rõ ràng về nội dung, tránh tình trạng một chính sách đưa ra lại có thêm nhiều văn bản Thông tư hướng dẫn kèm theo. Trong quá trình thực thi chính sách cần tiếp thu những phản hồi của người dân về những điểm cứng nhắc, bất cập của chính sách, nhiều cái ko sát với thực tế địa phương, xác minh lại và đưa ra những sửa đổi cho phù hợp với tình hình thực tế để việc thực hiện chính sách được linh hoạt hơn.

Bên cạnh những chính sách về giảm nghèo, những chính sách cụ thể cũng đã được ban hành để đưa công tác xã hội trở thành một nghề chuyên nghiệp trong các lĩnh vực đời sống xã hội, tuy nhiên mới chỉ dừng lại ở cấp Trung ương, hiện nay ngoài việc huyện triển khai các kế hoạch để thực hiện đề án 32 thì cấp xã, thị trấn vẫn chưa có văn bản cụ thể quy định về chức năng nhiệm vụ của nhân viên xã hội trong hỗ trợ giảm nghèo, cán bộ chính sách (đóng các hoạt động nhân viên xã hội) không thể thực hiện các hoạt động của mình một cách rõ ràng, chính thức. Đây là yếu tố khó khăn tác động lớn nhất trong việc thực hiện các hoạt động của công tác xã hội với đối tượng là người nghèo.

Để công tác xã hội được bao phủ rộng rãi hơn, chính quyền tại địa phương cần đưa ra những quy định cụ thể về việc thực hiện các hoạt động của công tác xã hội trong công tác giảm nghèo, phổ biến rộng rãi tới người dân để tạo hành lang pháp lý và môi trường xã hội thuận lợi để người thực hiện các hoạt động xã hội có thể thuận lợi cung cấp các dịch vụ công tác xã hội cho đối tượng. đồng thời địa phương phải thực hiện cách cầm tay chỉ việc chứ không lý thuyết được. như vậy người nghèo sẽ nắm bắt được thực tiễn hơn.

- Giải pháp về nhân viên xã hội

Kết quả nghiên cứu chỉ ra rằng, có được nhân viên công tác xã hội chuyên nghiệp để thực hiện các hoạt động hỗ trợ về giảm nghèo cho huyện Mường Lát lúc này là khá quan trọng, bởi vì người thực hiện các hoạt động của công tác xã hội tại các xã thuộc huyện Mường Lát hiện nay chỉ có cán bộ chính sách và họ cũng chỉ được học hỏi kiến thức về công tác xã hội qua các buổi tập huấn. Với khối lượng công việc quá nhiều, cộng thêm không có nền tảng về công tác xã hội khiến các cán bộ chính sách không thường xuyên áp dụng được các hoạt động công tác xã hội vào hoạt động giảm nghèo và chưa chuyên nghiệp hóa.

Mục tiêu đào tạo kiến thức công tác xã hội của các buổi tập huấn không chỉ có cán bộ chính sách mà còn bao gồm những người công tác trong các ban ngành đoàn thể như: tổ trưởng tổ dân phố, hội viên hội chữ thập đỏ, hội viên hội phụ nữ, đoàn thanh niên..., vì thế cần huy động những nguồn nhân lực

này để tạo được mạng lưới các nhân viên xã hội từ trong cụm dân cư nơi gần dân nhất cho tới nhân viên xã hội trong các ban ngành đoàn thể, chính quyền địa phương. Thực hiện được điều đó sẽ giúp cán bộ chính sách bớt đi gánh nặng công việc và quan trọng hơn là nắm bắt được tình trạng của đối tượng, tâm tư, nguyện vọng của họ thông qua các nhánh công tác xã hội nhỏ trong từng cụm dân cư để kịp thời trợ giúp một cách toàn diện.

Tổ chức các lớp tập huấn khác nhau phù hợp với trình độ, tầm quan trọng của người được tập huấn trong việc thực hiện các hoạt động công tác xã hội trong cộng đồng. Cụ thể, đối với đối tượng là tổ trưởng tổ dân phố, hội viên hội chữ thập đỏ, hội viên hội phụ nữ, đoàn thanh niên... bước đầu cần đạt được thành công trong việc giúp họ biết được công tác xã hội là gì, các hoạt động của công tác xã hội trong việc thực hiện chính sách giảm nghèo nói riêng và trong các lĩnh vực đời sống xã hội nói chung quan trọng như thế nào, cung cấp cho họ những kiến thức cơ bản để nhận biết đối tượng của công tác xã hội là những ai, cách tiếp cận, xử lý ban đầu như thế nào. Giảng viên đứng giảng những lớp tập huấn này có thể là những giảng viên chuyên ngành công tác xã hội của các trường đại học, lãnh đạo của Trung tâm cung cấp dịch vụ công tác xã hội, hay là lãnh đạo các phòng ban chuyên môn của các sở, ban, ngành liên quan đến lĩnh vực tập huấn.

Đối với đối tượng tập huấn là cán bộ chính sách địa phương, cần có những lớp tập huấn đi sâu vào chuyên môn hơn chứ không chỉ là những kiến thức chung. Cần mở các lớp đào tạo chuyên sâu về công tác xã hội cho các cán bộ chính sách địa phương, từ kiến thức, kỹ năng, đạo đức nghề, cho đến các bước tiến trình cụ thể khi thực hiện một ca theo cách chuyên nghiệp. Cán bộ chính sách địa phương cần được đào tạo một cách bài bản, chi tiết như một người làm nghề công tác xã hội chuyên nghiệp, chứ không nên chỉ dừng lại những lý thuyết đơn thuần. Giảng viên tham gia vào giảng dạy, đào tạo những lớp này phải cần đến những người vừa có thâm niên giảng dạy lâu năm về công tác xã hội vừa là những người có bề dày kinh nghiệm về thực hành công tác xã hội trong đời sống thực tế, cũng có thể là những người có thâm niên làm nhân viên công tác xã hội. Những người có chiều rộng kiến thức về công tác xã hội, có bề dày kinh nghiệm trong nghề như họ mới có thể truyền đạt

những kiến thức, kỹ năng, kinh nghiệm giá trị nhất trong thực hành nghề công tác xã hội cho các cán bộ chính sách địa phương.

Bên cạnh việc đa dạng hóa công tác xã hội, cung cấp hỗ trợ cho đối tượng đi tập huấn, đào tạo kiến thức về công tác xã hội một cách bài bản, cần cho họ thực hành sắm vai trong các tình huống giả định ngay tại lớp đào tạo hay buổi tập huấn để họ hiểu rõ hơn về lý thuyết, có kinh nghiệm để thực hành. Tránh tình trạng tổ chức các buổi tập huấn không chất lượng, mang tính hình thức gây tốn kém.

Sau các lớp tập huấn, đào tạo cần có những bài kiểm tra kiến thức để xác định xem đối tượng đi tập huấn, đào tạo có tiếp thu đầy đủ, chất lượng những kiến thức được truyền đạt hay không. Riêng với đối tượng là các cán bộ chính sách xã cần có những bài kiểm tra định kỳ, đơn vị tổ chức là Sở Lao động thương binh và xã hội, Phòng Lao động Xã hội, việc này vừa để kiểm tra kiến thức của họ, vừa giúp họ tự giác trau dồi liên tục những kiến thức, kỹ năng về công tác xã hội, có như vậy mới đem lại hiệu quả, thành công trong việc đưa công tác xã hội vào mọi mặt đời sống, mà đối tượng được thụ hưởng là nhân dân và người nghèo.

Thực tế nhiều người đi tập huấn về công tác xã hội còn chưa nghiêm túc, chưa coi trọng nội dung tập huấn. Phải tăng cường truyền thông sâu rộng hơn nữa để thay đổi ý thức để họ nhận thấy các hoạt động của công tác xã hội là thực sự quan trọng trong việc thực hiện chính sách giảm nghèo và cả các công tác khác như dân số, trẻ em, bình đẳng giới...

- Giải pháp về về bản thân người nghèo

Để thành công trong giảm nghèo cần có sự hợp tác từ hai phía, phía hỗ trợ (bao gồm cán bộ chính sách, các ban ngành đoàn thể, mạnh thường quân, doanh nghiệp, cộng đồng dân cư) và phía được hỗ trợ. Bên cạnh những nỗ lực của phía hỗ trợ thì bản thân người nghèo cũng phải tự xác định được những ưu điểm của bản thân để phát huy và nhược điểm để sửa chữa, loại bỏ. Khi được trao sự tin tưởng và được kết nối với các nguồn lực, người nghèo cần phải cố gắng nỗ lực không ngừng để đem lại cho bản thân và gia đình cuộc sống khấm khá hơn.

Thay đổi cách suy nghĩ, cách nhìn nhận vấn đề theo hướng tích cực, thường xuyên tiếp nhận những thông tin hữu ích cho cuộc sống cũng là một cách để người nghèo thoát “nghèo trong tư duy mỗi người”, “Nghèo do số phận định đoạt”

Hộ nghèo, người nghèo sẵn sàng loại bỏ những tư duy cũ, những hủ tục lạc hậu từ đời xưa để lại, cái gì không phù hợp thì nên loại bỏ để áp dụng những cái mới vào cuộc sống và tương lai con cháu sau này.

Tạo điều kiện tối đa để con em được đi học, đặc biệt là được theo học các trường nghề cao như Đại học, cao đẳng để thế hệ sau nắm bắt được các nền khoa học tiên tiến hơn, những nghề có thể sát thực hơn để áp dụng khoa học kỹ thuật vào đời sống sinh hoạt hàng ngày, tạo nên những sản phẩm cao về chất cũng như lượng để bán ra thị trường, xuất khẩu sang nhân dân nước bạn Lào tạo thêm thu nhập vươn lên thoát nghèo.

- Giải pháp về tuyên truyền nâng cao nhận thức cho người nghèo và cộng đồng

Không thể phủ nhận, cộng đồng dân cư là nguồn lực hỗ trợ lớn của hoạt động hỗ trợ giảm nghèo, nhưng nguồn lực này vẫn chưa được tận dụng hết khả năng của nó. Trước tiên cần thay đổi suy nghĩ của nhân dân về việc đóng góp ủng hộ người nghèo, lối mòn trong tư duy khiến họ hiểu lầm rằng đây là hoạt động từ thiện và việc họ làm để hỗ trợ người nghèo chỉ là ủng hộ tiền mặt, thực phẩm.... Cần cho họ hiểu rằng đây không chỉ đơn thuần là hành động ủng hộ người yếu thế trong xã hội (Thời vụ) mà là trách nhiệm của mỗi công dân Việt Nam ai cũng phải nên có, cùng chung tay với chính quyền trong việc đảm bảo an sinh xã hội.

Tuyên truyền sâu, rộng về hoạt động công tác xã hội để người làm công tác xã hội và người dân có cái nhìn đầy đủ, tích cực về ngành công tác xã hội và những lợi ích mà nó đem lại cho xã hội.

Bên cạnh đó, nguồn nhân lực từ cộng đồng các dân tộc cũng cần được huy động để tạo cho người nghèo một môi trường sống gần gũi, chan hòa yêu thương, không khoảng cách, không phân biệt đối xử. Mỗi người trong cộng đồng chỉ cần góp những nụ cười, những lời hỏi thăm, lời động viên cũng đã là

cùng chung tay với chính quyền và xã hội thu hẹp khoảng cách giàu nghèo, xóa nhòa mặc cảm của người nghèo, đưa họ lại gần hơn với mọi người xung quanh, gần hơn với những nguồn lực có thể hỗ trợ họ.

Tuyên truyền để nhân dân hiểu về chính sách ưu việt của Đảng và Nhà nước ta đối với chính sách nhân văn cho con người, động viên nhân dân bỏ các hủ tục lạc hậu, không di cư tự do làm ảnh hưởng đến môi trường và chưa an cư sẽ không lập nghiệp được.

1.2 Các giải pháp cụ thể

1.2.1. Giải pháp nhằm nâng cao các hoạt động kết nối, tuyên truyền nâng cao nhận thức trong hỗ trợ giảm nghèo tại huyện Mường Lát

Từ thực tiễn chương 2 phân tích cho thấy kết nối nguồn lực là hoạt động đặc biệt quan trọng, nó xuất hiện trong tất cả các hoạt động hỗ trợ chính sách giảm nghèo của huyện Mường Lát và cũng là hoạt động đang được thực hiện hiệu quả nhất. Tuy nhiên, dù độ bao phủ rộng nhưng vẫn chưa phải là toàn diện, vẫn có ý kiến người dân phản ánh rằng họ không được kết nối với các thông tin về chính sách dành cho người hay chưa được kết nối để học nghề, hỗ trợ việc làm.

Để khắc phục tình trạng đó trong hoạt động tuyên truyền, trước tiên người cán bộ chính sách địa phương cần thường xuyên rà soát xem đối tượng là người nghèo có nắm bắt được thông tin mình tuyên truyền hay không. Với những lý do khách quan như nhà không có thiết bị để tiếp nhận thông tin, cán bộ chính sách nên đến tận nhà để tuyên truyền cho đối tượng.

Phát huy những thành tựu đã đạt được, tiếp tục đẩy mạnh công tác tuyên truyền để kết nối những thông tin bổ ích tới người nghèo. Bên cạnh đó cần biên soạn nội dung thông tin tuyên truyền ngắn gọn, xúc tích, dễ hiểu để người nghèo, người dân tộc thiểu số miền núi dễ tiếp nhận thông tin nhanh, đầy đủ và chính xác nhất.

Với những ý kiến người nghèo phản ánh cán bộ không cung cấp thông tin đầy đủ, không nhiệt tình giải thích, chính quyền địa phương cần nghiêm khắc chấn chỉnh, tuyệt đối không được để người cán bộ chính sách lơ là, không làm tròn nhiệm vụ của mình. Bản thân người cán bộ chính sách cũng

cần phải nghiêm túc nhận thức về các hoạt động kết nối của công tác xã hội trong hoạt động tuyên truyền giảm nghèo, không được chủ quan, hời hợt trong thực hiện bởi thông tin là một mắt xích quan trọng trong công tác giảm nghèo, thiếu thông tin dẫn tới việc người nghèo thiếu kiến thức, thiếu những hiểu biết về các chính sách hỗ trợ giảm nghèo, bị bó hẹp suy nghĩ và xa rời đời sống thực tế cũng như cộng đồng dân cư.

Hoạt động hỗ trợ đào tạo nghề, giới thiệu việc làm và hỗ trợ về tài chính còn gặp nhiều khó khăn, vậy nên cán bộ chính sách cùng chính quyền địa phương cần kết nối nhiều hơn những đơn vị tổ chức đào tạo nghề và giới thiệu việc làm, các đơn vị, cá nhân hỗ trợ về tài chính. Tận dụng những tổ chức, doanh nghiệp, Mạnh thường quân đang hoạt động trên địa bàn tỉnh, huyện, hay cả những mối quan hệ riêng của lãnh đạo địa phương, của cán bộ chính sách.

Theo chị C.T.Y - cán bộ chính sách xã C để nâng cao hiệu quả của hoạt động hỗ trợ đào tạo nghề và kết nối việc làm cần “Thực hiện sàng lọc, đánh giá và chọn ra những nghề có thời gian đào tạo không quá dài, sau đào tạo tìm được việc ngay và tạo ra thu nhập luôn để người nghèo dễ dàng chấp thuận việc được kết nối để học nghề và giới thiệu việc làm. Tránh những nghề có thời gian đào tạo quá lâu, khó xin việc và lâu thu hồi lại vốn, sẽ rất dễ khiến người nghèo nhanh nản, không tin tưởng vào tính khả thi của việc kết nối”.(PVS)

1.2.2. Giải pháp nhằm nâng cao các hoạt động vận động nguồn lực trong hỗ trợ giảm nghèo tại huyện Mường Lát

Hoạt động vận động nguồn lực của công tác xã hội đã được thực hiện nhưng gặp rất nhiều khó khăn, bởi phần lớn cộng đồng vẫn quan niệm việc ủng hộ người nghèo chỉ thực hiện trong những phong trào được chính quyền địa phương phát động, chứ chưa có nhận thức trong việc hỗ trợ người nghèo với những kế hoạch lâu dài, bền vững.

Để khắc phục tình trạng này, cán bộ chính sách và chính quyền địa phương cần đẩy mạnh hơn nữa công tác tuyên truyền về ý nghĩa của các hoạt động vận động nguồn lực của công tác xã hội trong công tác giảm nghèo, giải

thích chi tiết cho cộng đồng về tác dụng của việc hỗ trợ lâu dài nếu thực hiện thành công.

Có thể đề xuất phương án các tổ chức, cá nhân đầu tư cho người nghèo học nghề và cam kết sau đó họ sẽ phải làm việc cho tổ chức, cá nhân đó trong một thời gian để trả một phần số tiền họ được hỗ trợ để học nghề, vừa để tổ chức, cá nhân có thêm nguồn nhân lực cho hoạt động sản xuất.

Theo tác giả, bên cạnh việc vận động những nguồn lực từ bên ngoài, cán bộ chính sách đồng thời phải luôn gần gũi, chia sẻ, động viên, người dân giúp họ ý thức, nỗ lực vươn lên thoát nghèo, có niềm tin và quyết tâm thay đổi cuộc sống. Tìm hiểu, khơi gợi những khả năng tiềm ẩn của đối tượng, giúp họ phát huy những tố chất đó, góp ích cho kế hoạch thoát nghèo bền vững của họ. Vận động được nguồn lực từ chính bản thân đối tượng là đã vận động được nguồn lực lâu dài và quý giá nhất.

Hơn thế nữa, không chỉ chú trọng vào vận động được nhiều nguồn lực, người cán bộ chính sách cũng cần vạch ra những kế hoạch để sử dụng một cách hiệu quả nhất những nguồn lực đã vận động được, tránh gây lãng phí nguồn lực, sử dụng không đúng mục đích, không hiệu quả. Khi có nhiều đối tượng đang cần được hỗ trợ, cán bộ chính sách phải cân nhắc, tính toán sao cho đối tượng nhận được hỗ trợ từ nguồn lực phù hợp với họ nhất, có thể lồng ghép sử dụng đan xen nhiều nguồn lực trong các kế hoạch để đối tượng được hỗ trợ toàn diện hơn.

1.2.3. Giải pháp nhằm nâng cao hoạt động kết nối cộng đồng trong hỗ trợ giảm nghèo tại huyện Mường Lát

Cũng giống như các hoạt động nêu trên, các hoạt động hỗ trợ kết nối cộng đồng còn rất lạ lẫm đối với các cán bộ chính sách và cộng đồng, vì thế cũng cần phải đẩy mạnh công tác tuyên truyền để cộng đồng hiểu được bản chất của hoạt động hỗ trợ cộng đồng, tránh gây hiểu nhầm để người nghèo không cảm thấy bị coi thường.

Theo chị L.T.M – cán bộ chính sách xã A để thực hiện được các hoạt động này: *“Người cán bộ chính sách phải có một lượng kiến thức hiểu biết rộng, phải luôn học hỏi, trau dồi kiến thức ở đa dạng các lĩnh vực, không chỉ*

biết qua mà còn phải am hiểu tường tận và thông qua các già làng, trưởng bản để có thể truyền đạt những kiến thức có ích, cần thiết nhất cho người nghèo (PVS cán bộ CS).

Ngay từ đầu hay trong quá trình thực hiện các hoạt động này, người cán bộ chính sách phải rất thận trọng khi sử dụng ngôn ngữ, cách thức biểu đạt và đặc biệt là thái độ truyền đạt để người nghèo cảm thấy thoải mái nhất có thể khi tiếp nhận kiến thức, tuyệt đối không được để họ hiểu lầm rằng cán bộ đang “dạy dỗ” mình.

Để thực hiện hoạt động hỗ trợ cộng đồng nâng cao nhận thức một cách chuyên nghiệp, theo tác giả người cán bộ phải luôn giữ thái độ tôn trọng đối tượng, không được đánh giá, hành xử với họ phụ thuộc vào cảm xúc của bản thân hay qua khả năng tiếp thu kiến thức của họ. Trên hết, người cán bộ phải thực hiện các hoạt động này với sự chuyên nghiệp của người được tiếp cận với công tác xã hội, chuẩn mực khi cung cấp kiến thức và với tâm lòng của một người nhân viên công tác xã hội.

Bên cạnh đó, cán bộ chính sách nên đề xuất với lãnh đạo địa phương để thường xuyên tổ chức các buổi tuyên truyền ở nhiều lĩnh vực khác nhau bổ sung thêm những kiến thức thực tế, mới nhất cho người dân và cộng đồng, đó vừa là cơ hội để người nghèo tiếp nhận thêm kiến thức, vừa là cơ hội để họ giao lưu với cộng đồng xung quanh, thay đổi lối sống thu mình của họ.

TIỂU KẾT CHƯƠNG 3

Như vậy có thể khẳng định rằng việc áp dụng công tác xã hội trong hỗ trợ giảm nghèo là điều rất quan trọng. Thông qua những đánh giá và giải pháp được đưa ra trong Chương 3 được dựa trên những nội dung, thực trạng, yếu tố ảnh hưởng của chương 1 và chương 2. Mục đích nhằm áp dụng, nâng cao kiến thức về công tác xã hội đối với cán bộ và nhân dân huyện Mường Lát nói riêng và cho cộng đồng xã hội nói chung.

Việc lồng ghép, thực hiện tốt các hoạt động công tác xã hội trong giảm nghèo không chỉ đem lại lợi ích cho người nghèo mà còn giúp cán bộ chính sách được vận dụng kiến thức vào làm việc thực tế, nâng cao trình độ chuyên môn, tham mưu cho chính quyền địa phương có những giải pháp phù hợp với tình hình thực tế của địa phương, đồng thời để người dân được tiếp cận với khoa học và kỹ năng thực hành.

Để việc thực hiện các hoạt động của công tác xã hội trong công tác giảm nghèo cần có sự nỗ lực không chỉ của chính quyền, cán bộ chính sách, người nghèo mà còn cần tới sự góp sức của cả cộng đồng xã hội thì các hoạt động của công tác xã hội với người nghèo mới đạt hiệu quả cao hơn.

KẾT LUẬN - KHUYẾN NGHỊ

Giảm nghèo là một mục tiêu mang tính chiến lược của Đảng và Nhà nước trong công cuộc đổi mới và xây dựng đất nước. Việc đưa công tác xã hội vào trong thực hiện hỗ trợ giảm nghèo là một hướng đi mới vừa đáp ứng mục tiêu giảm nghèo và giảm nghèo bền vững, vừa tạo điều kiện cho ngành công tác xã hội phát triển đa dạng hơn ở nước ta nói chung và huyện Mường Lát tỉnh Thanh Hóa nói riêng. Việc lồng ghép công tác xã hội trong công tác hỗ trợ giảm nghèo cũng giúp các nhân viên xã hội được vận dụng các kiến thức, kỹ năng được đào tạo vào điều kiện hoàn cảnh thực tế công việc.

Qua quá trình nghiên cứu, xuất phát từ thực tiễn thực hiện đề tài: ***“Công tác xã hội trong hỗ trợ giảm nghèo tại huyện Mường Lát tỉnh Thanh Hóa”*** tác giả đưa ra những kết luận sau:

Luận văn đã vận dụng các phương pháp nghiên cứu và các hoạt động tác nghiệp chuyên sâu của công tác xã hội là phương pháp “Tay cầm tay cùng đồng hành, cầm tay chỉ việc, lấy thực tiễn kinh nghiệm làm trung tâm” để giải quyết một vấn đề cụ thể đặt ra là vấn đề nghèo trên địa bàn huyện Mường Lát tỉnh Thanh Hóa.

Kết quả nghiên cứu đã cho thấy, việc thực hiện hoạt động hỗ trợ giảm nghèo ở Việt Nam nói chung, hỗ trợ cho người nghèo, đặc biệt là người nghèo đồng bào các dân tộc huyện Mường Lát nói riêng, trong nhiều năm qua đã mang lại những kết quả, thành tựu nhất định. Chính sách hỗ trợ người nghèo thực hiện giảm nghèo đã hiện thực hóa chủ trương của Đảng và Nhà nước, khẳng định sự quan tâm, ý chí quyết tâm và hành động nhằm hỗ trợ người dân, thoát nghèo, vươn lên làm giàu, cải thiện nâng cao thu nhập, chất lượng cuộc sống. Tuy nhiên, bên cạnh những kết quả đạt được, vẫn còn tồn tại không ít hạn chế, bất cập mà một trong những nguyên nhân của hạn chế, bất cập đó là, sự tham gia, ý thức, trách nhiệm và nỗ lực hành động của người dân, của bản thân người nghèo, hộ nghèo ở nhiều nơi, nhiều thời điểm chưa thực sự chủ động, tích cực. Vấn đề nghèo chỉ có thể giải quyết một cách triệt để, bền vững khi sự nỗ lực của chính người dân và cộng đồng nghèo trong quyết tâm phấn đấu, vươn lên, tìm mọi cách để thoát nghèo cũng với những

sự hỗ trợ từ các nguồn lực bên ngoài. Đồng thời các hoạt động công tác xã hội phải được áp dụng, tiếp cận một cách chuyên sâu. Do đó, phát huy nội lực là yếu tố, là điều kiện quyết định đối với thành công của giảm nghèo trong mối quan hệ chặt chẽ giữa các vai trò của các hoạt động công tác xã hội với người nghèo, đồng hành cùng với việc phát huy hiệu quả các nguồn lực bên ngoài.

Luận văn đã khảo sát, đánh giá thực trạng, kết quả hỗ trợ giảm nghèo và thực hiện giảm nghèo cho hộ nghèo trên địa bàn huyện Mường Lát. Từ kết quả nghiên cứu, khảo sát, đánh giá đó, luận văn đã đề xuất các giải pháp mang tính khả thi, thiết thực và xây dựng, triển khai nhằm đạt mục tiêu hỗ trợ giảm nghèo trong thực hiện hỗ trợ giảm nghèo cho đồng bào các dân tộc huyện trên cơ sở phát huy nội lực, kết hợp với các nguồn lực xuất phát từ cơ chế chính sách.

Để đạt được những kết quả hơn của hoạt động công tác xã hội trong hỗ trợ giảm nghèo nói chung, công tác hỗ trợ giảm nghèo và việc thực hiện hỗ trợ giảm nghèo cho đồng bào các dân tộc huyện Mường Lát nói riêng, thực sự thành công, hiệu quả, tôi mạnh dạn nêu ra thêm một số khuyến nghị như sau:

Một là, khẩn trương tham mưu cho chính quyền địa phương tăng cường đào tạo nguồn lực cao tại chỗ. Đặc biệt là nguồn lực chuyên sâu về lĩnh vực công tác xã hội để phát huy được vai trò của nghề công tác xã hội đi vào thực tế đời sống nhân dân. Đồng thời kêu gọi toàn bộ hệ thống chính trị cơ sở phải thực sự vào cuộc, vào cuộc thực sự sâu sát để vừa hỗ trợ, vừa đánh giá, vừa tạo động lực, khích lệ người dân, người nghèo và đồng bào các dân tộc trong huyện nỗ lực vươn lên thoát nghèo.

Hai là, chính sách hỗ trợ giảm nghèo, các nguồn hỗ trợ từ bên ngoài không nên chỉ tác động một chiều, mà đòi hỏi phải có sự đối ứng, tương tác. Nếu các chính sách hỗ trợ vẫn cứ áp dụng một cách cứng nhắc, dàn trải thì chắc chắn vẫn sẽ tạo ra tâm lý, thái độ thụ động, trông chờ, ỷ lại của người dân, đó là một lý do làm hạn chế hoặc triệt tiêu động lực, ý chí vươn lên thoát nghèo của họ. Vì vậy, các dự án, chương trình hành động, các nguồn lực hỗ trợ từ bên ngoài trước khi triển khai cần nhận được kế hoạch rõ ràng và mang tính hiệu quả về việc sử dụng các nguồn lực đó đảm bảo đúng mục đích.

Ba là, về phía người dân, người nghèo để thực sự thoát được nghèo, vươn lên làm giàu thì phải tham gia vào chính sách không chỉ với vị trí của người hưởng lợi mà còn phải thể hiện vai trò, trách nhiệm, gắn chặt giữa quyền lợi với nghĩa vụ. Do đó phải tham gia với tư cách vừa là đối tượng hưởng lợi, vừa là đối ứng trách nhiệm, phải đóng góp công sức, trí tuệ và nguồn lực khác, mạnh dạn bỏ các hủ tục lạc hậu để tiếp cận với khoa học kỹ thuật mới (vốn, tài sản...). Chỉ có như vậy, việc giảm nghèo mới thực sự đi vào bản chất và bền vững hơn.

Bốn là, tăng cường kết nối giao lưu và trao đổi của chính quyền địa phương huyện với hai huyện xấp Bâu và Viêng Xay nước bạn Lào anh để có các cơ chế phối hợp phù hợp giữa 2 nước, đồng thời tạo thêm cơ chế chính sách hỗ trợ cho nhân dân hai nước cùng đồng hành phát triển kinh tế xã hội, đảm bảo An ninh - Quốc phòng.

Năm là, tăng cường giao lưu nhân dân giữa các huyện biên giới các xã biên giới. Đặc biệt là nhân dân sống chung đường biên giới, nhằm trao đổi hàng hóa, giao thương các mặt hàng có thể mạnh giữa nhân dân hai nước để có những hiệu quả cao, tăng thêm thu nhập cho người dân vươn lên thoát nghèo một cách bền vững trên tất cả các phương diện hơn, tạo niềm tin hơn.

DANH MỤC TÀI LIỆU THAM KHẢO

1. Lê Xuân Bá (2001), *Nghèo đói và xóa đói, giảm nghèo ở Việt Nam*, Nxb Nông nghiệp.
2. Đỗ Thị Bình (1996), Lê Ngọc Hân, *Phụ nữ nghèo nông thôn trong điều kiện kinh tế thị trường*, Nxb Chính trị quốc gia.
3. Đỗ Thị Dung (2011), *Giải pháp xóa đói giảm nghèo trên địa bàn huyện Nông Sơn, tỉnh Quảng Nam*.
4. Phạm Ngọc Dũng (2015), *Giảm nghèo bền vững trên địa bàn tỉnh Hà Giang*.
5. Nguyễn Thị Hằng (1997), *Vấn đề xóa đói, giảm nghèo ở nông thôn nước ta hiện nay*, Nxb Chính trị quốc gia.
6. Trần Thị Hằng (2001), *Vấn đề giảm nghèo trong nền kinh tế thị trường ở Việt Nam hiện nay*, Nxb Học viện Chính trị Quốc gia Hồ Chí Minh, Hà Nội.
7. Nguyễn Hải Hữu (2005), *Cuộc chiến chống nghèo đói thực trạng và giải pháp*.
8. Nguyễn Hải Hữu (2005), *Định hướng tiếp cận giải quyết vấn đề về nghèo đói ở nước ta*.
9. Bùi Thế Giang (1996), *Vấn đề nghèo ở Việt Nam*, Nxb Chính trị Quốc gia.
10. Liên hiệp các hội khoa học và kỹ thuật Việt Nam (2001), *Xóa đói, giảm nghèo vùng dân tộc thiểu số; phương pháp tiếp cận*.
11. Lê Quốc Lý (2012), *Chính sách xóa đói giảm nghèo - Thực trạng và giải pháp*.
12. Bùi Thị Xuân Mai (2012), *Giáo trình nhập môn công tác xã hội*, Nxb Lao động Xã hội, Tr 14-146.
13. Nguyễn Thị Nhung (2012), *Giải pháp xóa đói giảm nghèo nhằm phát triển kinh tế xã hội ở các tỉnh Tây Bắc Việt Nam*.
14. National Association of Social Workers (1983), *Standards for Social Service Manpower*, New York: NASW, Tr 4.

15. Lương Hồng Quang (2001), *Văn hóa của nhóm người nghèo Việt Nam. Thực trạng và giải pháp.*
16. Richard Jones, Trần Thị Hạnh, Nguyễn Anh Phong, Trương Thị Thu Trang (2009), *Rà soát tổng quan các chương trình dự án giảm nghèo ở Việt Nam*, Chương trình phát triển Liên hợp quốc, Tr 14.
17. Mai Tấn Tuân (2015), *Chính sách giảm nghèo bền vững từ thực tiễn Quận Liên Chiểu, Thành phố Đà Nẵng.*
18. World Bank (2004), *Đói nghèo và bất bình đẳng ở Việt Nam.*
19. Viện Khoa học Xã hội Việt Nam (VIASS) (2011), *Báo cáo giảm nghèo ở Việt Nam- Thành tựu và thách thức.*
20. Viện Nghiên cứu và Tư vấn phát triển (RCD) -Bộ LĐTB& XH (2015), *Báo cáo tổng quan các nghiên cứu về giảm nghèo ở Việt Nam.*
21. Lại Thế Quảng (2020) *Giải pháp tuyên truyền nâng cao nhận thức và quyết tâm thoát nghèo cho người nghèo, hộ nghèo trên địa bàn huyện Như Thanh đến năm 2020.*

PHỤ LỤC 1
PHIẾU THU THẬP THÔNG TIN

(Dành cho đối tượng người nghèo)

Xin kính chào Quý Ông/Bà!

Để thu thập thông tin phục vụ cho luận văn ngành Công tác xã hội: “Công tác xã hội trong việc hỗ trợ chính sách giảm nghèo tại huyện Mường Lát”. Rất mong Ông/Bà giúp đỡ bằng cách trả lời bảng khảo sát dưới đây. Những thông tin mà Ông/Bà cung cấp chỉ để phục vụ cho đề tài và đảm bảo tính khuyết danh. Xin chân thành cảm ơn sự hỗ trợ của Ông/Bà!

1. Tuổi:.....

Giới tính:.....

Gia đình ông/bà có bao nhiêu người?

Từ 1 – 2 người

Từ 3 – 5 người

Từ 6 – 8 người

Khác

2. Nơi cư trú: xã....., huyện Mường Lát

3. Lĩnh vực lao động sản xuất chính của gia đình là gì?

Nông nghiệp, chăn nuôi

Ngư nghiệp, nuôi trồng thủy sản

Dịch vụ

Khác (ghi rõ):

4. Ông/Bà có được nghe tuyên truyền về các chính sách giảm nghèo không?

a) Có

b) Không

Nếu “Không” Ông/ Bà vui lòng cho biết lý do vì sao?

.....
.....
.....

Nếu “Có” Ông/ Bà vui lòng trả lời tiếp các câu hỏi sau:

Ông/Bà được cán bộ địa phương giới thiệu, giải thích về việc thực hiện các chính sách nào dưới đây?

- a) Chính sách hỗ trợ vay vốn, tặng sổ tiết kiệm
- b) Chính sách cấp thẻ bảo hiểm y tế miễn phí
- c) Chính sách đào tạo nghề và kết nối việc làm
- d) Chính sách miễn giảm học phí

Ông/Bà được tuyên truyền về việc hỗ trợ chính sách giảm nghèo thông qua hình thức nào sau đây?

- a) Loa phát thanh của xã
- b) Báo đài
- c) Tờ rơi
- d) Qua các cuộc họp
- e) Trực tiếp tại nhà

Ông/Bà đánh giá thế nào về hiệu quả của việc tuyên truyền này?

Ông/Bà có nắm được đầy đủ nội dung về các thông tin đã được tuyên truyền hay không?

STT	Nội dung truyền thông	Tôi đã nắm rõ	Tôi đã được nghe nhưng chỉ hiểu một phần	Tôi đã được nghe nhưng không hiểu
1	Chính sách vay vốn và tặng sổ tiết kiệm			
2	Chính sách bảo hiểm y tế			
3	Chính sách hỗ trợ đào tạo nghề và kết nối việc làm			
4	Chính sách miễn giảm học phí			
5	Nội dung khác (nêu rõ).....			

4.4. Ông/Bà vui lòng cho biết những khó khăn, vướng mắc trong việc tiếp nhận thông tin tuyên truyền?

- a) Không có đủ thiết bị để tiếp nhận thông tin từ các kênh khác nhau
- b) Nội dung thông tin truyền đạt dài dòng, khó hiểu
- c) Cán bộ cung cấp thông tin chưa đầy đủ, không nhiệt tình giải thích khi cần
- d) Khác (Nếu rõ)

Ông/Bà vui lòng cho biết nguyên nhân nào dẫn đến việc ông bà chưa nắm rõ nội dung tuyên truyền?

.....
.....
.....
.....

Ông/Bà vui lòng đánh giá các hoạt động kết nối của cán bộ chính sách trong việc truyền thông về chính sách giảm nghèo

- a) Rất tốt. Cán bộ chính sách cung cấp đầy đủ thông tin và nhiệt tình giải thích những thắc mắc của tôi.
- b) Bình thường. Cán bộ chính sách cung cấp đầy đủ thông tin nhưng không giải đáp được những thắc mắc của tôi
- c) Không tốt. Cán bộ chính sách cung cấp thông tin thiếu đầy đủ, không thường xuyên, không nhiệt tình giải đáp thắc mắc của tôi

Ông/Bà có đề xuất gì để nâng cao chất lượng hoạt động tuyên truyền về chính sách giảm nghèo?

.....
.....
.....

Ông/Bà có đề xuất gì để nâng cao các hoạt động của cán bộ chính sách trong hoạt động truyền thông chính sách giảm nghèo?

.....
.....
.....

d) Việc làm được giới thiệu quá khả năng mà tôi có thể đáp ứng Ông/Bà vui lòng cho biết những khó khăn, vướng mắc trong việc tham gia vào chương trình hỗ trợ về đào tạo nghề và kết nối việc làm (nếu có)

e) Tôi không có thời gian để tham gia đầy đủ các buổi học vì còn phải đi lao động kiếm tiền mưu sinh

f) Tôi không tiếp thu được kiến thức của chương trình đào tạo

g) Tôi không đủ kinh tế để theo học các khóa đào tạo

h) Việc làm được giới thiệu quá khả năng mà tôi có thể đáp ứng

Ông/Bà vui lòng đánh giá các hoạt động của cán bộ chính sách trong việc hỗ trợ đào tạo nghề và kết nối việc làm

a) Rất tốt. Cán bộ chính sách nhiệt tình giới thiệu và vận động được nguồn tài trợ cho tôi đi học nghề. Cán bộ chính sách còn làm cho nhà tuyển dụng tin tưởng.

b) Bình thường. Cán bộ chính sách có giới thiệu tôi với trung tâm đào tạo nghề, nhưng tôi phải tự đi liên hệ để tìm nơi làm việc

c) Không tốt. Cán bộ chính sách giới thiệu đầy đủ thông tin về chương trình đào tạo nghề và kết nối việc làm, nhưng không nhiệt tình giúp đỡ tôi tiếp cận với các chương trình đó

Ông/Bà có đề xuất gì để nâng cao chất lượng hoạt động hỗ trợ đào tạo nghề và kết nối việc làm?

.....
.....
.....

Ông/Bà có đề xuất gì để nâng cao các hoạt động của cán bộ chính sách trong hoạt động hỗ trợ đào tạo nghề và kết nối việc làm?

.....
.....

6. Ông/Bà có được nhận các hỗ trợ về tài chính không? Nếu “Không” Ông/Bà cho biết lý do vì sao?

.....
.....

Nếu “Có” Ông/Bà vui lòng trả lời những câu hỏi sau:

Ông/Bà được nhận hỗ trợ tài chính qua các hình thức nào dưới

- a) Hỗ trợ vay vốn
- b) Tặng sổ tiết kiệm
- c) Hỗ trợ tài chính vi mô

Ông/Bà vui lòng đánh giá hiệu quả của các hoạt động hỗ trợ tài chính trên và hỗ trợ việc làm?

STT	Hỗ trợ tài chính	Rất tốt	Bình thường	Không tốt
1	Hỗ trợ vay vốn			
2	Tặng sổ tiết kiệm			
3	Hỗ trợ tài chính vi mô			

Mức vay vốn của ông bà là bao nhiêu?

- 1. Dưới 5 triệu đồng
- 2. Từ 5.000.000 đồng - 10.000.000 đồng
- 3. Từ 10.000.000 - 25.000.000 đồng
- 4. Từ 25.000.000 đồng - 50.000.000 đồng

Ông/bà có hài lòng về việc thực hiện chính sách vay vốn để giải quyết việc làm không?

- 1. Rất hài lòng
- 2. Hài lòng
- 3. Bình thường
- 4. Không hài lòng
- 5. Rất không hài lòng

Ông/Bà vui lòng cho biết những khó khăn, vướng mắc trong việc nhận những hỗ trợ về tài chính

- a) Số tiền hỗ trợ còn ít
- b) Thủ tục để nhận được nguồn hỗ trợ rất rườm rà
- c) Lo sợ sẽ không có khả năng trả được khoản vay vốn
- d) Không biết cách sử dụng nguồn vốn một cách hiệu quả, sinh lời

Ông/Bà vui lòng đánh giá các hoạt động của cán bộ chính sách trong việc hỗ trợ tài chính

a) Rất tốt. Cán bộ chính sách rất nhiệt tình hướng dẫn tôi làm các thủ tục để nhận hỗ trợ tài chính, bên cạnh đó còn giúp tôi có thêm kiến thức, kinh nghiệm để sử dụng nguồn hỗ trợ hiệu quả

b) Bình thường. Cán bộ chính sách có cung cấp thông tin cho tôi về chương trình hỗ trợ tài chính nhưng tôi gặp nhiều khó khăn trong quá trình hoàn thiện thủ tục, phải đi lại nhiều lần

c) Không tốt. Cán bộ chính sách tỏ ra hời hợt khi tôi hỏi thông tin về các chương trình hỗ trợ tài chính, không giải đáp được những thắc mắc của tôi và không hỗ trợ để tôi hoàn thiện thủ tục

Ông/Bà có đề xuất gì để nâng cao chất lượng hoạt động hỗ trợ tài chính?

.....

.....

Ông/Bà có đề xuất gì để nâng cao các hoạt động của cán bộ chính sách trong hoạt động hỗ trợ tài chính?

.....

.....

Ông/bà cho biết những yếu tố nào ảnh hưởng đến hiệu quả của hoạt động công tác xã hội trong hỗ trợ giảm nghèo?

Cơ sở vật chất, kỹ thuật

Nhân viên công tác xã hội

Năng lực, thái độ của cán bộ chính sách

Bản thân người nghèo

Cơ chế chính sách

Khác

PHỤ LỤC 2

CÂU HỎI PHÒNG VẤN SÂU

(Dành cho cán bộ chính sách cấp xã, thị trấn)

1. Anh(chị) bắt đầu tiếp nhận vị trí cán bộ chính sách(tại xã/thị trấn) từ khi nào? Vị trí làm việc có phù hợp với chuyên ngành đã được đào tạo trước đây không? Nếu không, xin vui lòng chia sẻ những khó khăn khi phải làm việc trái ngành mình đã học?

2. Đề án 32 (QĐ số 32/2010/TTg) và Kế hoạch Chương trình giảm nghèo của tỉnh Thanh Hóa có đề cập đến việc không ngừng nâng cao năng lực, trau dồi nghiệp vụ cho cán bộ cơ sở trong lĩnh vực giảm nghèo như đào tạo kiến thức kỹ năng về công tác xã hội. Anh (chị) đã tham gia những khóa tập huấn nào, xin vui lòng chia sẻ dưới đây. Theo anh (chị), những tập huấn nâng cao nghiệp vụ như vậy có đáp ứng được nhu cầu của anh chị cũng như đáp ứng được những đòi hỏi của công việc không? Mức độ hài lòng của anh (chị) với những chương trình đó ra sao?

3. Xin anh (chị) vui lòng chia sẻ về quan điểm của huyện trong việc triển khai đào tạo, tập huấn nâng cao nghiệp vụ về áp dụng công tác xã hội trong việc thực hiện triển khai chính sách giảm nghèo. (Câu hỏi dành cho cán bộ huyện)

4. Xin anh (chị) vui lòng cho biết tại xã, thị trấn anh (chị) làm việc có thực hiện các các hoạt động của công tác xã hội không? (Câu hỏi dành cho cán bộ xã, thị trấn)

5. Nếu “Có” anh (chị) đã vận dụng các các hoạt động sau đây như thế nào trong công việc hiện tại tại cơ sở:

- Hoạt động tuyên truyền nâng cao nhận thức.
- Hoạt động hỗ trợ dạy nghề tạo việc làm
- Hoạt động hỗ trợ vay vốn .
- Hoạt động hỗ trợ kết nối nguồn lực. Cộng đồng

6. Anh (chị) đã vận dụng những các hoạt động đó như thế nào vào công tác giảm nghèo và thực hiện trong những hoạt động nào?

7. Anh chị đánh giá ra sao về hiệu quả của việc vận dụng kiến thức các hoạt động trong công tác xã hội vào việc thực hiện các chính sách giảm nghèo? (Vay vốn, giới thiệu việc làm, đào tạo nghề, tặng sổ tiết kiệm, cấp bảo hiểm y tế, miễn giảm học phí,...). Những mặt thành công và những mặt đạt được là gì?

8. Anh (chị) gặp những khó khăn, vướng mắc gì trong quá trình thực hiện các các hoạt động của công tác xã hội vào thực hiện chính sách giảm nghèo?

9. Anh (chị) có đề xuất gì trong việc tăng cường hiệu quả của việc áp dụng công tác xã hội trong việc giảm nghèo tại địa phương.